

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất

Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy

Mã ngành: 7.14.02.06

Thanh Hóa, 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chương trình đào tạo, trình độ đại học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ đề nghị của các khoa đào tạo về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo; Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT; Thông báo số 231/TB-ĐHHĐ ngày 05/10/2023 về việc kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2019-2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo trình độ đại học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023 (có danh sách các chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trường các khoa quản lý CTĐT, đơn vị quản lý học phần có trách nhiệm triển khai xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường các khoa, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, P.QLĐT.





TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023
(Ban hành theo Quyết định số 2188/QĐ-ĐHHD, ngày 18/9/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
1	7140201	Giáo dục Mầm non	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	
3	7140206	Giáo dục Thể chất	
4	7140209	Sư phạm Toán học	
5	7140211	Sư phạm Vật lý	
6	7140212	Sư phạm Hóa học	
7	7140213	Sư phạm Sinh học	
8	7140217	Sư phạm Ngữ văn	
9	7140218	Sư phạm Lịch sử	
10	7140219	Sư phạm Địa lý	
11	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	
13	7310101	Kinh tế	
14	7310401	Tâm lý học	
15	7340101	Quản trị kinh doanh	
16	7340201	Tài chính-Ngân hàng	
17	7340301	Kế toán	
18	7340302	Kiểm toán	
19	7380101	Luật	
20	7520201	Kỹ thuật điện	
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng	
22	7810101	Du lịch	
23	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 2587/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

- **Tên chương trình (Tiếng Việt):** Giáo dục thể chất
- **Tên chương trình (Tiếng Anh):** Physical Education
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Mã ngành đào tạo:** 7.14.02.06
- **Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:** Khoa Giáo dục Thể chất
- **Đối tượng tuyển sinh:**

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Đối tượng tuyển sinh là người đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông, bổ túc trung học phổ thông hoặc tương đương. Thí sinh thi vào học ngành Giáo dục thể chất phải có năng khiếu thể thao, cơ thể cân đối, không bị dị tật, dị hình, có sức khỏe và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDTT lâu dài. Chiều cao tối thiểu đối với nam là 165 cm, nữ là 155 cm.

- **Thời gian đào tạo:** 4 năm (48 tháng)
- **Hình thức đào tạo:** Chính quy
- **Số tín chỉ yêu cầu:** 130 Tín chỉ
- **Điều kiện tốt nghiệp:** Ghi theo quy định đào tạo hiện hành
- **Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân sư phạm
- **Vị trí làm việc:**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở có khả năng giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề; làm việc ở các Trung tâm TDTT, Phòng văn hóa huyện, tỉnh trong lĩnh vực TDTT.

- **Khả năng học tập nâng cao trình độ:** Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
- **Chương trình tham khảo:**

+ Chương trình ĐH GDTC của trường Đại học TDTT Đà Nẵng.

<http://dsu.edu.vn/>

+ Chương trình ĐH GDTC của trường Đại học SP Hà Nội.

<http://daotao.hnue.edu.vn/ChuongTrinhDaoTaoToanTruong.aspx>

+ Chương trình Đại học Thể dục thể thao - Trường Đại học sư phạm công lập Chương Hoá- Đài Loan- Trung Quốc <https://en.ncue.edu.tw/m/home.php>

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất đào tạo giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững chắc, có khả năng giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề; làm việc ở các Trung tâm TDTT, Phòng văn hóa huyện, thị xã trong lĩnh vực TDTT. Có năng lực ngoại ngữ, công nghệ số, kỹ năng khởi nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT), công nghệ số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thể dục thể thao.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO4: Người học được cung cấp kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; Nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai.

PO5: Có kiến thức liên môn cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy chuyên môn ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề.

PO6: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, các quy luật và hiện tượng vật lý, các định luật và tính chất hóa học, các quy luật phát triển của tự nhiên; Lập được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động dạy học, vận dụng những kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực chuyên môn cũng như trong cuộc sống.

PO7: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về cấu trúc giải phẫu, đặc điểm tâm sinh lý, hình thái chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể; các vấn đề về tâm lý trong tập luyện và thi đấu; lượng vận động, quãng nghỉ, cấu trúc buổi tập, bài tập... đối với các học phần lý luận trong lĩnh vực Giáo dục thể chất như: Tâm lý học thể dục thể thao, lịch sử TDTT & Olympic, sinh lý, giải phẫu, vệ sinh, y học TDTT, lý luận và phương pháp GDTC, đo lường TDTT, quản lý TDTT, sinh hóa TDTT... để giải thích các quy luật, nguyên lý, cấu trúc bài tập, kỹ chiến thuật trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao như: Điền kinh, thể dục, trò chơi vận động, đá cầu, cầu lông, võ thuật, quần vợt, cờ vua và các môn bóng vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy Giáo dục thể chất ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề; làm việc ở các Trung tâm TDTT, Phòng văn hóa huyện, tỉnh trong lĩnh vực TDTT.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO8: Hiểu biết có hệ thống các kiến thức về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, cách đánh giá kết quả giảng dạy các môn thể thao; nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất; nguyên lý kỹ thuật các môn thể thao. Giải thích các kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.

PO9: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn GDTC, nghiệp vụ sư phạm; có khả năng đưa ra sáng kiến, đánh giá, kết luận và cải tiến về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học GDTC; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung:**

PLO1: Sinh viên phân tích được những kiến thức kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3: Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về hệ thống máy tính; củng cố và phát triển hơn nữa tư duy giải quyết vấn đề, khả năng đưa ra ý tưởng và chuyển giao nhiệm vụ cho máy tính thực hiện, biết cách ứng xử phù hợp trong môi trường số, hợp tác tốt trong môi trường số. Sinh viên khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và đổi mới sang tạo từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

PLO4: Sinh viên hiểu được các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, giáo dục học; Vận dụng để luận giải các vấn đề tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, giáo dục học, giải quyết các vấn đề chuyên môn, quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục vào quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà giáo, các hoạt động giáo dục trong các Nhà trường, các cơ sở GD&ĐT, phát triển năng lực nghề nghiệp và phong cách nhà giáo của mình.

PLO5: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; môi trường và con người, mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; Vận dụng để luận giải các vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, giải quyết các vấn đề chuyên môn vào quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà giáo, các hoạt động giáo dục trong các Nhà trường, xây dựng và phát triển chương trình dạy học, đáp ứng được nhu cầu thường xuyên của xã hội đối với giáo dục và đào tạo.

PLO6: Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, các quy luật và hiện tượng vật lý, các quy luật phát triển của tự nhiên; Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào giải quyết tốt các nội dung dạy học có liên quan, vận dụng các kiến thức liên môn trong dạy học, xây dựng và phát triển chương trình dạy học, đáp ứng được nhu cầu thường xuyên của xã hội đối với giáo dục và đào tạo, có khả năng lập luận tư duy và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong hoạt động chuyên môn.

*** Kiến thức chuyên môn:**

PLO7: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về cấu trúc giải phẫu; đặc điểm và cơ sở sinh lý của những hoạt động thể thao, hình thái chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể con người; quá trình trao đổi chất, những biến đổi hóa sinh trong cơ thể trước, trong và sau tập luyện, thi đấu; những kiến thức hệ vận động cơ thể người, các nguyên tắc sinh cơ học diễn ra trong quá trình vận động của con người; đặc điểm, cơ sở tâm lý, phương pháp vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT; kiểm tra y học TDTT, nguyên nhân chấn thương, phương pháp phòng tránh chấn thương. Từ đó, người học phân tích được những ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đến cấu tạo giải phẫu, đặc điểm tâm sinh lý, sinh hóa của cơ thể người để

vận dụng, phù hợp với điều kiện tập luyện, thi đấu, giảng dạy, huấn luyện từng môn thể thao khác nhau.

PLO8: Có được hệ thống các kiến thức về lịch sử TDTT; công tác quản lý TDTT; lý luận TDTT, lý luận giáo dục thể chất trong trường học; nguyên lý kỹ thuật các môn thể thao; các nguyên tắc về phương pháp giảng dạy, huấn luyện; công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập; các kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao; các kiến thức cơ bản về phương pháp thống kê, đo lường, NCKH TDTT. Từ đó, vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập, giảng dạy Giáo dục thể chất, huấn luyện; nghiên cứu KH TDTT ở các trường tiểu học, phổ thông, các trường chuyên nghiệp và dạy nghề, ở các trung tâm, phòng văn hóa TDTT, Bên cạnh đó người học Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao.

2.2.2. Kỹ năng

PLO9: Xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy môn Giáo dục thể chất, tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học lý thuyết và thực hành ở các trường phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề; lập kế hoạch huấn luyện các đội tuyển, trọng tài, tổ chức thi đấu các giải thể thao.

2.2.3. Năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PLO10: Có sáng kiến, năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao và giảng dạy một cách có hiệu quả; có năng lực tự lập kế hoạch tập luyện và thi đấu cũng như có khả năng đưa ra được dự đoán, kết luận về thành tích các môn thể thao khác nhau. Đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy; vai trò huấn luyện các đội tuyển, tổ chức tốt các phong trào thể thao; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên ngành GDTC, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	Kiến thức Giáo dục đại cương		39							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác- Lênin	3	32	26		135		2	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	3	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	4	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	21	18		90	1	5	LSD-TTHCM
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	1	5	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		4	Luật

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
II	Khoa học xã hội – nhân văn		7							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sang tạo	3	27	26	10	135		5	QTKD
8	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Sinh học
9	121005	Cơ sở văn hóa Việt nam	2	18	18	6	90		1	VNH-DL
III	Khoa học tự nhiên-công nghệ		9							
10	114086	Xác suất thống kê	2	18	12	12	90		4	ĐS-HH
11	172555	Công nghệ số	3	20		50	135		2	MMT&UD
12	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	117093	Sinh hóa TDDT	2	18	24		90		8	Sinh học
b	292036	Sinh cơ học TDDT	2	18	24		90		8	
13	193005	Giải phẫu TDDT	2	18	24		90		6	Sinh học
IV	Ngoại ngữ		10							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NNKC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2	
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3	
V	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	Kiến thức GDCN		91							
I	Kiến thức cơ sở		22							
17	181080	Tâm lý học	4	36	48		180		2	Tâm lý học
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	17	3	Giáo dục học
19	198000	QLHCNN & QL giáo dục	2	18	24		90		7	Giáo dục học
20	281046	Tâm lý học TDDT	2	15	15		90	17	4	LL&PP GDTC
21	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	191099	PP TK trong TDDT	2	15	15		90		3	LL&PP GDTC
b	193008	Đo lường thể dục thể thao	2	15	15		90		3	
22	292031	PP NCKH TDDT	2	15	15		90	21	6	LL&PP GDTC
23	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	191060	LL&PP Thể dục thể thao	3	21	9	15	135		1	LL&PP GDTC
b	193016	Huấn luyện TDDT	3	21	9	15	135		1	
24	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	193001	LL&PPGDTC trong trường học	3	21	9	15	135	23	7	LL&PP GDTC
b	292026	LL&PP Giáo dục thể chất	3	21	9	15	135	23	7	
II	Kiến thức ngành		50							
25	193017	Điện kinh 1	4	12		48	180		1	Bóng – ĐK
26	193022	Điện kinh 2	2	6		24	90	25	3	Bóng – ĐK
27	193024	Thể dục	4	12		48	180		1	Bóng – ĐK
28	192048	Cờ vua	2	6		24	90		7	LL&PP GDTC
29	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	193015	Bơi ếch	3	9		36	135		2	Bóng – Đ
b	193010	Bơi trườn sấp	3	9		36	135		2	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
30	192002	Cầu lông	3	9		36	135		4	Bóng – ĐK
31	193025	Bóng bàn, trò chơi vận động	4	12		48	180		3	Bóng – ĐK
32	191036	Bóng chuyền	3	9		36	135		5	Bóng – ĐK
33	193026	Bóng đá, Đá cầu	4	12		48	180		6	Bóng – ĐK
34	193002	Quần vợt	3	9		36	135		4	LL&PP GDTC
35	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	192026	Võ Vovinam	3	9		36	135		7	LL&PP GDTC
b	192006	Taewondo	3	9		36	135		7	LL&PP GDTC
36	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	192049	Bóng rổ	3	9		36	135		6	Bóng – ĐK
b	193027	Bóng ném	3	9		36	135		6	Bóng – ĐK
37	192004	Cầu lông chuyên sâu	3	9		36	135	30	5	Bóng – ĐK
38	193003	Bóng chuyền chuyên sâu	3	9		36	135	32	6	Bóng – ĐK
39	192005	Bóng đá chuyên sâu	3	9		36	135	33	7	Bóng – ĐK
40	193004	Bóng rổ chuyên sâu	3	9		36	135	36	7	Bóng – ĐK
III	Kiến thức bổ trợ		6							
41	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	191200	Vệ sinh, sinh lý TDDT	4	30	30		180	13	4	LL&PP GDTC
b	193902	Y học TDDT	4	30	30		180	13	4	
42	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	193012	Quản lý TDDT	2	15	15	0	90		5	
b	193014	Lịch sử TDDT & Olympic	2	15	15	0	90		5	
IV	Thực tập/KLTN/HP thay thế		13							
	Kiến tập, Thực tập sự phạm									
43	132005	Kiến tập	2						5	
44	153130	Thực tập sự phạm	5						8	
	Khóa luận/Học phần thay thế		6							
45	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	193021	Thể dục aerobic	3	9		36	135	27	8	LL&PP GDTC
b	193023	Khiêu vũ thể thao	3	9		36	135	27	8	
46	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	191081	Nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng	3	9		36	135	26	8	Bóng – ĐK
b	191082	Nhảy cao lưng qua xà	3	9		36	135	26	8	
Tổng			130							

IV KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	LT	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 14, tự chọn: 03)								

1	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
2	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x		18	18	6
3	191060	LL&PP TDDT (Huấn luyện TDDT)	3		x	21	9	15
4	193017	Điền kinh 1	4	x		6	0	24
5	193024	Thế dục	4	x		6	0	24
Học kỳ: 2 số tín chỉ 18 (bắt buộc:15, tự chọn: 03)								
1	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
2	196055	Triết học Mác- Lênin	3	x		32	26	0
3	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
4	181080	Tâm lý học	4	x		36	48	0
5	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	0
6	193015	Bơi ếch (Trườn sấp)	3		x	9	0	36
Học kỳ: 3 số tín chỉ 17 (bắt buộc:15, tự chọn: 02)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	x		21	18	0
2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
3	193008	Đo lường TDDT (PPTK trong TDDT)	2		x	15	15	0
4	182005	Giáo dục học	4	x		36	48	0
5	193025	Bóng bàn, Trò chơi vận động	4	x		12	0	48
6	193022	Điền kinh 2	2	x		6	0	24
Học kỳ: 4 số tín chỉ 16 (bắt buộc:12, tự chọn: 04)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	0
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12
3	114086	Xác suất thống kê	2	x		18	12	12
4	193028	Vệ sinh, sinh lý TDDT (Y học TDDT)	4		x	30	30	0
5	193002	Quần vợt	3	x		9	0	36
6	192002	Cầu lông	3	x		9	0	36
Học kỳ: 5 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 15, tự chọn: 02)								
1	198030	Lịch sử ĐCS VN	2	x		21	18	0
2	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	0
3	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
4	193012	Quản lý TDDT (Lịch sử TDDT & Olympic)	2		x	15	15	0
5	191036	Bóng chuyền	3	x		9	0	36
6	192004	Cầu lông chuyên sâu	3	x		9	0	36
7	132005	Kiến tập	2	x				
Học kỳ: 6 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 13, tự chọn: 03)								
1	292031	PP NCKH TDDT	2	x		15	15	0
2	193005	Giải phẫu TDDT	2	x		18	24	0
3	281046	Tâm lý học TDDT	2	x		15	15	0
4	192049	Bóng rổ (Bóng ném)	3		x	9	0	36
5	193026	Bóng đá, Đá cầu	4	x		12	0	48
6	193003	Bóng chuyền chuyên sâu	3	x		9	0	36

Học kỳ: 7 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 10, tự chọn: 06)								
1	198000	Quản lý HCNN & QLGD	2	x		18	24	0
2	193001	LL&PP GDTC trong trường học (LL&PP GDTC)	3		x	21	9	15
3	192026	VOVINAM (Taekwondo)	3		x	9	0	36
4	192048	Cờ vua	2	x		6	0	24
5	192005	Bóng đá chuyên sâu	3	x		9	0	36
6	193004	Bóng rổ chuyên sâu	3	x		9	0	36
Học kỳ: 8 số tín chỉ 13 (bắt buộc: 05, tự chọn: 08)								
1	153130	Thực tập sư phạm	5	x				
2	117093	Sinh hoá TDTT (Sinh cơ TDTT)	2		x	18	24	0
3	191081	Nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng (Nhảy cao lưng qua xà)	3		x	9	0	36
4	191082	Thể dục Aerobic (Khiêu vũ TT)	3		x	9	0	36

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư			
2	Phó giáo sư			
3	Tiến sỹ	4	01	05
4	Thạc sỹ	9	01	10
5	Đại học			

5.2. Phòng học: Liệt kê phòng học/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình.

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan: Liệt kê các phòng thí nghiệm/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình (nếu có).

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1		
2		

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan: Liệt kê các địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan để thực hiện chương trình.

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	
2	

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. HP Triết học Mác - Lê Nin/ Marxist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)

- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					
	Giờ lên lớp			TH	Khác	Tự học
	LT	TL	BT			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

STT	Phương pháp KTĐG	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3: (<i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i>)	CLO1, CLO2 , CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 6 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình:

1) Bộ Giáo dục & ĐT, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2) Bộ Giáo dục & ĐT, (2006), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3) Đảng Cộng sản Việt Nam, (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021) *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,

6.2. HP KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Đối tượng, phương pháp nghiên	2	0	0	0	0	6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin						
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	8	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1, CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Bộ GD&ĐT, (2021) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,

8.2. Tài liệu/bộ tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT, (2006) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội,

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016) *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.3. HP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1, CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1, CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1, CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1, CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1) Bộ GD&ĐT (2021) *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

3) Đảng Cộng sản Việt Nam, (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021) *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.4. HP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ History of the Communist party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1, CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2, CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2	20%

			CLO3	
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1, CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

3. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. HP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH / Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cở sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại	2	2				12

đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế						
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1, CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2, CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1, CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1, CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1, CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

3. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. HP PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20

Chương 3: Luật phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

3. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

6.7. Học phần Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/ Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)

- Mã học phần: 154888

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
	Giờ lên lớp (tiết)			Tự học
	LT	TL	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá giữa kỳ (20%)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kì (50%)				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubric BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2 Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2 Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)*- Dương Hiếu & Kim Phượng (dịch); NXB Thời đại.

3. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.8. HP MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18,24)

- Mã số học phần: 181001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1.Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	2	3			15	
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung.	3	4			15	

2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.						
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường	3	4				15

4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác						
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4				15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an	3	3				15

toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5, 6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình:

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

3. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

4. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.9. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể

vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2: Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3: Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4: Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5: Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6: Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7: Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5

sống						
Nội dung 8: Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9: Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11: Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

3) Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6.10. Đề cương học phần Xác suất thống kê/ Probability statistics

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 36BT; 135TH)

- Mã học phần: 114005

- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học

- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

- Dùng cho: tất cả các khối ngành (trừ Giáo dục thể chất)

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về xác suất, các tính chất và các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và hàm phân phối cũng như các tính chất và các số đặc trưng của chúng; luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học liên quan đến mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi qui.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng được kiến thức về xác suất và thống kê vào giải quyết các vấn đề chuyên ngành.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...

- CLO2: Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế

- CLO3: Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể.

- CLO4: Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế.

- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	LT	TL	Bài tập	TH	Khác	
Xác suất	7		10			31
Đại lượng ngẫu nhiên	7		9			32
Tập hợp mẫu	4		4			20
Ước lượng	3		4			22
Kiểm định giả thiết thống kê	4		6			20
Tương quan hồi qui	2		3			10
Tổng	27		36			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo TKB
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.

- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 04 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

1. Đào Hữu Hồ (2006), *Xác suất và Thống kê*, NXB Đại học Quốc gia HN

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), *Xác suất thống kê*, NXB GD.
3. Tống Đình Quỳ (2000), *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB GD.

6.11. HP Công nghệ số/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)	3	0	0	10		24

6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu						
6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến						
6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%

	tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

6.12a. SINH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO/ SPORTS BIOCHEMISTRY

- Mã số học phần: 117093
- Số tín chỉ: 02 (18; 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, khoa KHTN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về cấu trúc phân tử, tính chất lý hóa, vai trò và chức năng sinh học của các chất cơ bản trong tế bào và cơ thể sống (protein, axit nucleic, glucit, lipid, enzym và hoocmon); đồng thời nghiên

cứu quá trình chuyển hóa các chất đó trong trao đổi chất và trao đổi năng lượng của hệ thống sống, đặc biệt khi luyện tập và thi đấu thể thao.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về các thành phần hóa học, cấu trúc phân tử, tính chất lý hóa của các chất sống chủ yếu

CO2: Người học được cung cấp các kiến thức về quá trình trao đổi gluxit, lipid, protein từ đó thấy được mối liên quan của chất sống trong cơ thể thông qua các quá trình chuyển hoá, trao đổi chất và năng lượng.

CO3: Người học biết được những biến đổi hóa sinh trong cơ thể trước, trong và sau tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Xác định được các thành phần hóa học, cấu trúc phân tử, tính chất lý hóa của các chất sống chủ yếu.

CLO2: Giải thích được mối liên quan của chất sống trong cơ thể thông qua các quá trình chuyển hoá, trao đổi chất và năng lượng, tính thống nhất giữa các quá trình trao đổi chất.

CLO3: Phân tích được những biến đổi hóa sinh trong cơ thể trước, trong và sau tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)					
	LT	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	Tự học
Mở đầu	1					10
I. Khái niệm đại cương về Sinh hoá TĐTT II. Thành phần hoá học của tế bào, cơ thể sống						
CHƯƠNG 1: GLUXIT VÀ CHUYỂN HÓA GLUXIT	4	7				20
1.1. Đại cương về gluxit 1.2. Monosacarit 1.3. Oligosacarit 1.4. Polisacarit 1.5. Phân giải saccharit						

CHƯƠNG 2: LIPIT VÀ CHUYỂN HÓA LIPIT	3	4				10
2.1. Đại cương về lipit 2.2. Lipit đơn giản 2.3. Lipit phức tạp 2.4. Chuyển hóa lipit						
CHƯƠNG 3: PROTEIN VÀ CHUYỂN HÓA PROTEIN	3	5				10
3.1. Axit amin - đơn phân cấu tạo của protein 3.2. Protein 3.3. Sự chuyển hóa protein						
CHƯƠNG 4: ENZIM VÀ XÚC TÁC SINH HỌC	2	2				10
4.1. Đại cương về enzym 4.2. Bản chất hóa học và đặc điểm sinh học của enzym 4.3. Cách gọi tên và phân loại enzym 4.4. Cấu trúc phân tử của enzym 4.5. Tính đặc hiệu của enzym 4.6. Cơ chế hoạt động của enzym 4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzym						
CHƯƠNG 5: HÓA SINH HOOCMON	2	2				10
5.1. Đại cương về hormon 5.2. Hormon là protein, polypeptit 5.3. Hormon là dẫn xuất của axit amin 5.4. Hormon steroid						
CHƯƠNG 6: CÁC QUY LUẬT HÓA SINH TRONG QUÁ TRÌNH GDTC	1	3				10
6.1. Những biến đổi hóa sinh của sự mệt mỏi 6.2. Quá trình phục hồi hóa sinh trong giai đoạn nghỉ 6.3. Các quy luật hóa sinh của quá trình tiêu hao năng lượng 6.4. Ứng dụng quy luật hóa sinh vào lĩnh vực giáo dục thể chất						

CHƯƠNG 7: CƠ SỞ HOA SINH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN SỨC NHANH, SỨC MẠNH VÀ SỨC BỀN	2	1				10
7.1. Khái niệm chung về cơ sở hóa sinh của các tổ chất thể lực 7.2. Cơ sở hóa sinh của các bài tập phát triển các tổ chất thể lực						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (4)				
	Vấn đáp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
	Bài tập tiểu luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (1)				20%
	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO2	
Thi cuối kì				50%
	Tự luận	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, tham dự các tiết thảo luận.
- Hoàn thành bài tiểu luận.
- Dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần hoặc làm bài tập lớn.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Vũ Thị Thanh Bình (Chủ biên), Quách Văn Tĩnh, Lê Gia Vinh (2007). *Hoá sinh học thể dục thể thao*. NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2003). *Hoá sinh học*. NXBGD.
2. Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thị Thư (2004). *Hoá sinh học*. NXBĐH Sư phạm.

6.12b. SINH CƠ HỌC TDTT/ SPORTS BIOMECHANICS

- Mã số học phần: 292036
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, khoa KHTN
- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu TDTT

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức hệ vận động cơ thể người. Mô tả chuyển động thể thao, giải thích các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như vấn đề phối hợp chuyển động, phân tích hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực tập và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động, các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Người học được trang bị các kiến thức ban đầu về động học, một số khái niệm về cơ học, tĩnh học và chuyển động quay quanh trục.

CO2: Người học được cung cấp các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

CO3: Người học biết được các nguyên tắc sinh cơ học

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Mô tả được chuyển động thể thao; Giải thích được các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như vấn đề phối hợp chuyển động, phân tích hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực tập và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động

CLO2: Xác định được các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.

CLO3: Phân tích được nguyên tắc sinh cơ học trong các môn thể thao khác nhau.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	TH	Khác	Tự học
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ SINH CƠ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO	2	3				10
1.1. Khái niệm về sinh cơ học thể dục thể thao						

1.2. Nhiệm vụ và nội dung của môn sinh cơ học thể dục thể thao 1.3. Lịch sử phát triển môn sinh cơ học thể thao						
CHƯƠNG 2: HỆ VẬN ĐỘNG CỦA CƠ THỂ NGƯỜI	3	3				20
2.1. Trắc đặc các khối lượng của cơ thể người 2.2. Các mắt xích của cơ thể giống như những đòn bẩy và con lắc 2.3. Các tính chất cơ học của xương và khớp 2.4. Tính chất sinh cơ của cơ 2.5. Chế độ co cơ và các dạng hoạt động của cơ 2.6. Tác động phối hợp nhóm của các cơ						
CHƯƠNG 3: CƠ SỞ CỦA VIỆC KIỂM TRA SINH CƠ	2	3				15
3.1. Đo lường trong sinh cơ 3.2. Thang đo lường và đơn vị đo lường 3.3. Độ chuẩn xác của đo lường trong sinh cơ thể thao 3.4. Các đặc tính sinh cơ 3.5. Thử nghiệm và đánh giá sự phạm trong sinh cơ học thể thao						
CHƯƠNG 4: CƠ SỞ SINH HỌC CỦA CÁC TỔ CHẤT VẬN ĐỘNG	3	4				15
4.1. Cơ sở sinh cơ của sức bền 4.2. Sinh cơ học và các tổ chất sức mạnh và sức nhanh 4.3. Sinh cơ học của sự ổn định						
CHƯƠNG 5: SINH CƠ HỌC CHUYÊN NGÀNH	2	3				10
5.1. Thể hình và khả năng vận động 5.2. Sự biến đổi khả năng vận động theo lứa tuổi 5.3. Lứa tuổi vận động 5.4. Thông tin dự báo các chỉ số vận động 5.5. Sự ưa thích vận động						
CHƯƠNG 6: SỬ DỤNG CÁC CƠ SỞ SINH HỌC TRONG CÔNG TÁC GIÁO	3	4				10

DỤC THỂ CHẤT						
6.1. Những cơ sở chương trình hóa việc dạy kỹ thuật và chiến thuật vận động 6.2. Cơ sở giáo dục của vận động học 6.3. Các phương pháp âm thi trong giảng dạy vận động 6.4. Các nguyên lý 6.5. Phân tích âm thanh về nhịp của động tác						
CHƯƠNG 7: SINH CƠ HỌC CÁC MÔN THỂ THAO	3	4				10
7.1. Sinh cơ học của môn đi bộ và chạy 7.2. Sinh cơ học sự di chuyển bằng xe đạp 7.3. Sinh cơ học của môn bơi 7.4. Sinh cơ học các hoạt động chuyển dịch và nhảy 7.5. Sinh cơ học các môn thể thao kỹ thuật – thẩm mỹ 7.6. Cơ sở sinh cơ học các bài tập phát triển chung						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (4)				
1	Vấn đáp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập tiểu luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (1)				20%
1	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Tự luận	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, tham dự các tiết thảo luận.

- Hoàn thành bài tiểu luận.
- Dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần hoặc làm bài tập lớn.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Thanh Mai (1992). *Giáo trình sinh cơ thể thao*. NXB Trường Đại học TDTT Từ Sơn.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Trịnh Hùng Thanh và cộng sự (1988). *Sinh cơ và huấn luyện thể thao*. NXBTDTT Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Văn Lực (2006). *Sinh cơ thể dục thể thao*. Nxb TDTT Hà Nội.

6.13. GIẢI PHẪU TDTT/ SPORTS ANATOMY

- Số tín chỉ: 2 (18; 24)
- Mã học phần: 193005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Sinh học, Khoa KHTN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người. Từ đó thấy được mối liên hệ giữa cấu trúc và chức năng của chúng. Đồng thời cũng thấy được mối liên hệ giữa cơ thể và môi trường sống, đặc biệt khi luyện tập và thi đấu thể thao.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan vận động, bao gồm hệ xương, hệ khớp, hệ cơ.

CO2: Người học được cung cấp các kiến thức về cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

CO3: Người học thấy được những ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đến cấu tạo giải phẫu của cơ thể người.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Xác định được cấu tạo và chức năng của các cơ quan vận động, bao gồm hệ xương, hệ khớp, hệ cơ.

CLO2: Trình bày được cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người, từ đó thấy được mối liên hệ giữa cấu trúc và chức năng của chúng.

CLO3: Phân tích được những ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao đến cấu tạo giải phẫu của cơ thể người. Từ đó ứng dụng phù hợp với điều kiện luyện tập và thi đấu từng môn thể thao khác nhau.

(Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần)

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khá c	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
MỞ ĐẦU	1					10
1.Ý nghĩa và tầm quan trọng của môn Giải phẫu học 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn Giải phẫu học 3. Vài nét về lịch sử phát triển của môn Giải phẫu học						
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ THỂ NGƯỜI	1	2				10
1.1. Cấu tạo tế bào 1.2. Sơ lược về quá trình phát triển phôi - thai người 1.3. Các loại mô						
CHƯƠNG 2: HỆ XƯƠNG	3	4				15
2.1. Đại cương về xương 2.2. Xương sọ 2.3. Xương thân 2.4. Khung chậu 2.5. Xương chi trên 2.6. Xương chi dưới						
CHƯƠNG 3: HỆ KHỚP	3	4				10
3,1. Đại cương về hệ khớp 3.2. Các khớp hoạt dịch của sọ 3.3. Các khớp của cột sống 3.4. Các khớp của chi trên 3.5. Các khớp chi dưới						
CHƯƠNG 4: HỆ CƠ	3	4				10
4.1. Đại cương về hệ cơ 4.2. Các cơ của đầu 4.3. Các cơ của cổ 4.4. Các cơ ở thân 4.5. Các cơ chi trên 4.6. Cơ chi dưới 4.7. Ảnh hưởng của rèn luyện thể dục thể thao lên hệ cơ xương khớp						
CHƯƠNG 5: HỆ TUẦN HOÀN	1	2				5

5.1. Đại cương						
5.2. Tim						
5.3. Tuần hoàn phổi						
5.4. Tuần hoàn hệ thống						
CHƯƠNG 6: HỆ HÔ HẤP	1	2				5
6.1. Mũi						
6.2. Hầu						
6.3. Thanh quản						
6.4. Khí quản						
6.5. Phổi						
CHƯƠNG 7: HỆ TIÊU HÓA	1	2				5
7.1. Đại cương						
7.2. Miệng						
7.3. Thực quản						
7.4. Dạ dày						
7.5. Ruột non và các tuyến tiêu hoá lớn						
7.6. Ruột già						
CHƯƠNG 8: HỆ TIẾT NIỆU	1	1				5
8.1. Thận						
8.2 Niệu quản						
8.3. Bàng quang						
8.4. Niệu đạo						
CHƯƠNG 9: HỆ SINH DỤC	1	1				5
9.1. Các cơ quan sinh dục nam						
9.2. Các cơ quan sinh dục nữ						
CHƯƠNG 10: HỆ THẦN KINH	1	1				5
10.1. Đại cương về tuyến nội tiết						
10.2. Phần trung ương						
10.3. Phần ngoại vi						
CHƯƠNG 11: CÁC GIÁC QUAN	1	1				5
11.1. Cơ quan thị giác						
11.2. Cơ quan tiền đình - ốc tai						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (4)				
1	Vấn đáp	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập tiểu luận	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (1)				20%
1	Tự luận	Rubric 4	CLO1, CLO3	
Thi cuối kì				50%
1	Tự luận	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, tham dự các tiết thảo luận.
- Hoàn thành bài tiểu luận.
- Dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần hoặc làm bài tập lớn.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Tấn đạt (Chủ biên), Lê Văn Xanh, Tôn Nữ Huyền Thu (2015). *Giáo trình Giải phẫu học TDTT*. NXB Thể dục thể thao.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Văn Huy, Lê Hữu Hưng (2007). *Bài giảng Giải phẫu học*, Nxb Y học.

3. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2004). *Giải phẫu - Sinh lý người*, Nxb ĐHSPT Hà Nội.

6.14. HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6)

theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs	10	3	3	4	2	52

1.3. Verb “to be”, Possessive Pronoun, Reflexive Pronoun, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C						
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)	11	3	3	5	1	52
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C						

- Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy - học:

Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra - đánh giá:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	

II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson.,2012., *English File–Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

3. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
4. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

6.15. HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2 (ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			TH	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present	7	2	2	3	1	33

perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses						
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C	7	3	2	4	1	33

3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4						
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học:

Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Phương pháp \ kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

6.16. HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3 (ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.
- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình

theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	LT	TL	BT			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to	7	2	2	3	1	44

a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.						
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy - học:

Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra - đánh giá:

TT	Phương pháp	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
----	-------------	------------------	---------------	----------

	kiểm tra, đánh giá			
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File-Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

3. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
4. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

Giáo dục quốc phòng

HP1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 03
- Số ĐVHT: (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương	2					10

pháp nghiên cứu môn học						
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
2	+ Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	+ Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
4	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1,CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ				
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III Thi cuối kì				
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại

thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu/ tài liệu tham khảo:

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

3. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

HP 2: Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số ĐVHT: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ

vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

8.1. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

3. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.

4. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

HP 3: HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)

- Mã học phần: GDQP 3

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công

hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	

6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	30%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Kết thúc bài 6 tiến hành 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại

thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học GDQP và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

HP 4: HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống

trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.

- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.

- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập.	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
2	Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp của sinh viên ...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
4	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên ở các nội dung huấn luyện.	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
5	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành.	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
1	Kiểm tra viết (02 bài): Kết thúc bài 2 và bài 4 tiến hành kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
2	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ

vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

6.17. HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC/ PSYCHOLOGY

- Mã HP: 181080

- Số tín chỉ: 04

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nhận diện được đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.

- CO2: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học - phát triển trí tuệ; cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.

- CO3: Phân tích được đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

- CO4: Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân; Có khả năng giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.

- CO5: Nhận thức được được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức tâm lý học đối với đời sống, đặc biệt hoạt động nghề nghiệp sau này; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO 1: Phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.

- CLO2: Xác định được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.

- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp.

- CLO5: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong công tác giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 1.1. Tâm lý học là gì ? 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC 2.2. Chức năng của tâm lý 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý	3	3			13,5	

Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC 1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người 1.1. Di truyền và tâm lý 1.2. Não và tâm lý 2. Cơ sở xã hội của tâm lý người 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý 2.2. Hoạt động và tâm lý 2.2.1. Khái niệm hoạt động 2.2.2. Đặc điểm của hoạt động 2.2.3. Cấu trúc của hoạt động 2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành TL 2.3. Giao tiếp và tâm lý 2.3.1. Khái niệm giao tiếp 2.3.2. Các loại giao tiếp 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành TL 3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể 3.1. Sự hình thành và phát triển TL về phương diện cá thể 3.1.1. Quan điểm TLHĐVBC về sự phát triển tâm lý 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2.1.1. Ý thức là gì? 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức 3.2.2. Các cấp độ của ý thức 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân 4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức 4.1. Khái niệm chú ý 4.2. Các thuộc tính của chú ý 4.3. Các loại chú ý	3	3				13,5
Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC 1. Nhận thức cảm tính 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác	6	6				27

1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác 2. Nhận thức lý tính 2.1. Tư duy 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy 2.1.3. Các thao tác của tư duy 2.1.4. Các loại tư duy 2.2. Tưởng tượng 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng 3. Trí nhớ 3.1. Khái niệm chung về trí nhớ 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 3.2.1. Quá trình ghi nhớ 3.2.2. Quá trình giữ gìn 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 3.2.4. Sự quên và cách chống quên 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ 4. Ngôn ngữ và nhận thức 4.1. Khái niệm ngôn ngữ 4.2. Chức năng của ngôn ngữ 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức						
Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 1. Khái niệm chung về nhân cách 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm của nhân cách 2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 2.1. Xu hướng 2.1.1. Khái niệm xu hướng 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng	6	9				31,5

2.2. Năng lực 2.2.1. Năng lực là gì? 2.2.2. Các mức độ của năng lực 2.2.3. Phân loại năng lực 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX 2.3. Tính cách 2.3.1. Tính cách là gì? 2.3.2. Cấu trúc của tính cách 2.4. Khí chất 2.4.1. Khí chất là gì? 2.4.2. Các kiểu khí chất 2.5. Tình cảm, ý chí 2.5.1. Tình cảm 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm 2.5.1.3. Vai trò của tình cảm 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm 2.5.2. Ý chí 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí 2.5.2.2. Hành động ý chí 2.5.2.3. Hành động tự động hóa 3. Sự hình thành và phát triển nhân cách. 3.1. Giáo dục và nhân cách 3.2. Hoạt động và nhân cách 3.3. Giao tiếp và nhân cách 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách						
Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI - SỰ PHẠM 1. Khái quát về TLHLT và TLHSP 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và TLH sự phạm 2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1. Quan niệm về trẻ em 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ	3	3				13,5

em 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển TL trẻ em 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý 2.3. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em 3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em						
Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN) 1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS 2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống 3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS 4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi 5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS. 5.1. Sự hình thành tự ý thức 5.2. Sự phát triển tình cảm 6. Một số vấn đề tư vấn TLH đường cho học sinh THCS	3	3				13.5
Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát						

triển tâm lý tuổi học sinh THPT 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ 3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu 3.1 Sự phát triển của ý thức 3.2. Sự hình thành thế giới quan 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm 4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp 5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT	3	3				13,5
Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC 1. Hoạt động dạy 2. Hoạt động học 2.1. Khái niệm hoạt động học 2.2. Đặc điểm hoạt động học 2.3. Hình thành hoạt động học 2.3.1. Hình thành động cơ học tập 2.3.2. Hình thành mục đích học tập 2.3.3. Hình thành các hành động học 3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học 3.1. Khái niệm về khái niệm 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm 3.3. Sự hình thành khái niệm 3.3.1. Một số nguyên tắc chung 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm 4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo 4.1. Sự hình thành kỹ năng 4.2. Sự hình thành kỹ xảo 5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ 5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ	3	6				18

6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học					
Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC 1. Đạo đức và hành vi đạo đức 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Hành vi đạo đức 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức 2.3. ý chí và thói quen đạo đức 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS	3	3			13,5
Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp 2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo 2.2. Năng lực của người thầy giáo	3	9			22,5

2.2.1. Năng lực dạy học						
2.2.2. Năng lực giáo dục						
2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm						
3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo						
3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm						
3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm						
3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?						
3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm						
4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo						

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30 %
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá GK	CLO1,4	20%	
III	Thi cuối kì (01)				
	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO 1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của

học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.
2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

3. Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục.

6.18. GIÁO DỤC HỌC/ PEDAGOGICS

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 48 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 182005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục ở bậc phổ thông; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.
- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; sử dụng nguyên tắc

dạy học, nguyên tắc giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh THCS, THPT; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp, giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học; đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông.

- CLO2: Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục ở trường phổ thông; Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo và của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

- CLO3: Phát hiện, giải quyết được những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục.

- CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của đổi mới giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp sư phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Phần I. Những vấn đề chung của Giáo dục học Chương I: Giáo dục học là một khoa học 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học 4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác	3	3				13,5

Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 1. Sự phát triển nhân cách của con người 2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách	2	3				10,5
Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 1. Mục đích giáo dục 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nguyên lý giáo dục 4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường 5. Nội dung giáo dục (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)	5	5				22,5
Phần II: Lý luận dạy học và giáo dục Chương I: Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học 1. Quá trình dạy học 2. Nguyên tắc và nội dung dạy học 3. Phương pháp giáo dục 4. Các hình thức tổ chức dạy học 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	10	12				48
Chương II: Những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục 1. Quá trình giáo dục 2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục 3. Phương pháp giáo dục	10	12				48
Phần III: Người giáo viên trong nhà trường phổ thông 1. Vị trí, chức năng của người giáo viên trung học 2. Đặc điểm của lao động sư phạm của người giáo viên trung học 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên trung học 4. Những yêu cầu đối với người giáo viên trung học 5. Người giáo viên và vấn đề nâng cao trình độ 6. Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên ở trường phổ thông	6	13				37,5

5. Phương pháp dạy học:

Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp	Công cụ đánh	CĐR HP liên	Trọng
----	-------------	--------------	-------------	-------

	kiểm tra, đánh giá	giá	quan	số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), (2006), Giáo trình Giáo dục học, Tập 1,2, NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT*

6.19. HP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)

- Mã học phần: 198000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ	3	4				15

GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường						
---	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy học:

Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học. (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT

6.20. TÂM LÝ HỌC TDTT/ SPORTS PSYCHOLOGYS

- Số tín chỉ: 02 (LT 15; TL,BT 15)
- Mã học phần: 281046
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần.

Nội dung học phần gồm:

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vấn đề chung của tâm lý học thể dục thể thao như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học TDTT; đặc điểm hoạt động giáo dục thể chất và cơ sở tâm lý của quá trình giảng dạy kỹ năng vận động và giáo dục thể chất; một số biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong giờ học giáo dục thể chất; đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao và cơ sở tâm lý học của công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên .

Năng lực đạt được:

Biết xây dựng kế hoạch tập luyện phù hợp với điều kiện môi trường, lứa tuổi, giới tính, chịu trách nhiệm về kế hoạch tập luyện, bảo hiểm tập luyện và thành tích thể thao. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch tập luyện phù hợp với thực tế, từ đó phát huy yếu tố tích cực của người tập trong các điều kiện tập luyện khác nhau.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý học TDTT.

- CO2: Cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động, của hoạt động giáo dục thể chất học sinh và của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC.

- CO3: Hoạt động thể thao và những đặc điểm tâm lý của những hoạt động thể thao

- CO4: Cơ sở tâm lý của công tác đào tạo và huấn luyện vận động viên thể thao
- CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý con người trong hoạt động TDDT
- CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập
- CO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn Thể thao.
- CO 8. Sinh viên cần nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập.
- CO9: Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn TDDT.
- CO10: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học thể dục thể thao và quá trình giảng dạy, huấn luyện TDDT, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.
- CO11. Có năng lực tự học tập bồi dưỡng tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn tâm lý học TDDT.

CLO2. Bản chất, đặc điểm tâm lý của hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất cho học sinh, những yêu cầu tâm lý của hoạt động sư phạm trong lĩnh vực Giáo dục thể chất.

CLO3. Cơ sở tâm lý học của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động, của hoạt động giáo dục thể chất học sinh và của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC

CLO4. Cơ sở tâm lý của công tác đào tạo và huấn luyện vận động viên thể thao. Đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý học TDDT

CLO5. Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý con người trong hoạt động TDDT

CLO6. Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập.

CLO7. Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý TDDT vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn Thể thao.

CLO8. Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Tâm lý học TDDT là một chuyên ngành khoa học tâm lý						
- Tâm lý học TDDT là môn khoa học chuyên ngành. - Đối tượng của tâm lý học TDDT. - Ý nghĩa của TLH TDDT trong chương trình đào tạo. - Nhiệm vụ của Tâm lý học TDDT. - PPNC trong TLH TDDT	1					3
Nội dung 2. Đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao						
- Khái niệm chung về hoạt động TT và các đặc điểm tâm lý chung của hoạt động TT. - Xu hướng tư tưởng, mục đích và động cơ hoạt động thể thao. - Sự tác động tương hỗ giữa các thành viên trong hoạt động thể thao. - Đặc điểm tâm lý của thi đấu thể thao.	2					6
Nội dung 3. Đặc điểm tâm lý của hoạt động giáo dục thể chất						
- Khái niệm về tâm lý của GDTC. - Đặc điểm tâm lý của hoạt động GDTC. - Đặc điểm tâm lý của hoạt động GDTC trong nhà trường phổ thông.	1	3				12
Nội dung 4. Trạng thái tâm lý của vận động viên						
- Khái niệm chung về cảm xúc. - Những đặc điểm cơ bản của rung động cảm xúc. - Cơ sở sinh lý của cảm xúc. - Những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến sự biến đổi các trạng thái tâm lý của VĐV trước thi đấu. - Trạng thái tâm lý khởi thi. - Đặc điểm của sự căng thẳng tâm lý trong quá trình thi đấu.	1	3				12
Nội dung 5. Ý chí trong hoạt động thể thao						
- Khái niệm và cấu trúc ý chí của VĐV. - Đặc điểm tâm lý, những trở ngại và khó	1					3

khăn trong hoạt động thể thao. - Đặc điểm tâm lý của nỗ lực ý chí. - Các biện pháp giáo dục ý chí cho VĐV.						
Nội dung 6. Đặc điểm tâm lý của giảng dạy kỹ thuật						
- Đặc điểm tâm lý của việc giảng dạy kỹ thuật động tác. - Cơ sở tâm lý của giảng dạy kỹ thuật. - Phải tối ưu hoá mật độ vận động của giờ học TDTT. - Cảm giác vận động. - Trí giác vận động. - Trí nhớ vận động. - Biểu tượng vận động. - Phản ứng vận động.	2	3				15
Nội dung 7. Cơ sở tâm lý của huấn luyện chiến thuật						
- Khái niệm huấn luyện chiến thuật. - Cấu trúc tâm lý của huấn luyện chiến thuật. - Đặc điểm và cấu trúc tâm lý của tư duy chiến thuật.	2					6
Nội dung 8. Đặc điểm tâm lý của giáo viên, huấn luyện viên thể thao						
- Định nghĩa và chức năng của giáo viên và huấn luyện viên thể thao. - Khái niệm hoạt động của giáo viên, huấn luyện viên thể thao. - Năng lực sư phạm của giáo viên, HLV - Phong cách lãnh đạo đội thể thao. - Những yêu cầu về nghiệp vụ và nhân cách của giáo viên, huấn luyện viên thể thao.	1	3				12
Nội dung 9. Lượng vận động và năng lượng tâm lý						
- Khái niệm về lượng vận động tâm lý và sức bền tâm lý. - Năng lượng tâm lý. - Xu thế huấn luyện và điều chỉnh tâm lý thông qua việc vận dụng lý luận năng lượng tâm lý.	2					6
Nội dung 10. Huấn luyện tâm lý thi đấu						

- Khái niệm và nhiệm vụ của huấn luyện tâm lý thi đấu. - Cấu trúc của tâm lý thi đấu. - Xây dựng ý thức giành chiến thắng trong thi đấu thể thao. - Dự báo tâm lý về trạng thái sẵn sàng thi đấu. - Các biện pháp và phương pháp huấn luyện tâm lý thi đấu. - Điều khiển hành vi và hoạt động của VĐV khi chuẩn bị và tham gia thi đấu. - Đối xử cá biệt trong huấn luyện tâm lý.	2	3				15
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Vấn đáp	Rubric1 Nội dung: 1-10	CLO 1-8	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Nội dung: 3.4	CLO 1,2, 3,4	
3	Thảo luận	Rubric 3 Nội dung: 6.10	CLO 1-8	
II		Kiểm tra giữa kỳ (01)		
1	Vấn đáp	Rubric 4 Nội dung: 1-10	CLO 1-8	20%
III		Thi cuối kỳ		
1	Viết	Rubric 5 Nội dung: 1-10	CLO 1-8	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm kiểm tra thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. PGS.TS Lê Văn Xem, (2004) *Tâm lý học thể dục thể thao*, Nxb ĐH Sư phạm.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. PGS.TS Phạm Ngọc Viễn, (2007) *Giáo trình Tâm lý học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

3. PTS. Phạm Đình Bẩm, Đào Bá Tri, (1999.) *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.21a. Học phần Phương pháp thống kê trong TDTT/ sports statistics

- Số tín chỉ: 02 (LT 15; TL,BT 15)

- Mã học phần: 191099

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thống kê và vai trò của nó trong Thể dục Thể thao, thống kê mô tả, thống kê phân tích.

- Cách sắp xếp và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học TDTT, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu... một cách rõ ràng, ngắn gọn và có hệ thống.

- Các đặc trưng về định vị, độ tản mạn, tính không cân đối của phân bố thực nghiệm và những tham số có ý nghĩa thực tiễn.

- Ước lượng số trung bình cho tổng thể từ tập hợp mẫu, ảnh hưởng của mẫu.

- Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp.

- Nghiên cứu các mối phụ thuộc xác suất giữa các đại lượng ngẫu nhiên, mối liên quan giữa các dấu hiệu với nhau.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các phương pháp thu thập và xử lý số liệu trong hoạt động TDDT, nhằm phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- CO2: Hình thành ở sinh viên những kỹ năng cơ bản về thống kê mô tả, thống kê phân tích.

- CO3: Hình thành kỹ năng vận dụng nguyên lý cơ bản: Cách sắp xếp và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học TDDT, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu... một cách rõ ràng, ngắn gọn và có hệ thống

- CO4: Tổ chức đo lường: nguyên tắc đo lường, trình tự tổ chức đo, vấn đề đo lường đồng bộ.

- CO5: Có kỹ năng vận dụng kiến thức về ước lượng số trung bình cho tổng thể từ tập hợp mẫu, ảnh hưởng của mẫu; Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp.

- CO6: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao để làm đề tài nghiên cứu khoa học và có thể sử dụng các Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp của học sinh, sinh viên.

- CO7: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về PP toán thống kê trong TDDT.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về PP toán thống kê trong TDDT vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành.

- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn TT trong trường học ở

các điều kiện khác nhau. Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện các môn TT

- CLO4: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu các môn TT, Xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO5: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn TT trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO6: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về PP toán thống kê trong TDDT để giải quyết các tình huống cụ thể trong huấn luyện và hoạt động nghề nghiệp.

- CLO8: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CLO9: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

- CLO10: Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/			
Tuần 1: Chương 1. Các khái niệm cơ bản 1.1. Đối tượng của toán thống kê và vai trò của nó trong TDDT. 1.2. Tập hợp và mẫu. 1.3. Tập hợp thống kê và những dấu hiệu thống kê. 1.4. Những nguyên nhân biến thiên của các dấu hiệu.	2					6
Tuần 2: Chương 2. Đại cương về lý thuyết xác suất 2.1. Ngẫu nhiên và xác suất. . 2.2. Định nghĩa toán học của xác suất. .. 2.3. Tính chất đơn giản của xác suất. ...	2					6
Tuần 3: Chương 3. Cách trình bày số	2					6

liệu 3.1. Các trình bày bằng bảng phân phối. 3.2. Cách trình bày số liệu bằng đồ thị. 3.3. Những dạng đồ thị thường gặp.					
Tuần 4: Chương 3. Cách trình bày số liệu (Tiếp theo) 3.1. Các trình bày bằng bảng phân phối. 3.2. Cách trình bày số liệu bằng đồ thị. 3.3. Những dạng đồ thị thường gặp.		2			6
Tuần 5: Chương 3. Cách trình bày số liệu (Tiếp theo) 3.1. Các trình bày bằng bảng phân phối. 3.2. Cách trình bày số liệu bằng đồ thị. 3.3. Những dạng đồ thị thường gặp.		1	1		6
Tuần 6: Chương 4. Các tham số đặc trưng 4.1. Số biên, một, trung vị 4.2. Số trung bình cộng 4.3. Phương sai và độ lệch chuẩn 4.4. Phương pháp tính toán các đặc trưng	2				6
Tuần 7: Chương 4. Các tham số đặc trưng (Tiếp theo) 4.1. Số biên, một, trung vị 4.2. Số trung bình cộng 4.3. Phương sai và độ lệch chuẩn 4.4. Phương pháp tính toán các đặc trưng			2		6
Tuần 8: Chương 4. Các tham số đặc trưng (Tiếp theo) 4.1. Số biên, một, trung vị 4.2. Số trung bình cộng 4.3. Phương sai và độ lệch chuẩn 4.4. Phương pháp tính toán các đặc trưng		1	1		6
Tuần 9: Chương 5. Ước lượng số trung bình 5.1. Tổng thể, mẫu. 5.2. Luật chuẩn 5.3. Ước lượng số trung bình và độ lệch chuẩn.	2				6

5.4. Khoảng tin cậy của số trung bình.						
Tuần 10: Chương 6. So sánh hai số trung bình So sánh 2 số trung bình ở mẫu lớn. ($n \geq 30$)	2					6
Tuần 11: Chương 6. So sánh hai số trung bình (Tiếp theo) So sánh hai số trung bình ở mẫu bé ($n < 30$).			2			6
Tuần 12: Chương 7. Tương quan và hồi qui 7.1. Khái niệm. 7.2. Tính chất 7.3. Qui ước. 7.4. Cách tính hệ số tương quan.	3					9
Tuần 13: Chương 7. Tương quan và hồi qui (Tiếp theo) 7.1. Khái niệm. 7.2. Tính chất 7.3. Qui ước. 7.4. Cách tính hệ số tương quan.		1	2			6
Tuần 14: Ôn tập từ chương I đến chương VII			2			6
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),

Phương pháp đặt vấn đề,

Phương pháp hoạt động nhóm,

Phương pháp mô phỏng,

Phương pháp nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2	30%

2	Bài tập trên lớp	Cách trình bày số liệu (Rubric 2)	CLO3,4	
3	Bài tập trên lớp	Tương quan và hồi qui (Rubric 3)	CLO5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài tập trên lớp	Các tham số đặc trưng (Rubric 4)	CLO6,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Từ chương I đến chương VII (Rubric 5)	CLO2,3,4,5,6 ,7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình Bộ giáo trình

[1] Nguyễn Đức Văn(2008), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] GS.TS Lê Văn Lắm (2015), *Giáo trình đo lường và đánh giá thể dục thể thao*, Nxb TDTT.

[3] Đào Hữu Hồ (2002), *Xử lý số liệu bằng thống kê Toán học trên máy tính*, Nxb ĐHQG HN.

6.21b. Học phần Đo lường TDTT/ SPORTS MEASUREMENT

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193008
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xử lý số liệu của phép đo, khái niệm về test; Cơ sở lý thuyết của test và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, tổ chức thực hiện các phép đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên cung như của nhân dân nói chung; Kiến thức về đo lường, đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện và thi đấu; Xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của đo lường TDTT để làm đề tài nghiên cứu khoa học và có thể sử dụng các test, kiểm tra thể lực, thành tích của học sinh, sinh viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn đo lường thể dục thể thao và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- CO2: Phương pháp toán thống kê xử lý các kết quả đo lường; Cơ sở lý thuyết của đo lường thể thao; Cơ sở lý thuyết của test; Lý thuyết đánh giá; Các phương pháp đo lường đánh giá VĐV hình thái, Tâm-Sinh lý và sinh cơ trong thể thao.

- CO3: Đo lường ứng dụng trong tuyển chọn tài năng thể thao

- CO4: Hình thành ở sinh viên những kỹ năng cơ bản về đo lường, độ tin cậy của phép đo, tính thông báo của phép đo, tính khách quan của phép đo.

- CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng nguyên lý cơ bản: khái niệm, các hình thức đánh giá cơ bản, các tiêu chuẩn đánh giá, thang độ đánh giá, các phương pháp đánh giá thường dùng.

- CO6: Tổ chức đo lường: nguyên tắc đo lường, trình tự tổ chức đo, vấn đề đo lường đồng bộ.

- CO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức về đo lường và đánh giá hình thái cơ thể, đo lường đánh giá chức năng sinh lý, tâm lý.

- CO8: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy, tập luyện và huấn luyện các môn TDTT

- CO9: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của đo lường TDTT để làm đề tài nghiên cứu khoa học và có thể sử dụng các phương pháp, lập test, kiểm tra thể lực của học sinh, sinh viên.

- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện TDTT và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về Đo lường TĐTT.
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về Đo lường TĐTT vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành
- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn TT trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và kiểm tra các test, độ tin cậy trong tập luyện các môn TT
- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá để điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu các môn TT
- CLO6: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập để Xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.
- CLO7: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp trong thực tiễn huấn luyện học sinh trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<u>Tuần 1:</u> I. Các tham số đặc trưng II. Hệ số tương quan, hồi quy	2					6
<u>Tuần 2: (tiếp theo)</u> I. Các tham số đặc trưng II. Hệ số tương quan, hồi quy			2			6
<u>Tuần 3:</u> I. Các kiến thức cơ bản về đo lường II. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của đo lường TT	2					6
<u>Tuần 4:</u>	2					6

I. Độ tin cậy của test: II. Tính thông báo của test III. Giới thiệu kỹ thuật lập test						
<u>Tuần 5: (tiếp theo)</u> I. Độ tin cậy của test: II. Tính thông báo của test III. Giới thiệu kỹ thuật lập test			2			6
<u>Tuần 6: (tiếp theo)</u> I. Độ tin cậy của test: II. Tính thông báo của test III. Giới thiệu kỹ thuật lập test			2			6
<u>Tuần 7:</u> I. Giới thiệu khái quát về lý thuyết đánh giá II. Các loại thang điểm và thang đánh giá III. Tiêu chuẩn đánh giá IV. Một số VD chú ý khi đánh giá	2					6
<u>Tuần 8: (tiếp theo)</u> I. Giới thiệu khái quát về LTDG II. Các loại thang điểm và thang đánh giá III. Tiêu chuẩn đánh giá IV. Một số VD chú ý khi đánh giá		1	1			6
<u>Tuần 9:</u> I. Phương pháp đo lường đánh giá hình thái cơ thể II. DL chức năng SL của VĐV III. Khái quát một số xét nghiệm sinh hóa ở VĐV	2					6
<u>Tuần 10: (tiếp theo)</u> I. Phương pháp đo lường đánh giá hình thái cơ thể II. Đo lường chức năng sinh lý của VĐV III. Khái quát một số xét nghiệm sinh hóa ở VĐV		1	1			6
<u>Tuần 11:</u> I. Các test đo lường kiểm tra thể chất nhân dân và TL chung của VĐV.	2					6

II. Đo lường kiểm tra tố chất thể lực chuyên môn và kỹ chiến thuật III. Đo lường và thông tin thành tích thi đấu thể thao						
Tuần 12: (Tiếp theo) I.Các test đo lường KT thể chất ND và thể lực chung của VĐV. II. Đo lường kiểm tra tố chất thể lực chuyên môn và kỹ chiến thuật III. Đo lường và thông tin thành tích thi đấu thể thao			2			6
Tuần 13: I.Khái niệm chung về tài năng thể thao và khoa học tuyển chọn tài năng thể thao. II.Một số PP tuyển chọn cụ thể. III.Một số yêu cầu cần chú ý trong tuyển chọn tài năng thể thao.	2					6
Tuần 14: (Tiếp theo) I.Khái niệm chung về tài năng thể thao và khoa học tuyển chọn tài năng thể thao. II.Một số PP tuyển chọn cụ thể. III.Một số yêu cầu cần chú ý trong tuyển chọn tài năng thể thao.			2			6
Tuần 15: (Tiếp theo) III.Một số yêu cầu cần chú ý trong tuyển chọn tài năng thể thao. 4.Tuyển chọn tài năng thể cần chú ý tới hiệu quả tuyển chọn.	1		1			6
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),

Phương pháp đặt vấn đề,

Phương pháp hoạt động nhóm,

Phương pháp mô phỏng,

Phương pháp nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp (tuần 2,3,4,5,6,8,10,11,13)	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2,3,4,6	30%
2	Bài tập trên lớp (tuần 9)	Bài tập nhóm (Rubric 2)	CLO3,4,5	
3	Bài tập trên lớp (tuần 12)	Bài tập cá nhân (Rubric 3)	CLO5,6,7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài tập trên lớp (tuần 7)	Bài tập nhóm (Rubric 4)	CLO7,8,9,10	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết (Theo lịch của nhà trường)	Từ chương I đến chương VII (Rubric 5)	CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Qui định về thời gian học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và quy chế 234; 906 hướng dẫn riêng của nhà trường (Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp theo qui định).

- Sinh viên cần đi học đầy đủ, nghiêm túc, tích cực để đảm bảo cho việc tiếp thu bài hiệu quả cao.

- Chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

[1] Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TĐTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TĐTT*, Nxb TĐTT.

[3] Nguyễn Thanh Tùng (2016), *Bài tập Đo lường Thể thao*, Nxb TT&TT

6.22. Học phần Phương pháp NCKH TĐTT/ SPORTS RESEARCH METHODS

- Số tín chỉ: 02 (LT 15; TL,BT 15)

- Mã học phần: 292031

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Đo lường TDDT

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu; Các khái niệm khoa học; Kỹ năng nghiên cứu khoa học; Tiến trình nghiên cứu khoa học: Giai đoạn chuẩn bị, triển khai nghiên cứu, viết luận văn, bảo vệ luận văn...; Hệ thống các phương pháp NCKH trong TDDT: Các phương pháp nghiên cứu sư phạm, kiểm tra y học, phương pháp nghiên cứu tâm lý trong TDDT, phương pháp toán học xử lý kết quả nghiên cứu; Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học TDDT.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu từ đó ứng dụng vào thực tế nghiên cứu các vấn đề trong thực tiễn hoạt động thể dục thể thao, công tác dạy học, giáo dục trong nhà trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức về hệ thống các quan điểm vận dụng trong nghiên cứu khoa học TDDT như: Các khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học, các giai đoạn tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học TDDT.

- CO2: Hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học trong TDDT.

- CO3: Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học TDDT.

- CO4: Hình thành ở sinh viên những kỹ năng lựa chọn hướng nghiên cứu (các vấn đề cấp thiết trong thực tiễn hoạt động TDDT) để xây dựng một đề cương; kỹ năng thực hiện các bước của một đề tài NCKH; kỹ năng vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học TDDT.

- CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- CO6: Có kỹ năng vận dụng kiến thức tổ chức nghiên cứu, hình thành được các bước nghiên cứu, khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động nghiên cứu khoa học.

- CO7: Hình thành kỹ năng biết vận dụng các kiến thức nghiên cứu khoa học TDDT vào công tác nghề nghiệp sau này.

- CO8: Hình thành ở sinh viên tư duy logic trong việc xem xét các vấn đề trong thực tiễn hoạt động TDDT, công tác dạy học, giáo dục ở nhà trường.

- CO9: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong tổ chức và tiến hành NCKH của một nhà nghiên cứu.

- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao, trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu về phương pháp luận nghiên cứu, hiểu và phân tích được các khái niệm về khoa học TDTT
- CLO2: Hiểu rõ các các loại hình nghiên cứu khoa học
- CLO3: Hiểu rõ công tác chuẩn bị, cách triển khai nghiên cứu đề tài khoa học Thể dục thể thao
- CLO4: Hiểu rõ cách viết và bảo vệ luận văn khoa học, cách lựa chọn và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu TDTT, cách nhận xét, đánh giá luận văn
- CLO5: Người học biết vận dụng kiến thức để hình thành kỹ năng định hướng về đề tài nghiên cứu và thực hiện các bước tiến hành nghiên cứu từ đó lựa chọn và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu
- CLO6: Kỹ năng viết báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu, cách nhận xét, đánh giá luận văn khoa học
- CLO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong quá trình làm đề tài, báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao: excell, power point...
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<u>Tuần 1:</u> - Phương pháp luận nghiên cứu và một số khái niệm khoa học. - Nghiên cứu khoa học	2					6
<u>Tuần 2: (tiếp theo)</u> - Phương pháp luận nghiên cứu và một số khái niệm khoa học. - Nghiên cứu khoa học		2				6
<u>Tuần 3:</u> Tiến trình nghiên cứu khoa học	2					6
<u>Tuần 4: (tiếp theo)</u>		1	2			9

Tiến trình nghiên cứu khoa học						
Tuần 5: (tiếp theo) Tiến trình nghiên cứu khoa học	2					6
Tuần 6: (tiếp theo) Tiến trình nghiên cứu khoa học		1	2			9
Tuần 7: Đánh giá luận văn khoa học	2					6
Tuần 8: - Phương pháp nghiên cứu lý luận - Các phương pháp nghiên cứu sư phạm	3					9
Tuần 9: (tiếp theo) - Phương pháp nghiên cứu lý luận - Các phương pháp nghiên cứu sư phạm		1	2			9
Tuần 10: - Phương pháp kiểm tra y học trong TĐTT. - Các phương pháp nghiên cứu tâm lý trong TĐTT.	2					6
Tuần 11: (tiếp theo) - Phương pháp kiểm tra y học trong TĐTT. - Các phương pháp nghiên cứu tâm lý trong TĐTT.			2			6
Tuần 12: Phương pháp toán học thống kê trong nghiên cứu khoa học TĐTT.	2					6
Tuần 13: (tiếp theo) Phương pháp toán học thống kê trong nghiên cứu khoa học TĐTT.		1	1			6
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),

Phương pháp đặt vấn đề,

Phương pháp hoạt động nhóm,

Phương pháp mô phỏng,

Phương pháp nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp (tuần 2,3,4,5,6,8,10,11,13)	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2,3,4,6	30%
2	Bài tập trên lớp (tuần 9)	Bài tập nhóm (Rubric 2)	CLO3,4	
3	Bài tập trên lớp (tuần 12)	Bài tập cá nhân (Rubric 3)	CLO5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài tập trên lớp (tuần 7)	Bài tập nhóm (Rubric 4)	CLO6,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết (theo lịch nhà trường)	Từ chương I đến chương IX (Rubric 5)	CLO1,2,3,4,5,7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Xuân Sinh (2012), *Giáo trình lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Vũ Cao Đàm (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3]. Vũ Đức Thu (2007), *Phương pháp NCKH TDTT*, Nxb Sư phạm.

6.23.a. Học phần Lý luận & PP TDTT/ Sports theory and methods

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 191060
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Lý luận & phương pháp TDTT bao gồm những kiến thức cơ bản về: Nhập môn về lý luận và phương pháp TDTT; mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TDTT Việt Nam; các phương tiện, phương pháp, các nguyên tắc GDTC; dạy học động tác trong giáo dục thể chất; giáo dục các tố chất thể lực; hình thức buổi tập TDTT; huấn luyện thể thao.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản, những quan điểm đường lối phát triển TDTT của nhà nước, các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc GDTC; từng bước bồi dưỡng các kiến thức, để phân tích, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào trong thực tiễn của quá trình giảng dạy, huấn luyện môn Giáo dục thể chất ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Viên chức làm việc ở các Trung tâm TDTT; Công chức các Phòng văn hóa huyện, tỉnh ở lĩnh vực văn hóa TDTT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc và quan điểm trong phát triển Thể dục thể thao của Việt Nam
- CO2: Sinh viên hiểu được Bản chất các phương tiện, phương pháp Giáo dục thể chất
- CO3: Sinh viên hiểu được Đặc điểm và các nguyên tắc giảng dạy GDTC
- CO4: Sinh viên hiểu được Bản chất của các phẩm chất vận động, hình thức và cấu trúc của việc tổ chức và giảng dạy một giờ thể dục.
- CO5: Sinh viên hiểu được Mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc và nội dung huấn luyện thể thao
- CO6: Vận dụng kiến thức lý luận vào việc giảng dạy TDTT.
- CO7: Vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết các nhiệm vụ học tập các môn thực hành TDTT;

- CO8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào việc hình thành, phát triển ý thức của bản thân và khả năng xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn thể thao
- CO9: Sinh viên biết soạn giáo án, tổ chức giảng dạy GDTC, HLTT một cách thành thạo và theo tiến độ.
- CO10: Sinh viên hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức về LL&PP TDDT trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động nghề nghiệp.
- CO11: Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học.
- CO12: Sinh viên cần nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn TDDT
- CO13: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào quá trình giảng dạy, huấn luyện TDDT trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này..

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về lý luận TDDT.
- CLO2: Người học vận dụng được các kiến thức lý luận về TDDT vào quá trình học tập, thi đấu, giảng dạy và huấn luyện các môn thể thao và để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.
- CLO3: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án giảng dạy GDTC và HLTT
- CLO4: Tổ chức các giải thi đấu và làm tốt công tác trọng tài các giải TT, công tác phong trào TDDT cơ sở.
- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Có khả năng đưa ra được dự đoán, kết luận về kỹ thuật và thành tích các môn thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu các môn TT
- CLO6: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn TT trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO7: Có năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao một cách có hiệu quả. Đảm đương tốt vai trò huấn luyện các đội tuyển học sinh các trường.
- CLO8: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Có sáng kiến trong quá trình giảng dạy GDTC và các hoạt động phong trào thể dục thể thao.

- CLO10: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường giảng dạy, tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau

- CLO11: Có năng lực tự lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Nhập môn về lý luận và phương pháp TDDT.						
- Hệ thống các khái niệm cơ bản của lý luận TDDT - Những chức năng cơ bản của TDDT. - Cấu trúc của TDDT - TDDT là một bộ phận hữu cơ của nền văn hóa xã hội. - LL&PP TDDT là một môn khoa học và môn học.	3					9
Nội dung 2: Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển nền TDDT ở nước ta						
- Mục đích chung của nền TDDT nước ta. - Nhiệm vụ chung của nền TDDT nước ta. - Những nguyên tắc hoạt động chung của TDDT - Các quan điểm phát triển TDDT ở nước ta	1					3
Nội dung 3: Các phương tiện giáo dục thể chất						
- Bài tập TDDT (BT thể chất, BT thể lực), phương tiện chủ yếu và chuyên biệt của GDTC. - Nội dung và hình thức của bài tập thể chất. - Phân loại các BTTC - Kỹ thuật bài tập TDDT	2					6
Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả bài tập thể chất.		1				1.5
Nội dung 4: Các phương pháp giáo dục thể chất						
- Cơ sở cấu trúc của các phương pháp	2					6

GDTC - Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu - Các phương pháp sử dụng lời nói và phương tiện trực quan trong quá trình GDTC - Các phương pháp có định mức chặt chẽ.						
Các phương pháp có định mức chặt chẽ.		1				1.5
Phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu				1		3
Nội dung 5: Các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất						
- Nguyên tắc tự giác tích cực - Nguyên tắc trực quan - Nguyên tắc thích hợp cá biệt hoá - Nguyên tắc hệ thống. - Nguyên tắc tự giác tích cực - Nguyên tắc trực quan - Nguyên tắc thích hợp cá biệt hoá - Nguyên tắc hệ thống - Nguyên tắc tăng dần các yêu cầu (tăng tiến). - Mối quan hệ lẫn nhau của các nguyên tắc về phương pháp.	2					6
- Nguyên tắc tăng dần các yêu cầu (tăng tiến). - Mối quan hệ lẫn nhau của các nguyên tắc về phương pháp.		1				1.5
Nội dung 6: Dạy học động tác trong Giáo dục thể chất						
- Nhiệm vụ và đặc điểm của dạy học động tác trong GDTC - Quá trình dạy học động tác - Nhiệm vụ và đặc điểm của dạy học động tác trong GDTC - Quá trình dạy học động tác	2					6
Quá trình dạy học động tác		1				1.5
- Soạn giáo án				3		9

- Tập giảng						
Nội dung 7: Giáo dục các tố chất thể lực						
- Giáo dục sức mạnh. - Giáo dục sức nhanh. - Giáo dục sức bền. - Giáo dục năng lực phối hợp vận động. - Giáo dục tố chất mềm dẻo.	2					6
- Giáo dục sức mạnh. - Giáo dục sức nhanh		1				1.5
- Giáo dục sức mạnh. - Giáo dục sức nhanh				1		3
Nội dung 8: Hình thức buổi tập TDTT						
- Cơ sở cấu trúc buổi tập TDTT. - Đặc điểm hình thức buổi tập chính khoá và buổi tập không chính khoá. - Soạn giáo án giảng dạy một buổi lên lớp - Xây dựng kế hoạch giảng dạy. - Soạn giáo án giảng dạy một buổi lên lớp - Xây dựng kế hoạch giảng dạy.	5					15
- Soạn giáo án giảng dạy một buổi lên lớp - Xây dựng kế hoạch giảng dạy.		3				4.5
- Soạn giáo án giảng dạy một buổi lên lớp - Xây dựng kế hoạch giảng dạy. - Tổ chức giảng dạy				8		24
Nội dung 9: Huấn luyện thể thao						
- Các khái niệm cơ bản - Mục đích, nhiệm vụ và nội dung của huấn luyện thể thao - Phân loại các bài tập trong huấn luyện thể thao - Những nguyên tắc chuyên biệt của huấn luyện thể thao - Kế hoạch huấn luyện thể thao - Năng khiếu thể thao và tuyển chọn VĐV trẻ.	2					6
Kế hoạch huấn luyện thể thao		1				1.5

Kế hoạch huấn luyện thể thao				2		3
Tổng	21	9		15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric 1 Nội dung 1 - 5	CLO 1,2,5	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Nội dung 6,7	CLO 2,3,4	
3	Thực hành	Rubric 3 Nội dung 8	CLO 2,3,6	
4	Thực hành	Rubric 4 Nội dung 9	CLO 3,4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Vấn đáp	Rubric 5 Nội dung 1 - 5	CLO 1,2,3,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết	Rubric 6 Ngân hàng đề thi	CLO 1 - 6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2017), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Viết Minh, (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động người học các môn: Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất, thể dục, điền kinh, Bơi lội, Đá cầu* Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.

3. Đồng Văn Triệu (2008). *Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn học tập môn lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*. Nxb TDTT Hà Nội.

6.23b. Học phần Huấn luyện TDTT/sports training coourse

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 193061
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Huấn luyện TDTT bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản về khoa học, lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao thành tích cao. Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Huấn luyện thể thao – mục đích, nhiệm vụ và cơ sở; Phát triển năng lực thể thao; Nguyên tắc huấn luyện thể thao; Giáo dục thể thao trong quá trình huấn luyện; Lập kế hoạch, đánh giá và tổ chức quá trình huấn luyện; Những vấn đề chuyên môn của chuẩn bị thi đấu thể thao.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản về khoa học, lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao thành tích cao; từng bước bồi dưỡng các kiến thức, để phân tích, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào trong thực tiễn của quá trình giảng dạy, huấn luyện, phục vụ công tác đào tạo cán bộ TDTT và huấn luyện vận động viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Mục đích, nhiệm vụ, đặc điểm của huấn luyện thể thao

- CO2: Sinh viên hiểu được đặc điểm, phương tiện Phát triển năng lực thể thao.
- CO3: Sinh viên hiểu được các nguyên tắc trong quá trình huấn luyện thể thao
- CO4: Sinh viên hiểu được Giáo dục thể thao trong quá trình huấn luyện.
- CO5: Sinh viên hiểu được lập kế hoạch, đánh giá và tổ chức quá trình huấn luyện; những vấn đề chuyên môn của chuẩn bị thi đấu thể thao.
- CO6: Vận dụng kiến thức khoa học, lý luận và phương pháp trong quá trình huấn luyện thể thao thành tích cao trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này..
- CO7: Thành thạo việc lập kế hoạch, đánh giá và tổ chức quá trình huấn luyện cũng như những vấn đề chuyên môn của chuẩn bị thi đấu thể thao.
- CO8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào việc hình thành, phát triển ý thức của bản thân và khả năng xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn thể thao
- CO9: Sinh viên hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức về huấn luyện TDTT trong hoạt động nghề nghiệp.
- CO10: Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn học.
- CO11: Sinh viên cần nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn TDTT

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về Huấn luyện thể thao.
- CLO2: Người học vận dụng được các kiến thức khoa học, lý luận và phương pháp trong quá trình huấn luyện thể thao thành tích cao ở các môn thể thao và giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.
- CLO3: Thành thạo việc lập kế hoạch, đánh giá và tổ chức quá trình huấn luyện cũng như những vấn đề chuyên môn của chuẩn bị thi đấu thể thao.
- CLO4: Tổ chức các giải thi đấu và làm tốt công tác huấn luyện thể thao, công tác phong trào TDTT cơ sở.
- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Có khả năng đưa ra được dự đoán, kết luận về kỹ thuật và thành tích các môn thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu các môn TT
- CLO6: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn TT trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO7: Có năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao một cách có hiệu quả. Đảm đương tốt vai trò huấn luyện các đội tuyển học sinh các trường.

- CLO8: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO9: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường giảng dạy, tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau

- CLO10: Có năng lực tự lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Huấn luyện thể thao – mục đích, nhiệm vụ và cơ sở						
- Mục đích, nhiệm vụ và đặc điểm của HLTT - Sự phân chia quá trình huấn luyện dài hạn. - Những điều kiện để đạt thành tích thể thao cao - Các khả năng dự báo năng khiếu. - Những đặc điểm riêng của lứa tuổi trong sự phát triển về giải phẫu, sinh lý, tâm lý và vận động của thiếu noieen và thanh niên.	6					18
Nội dung 2: Phát triển năng lực thể thao						
- Đặc điểm của năng lực thể thao. - Các bài tập thể chất là phương tiện chính của giáo dưỡng thể thao. - Nâng cao năng lực thể thao thông qua LVD tập luyện - Sự thống nhất giữa LVD và hồi phục - Sự phá vỡ năng lực thể thao do yêu cầu quá mức	3					9
- Các bài tập thể chất là phương tiện chính của giáo dưỡng thể thao. - Nâng cao năng lực thể thao thông qua LVD tập luyện		3				4,5
Nội dung 3: Các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất						

- Nguyên tắc nâng cao các yêu cầu của LVĐ. - Nguyên tắc LVĐ liên tục - Nguyên tắc tự giác. - Nguyên tắc kế hoạch và hệ thống - Nguyên tắc trực quan - Nguyên tắc phù hợp	3					18
- Nguyên tắc nâng cao các yêu cầu của LVĐ. - Nguyên tắc LVĐ liên tục - Nguyên tắc tự giác. - Nguyên tắc kế hoạch và hệ thống - Nguyên tắc trực quan - Nguyên tắc phù hợp		3				4,5
Nội dung 4: Giáo dưỡng thể thao trong quá trình huấn luyện						
- Các cơ sở và phương pháp huấn luyện sức mạnh - Các cơ sở và phương pháp huấn luyện sức bền - Các cơ sở và phương pháp huấn luyện sức nhanh. - Các cơ sở và phương pháp phát triển khả năng mềm dẻo - Các cơ sở và phương pháp huấn luyện khả năng phối hợp. - Các cơ sở và phương pháp huấn luyện kỹ thuật thể thao. - Các cơ sở chiến thuật thể thao và huấn luyện chiến thuật. - Huấn luyện các năng lực trí tuệ	3					6
- Các cơ sở và phương pháp huấn luyện các tổ chất vận động. - Huấn luyện các năng lực trí tuệ		3				4.5
Nội dung 5: Lập kế hoạch, đánh giá và tổ chức quá trình huấn luyện						
- Lập kế hoạch quá trình huấn luyện. - Các phương pháp kiểm tra - Buổi tập - Nghĩa vụ chăm sóc và nghĩa vụ giám sát.	3					6
- Lập kế hoạch quá trình huấn luyện. - Các phương pháp kiểm tra				6		18
Nội dung 6: Những vấn đề chuyên môn của chuẩn bị thi đấu						

- Ý nghĩa của thi đấu đối với sự phát triển năng lực . - Tần số thi đấu. - Chuẩn bị chuyên môn của các cuộc thi đấu - Lập kế hoạch thi đấu	3					15
- Lập kế hoạch thi đấu				9		27
Tổng	21	9		15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric 1 Nội dung 1 - 6	CLO 1-5	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Nội dung 2,3,4	CLO 1-6	
3	Thực hành	Rubric 3 Nội dung 5	CLO 3-10	
4	Thực hành	Rubric 4 Nội dung 6	CLO 3-10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Vấn đáp	Rubric 5 Nội dung 1 - 6	CLO 1-6	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết	Rubric 6 Đề thi	CLO 1 - 10	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. TS. D.Harre (chủ biên) (1996), *Học thuyết huấn luyện*, Nxb TDTT Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2017), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội

6.24a. Học phần Lý luận & PP GDTC trong trường học/ Physical education theory and methods at school

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 193001

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết: LL&PP Thể dục thể thao

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Học phần Lý luận & phương pháp GDTC trong trường học bao gồm: Những khái quát chung về giáo dục thể chất; Nhiệm vụ, phương pháp, phương tiện giáo dục thể chất; mục đích, nhiệm vụ và cụ thể hóa nguyên tắc trong GDTC đối với học sinh phổ thông; đặc điểm phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực, kế hoạch giảng dạy, phương pháp tổ chức đánh giá cho học sinh phổ thông; mục đích, nhiệm vụ, hệ thống quản lý, điều hành, các hình thức của giáo dục thể chất sinh viên đại học và trung học chuyên nghiệp

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về Lý luận & phương pháp GDTC trong trường học. Qua đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức giảng dạy giáo dục thể chất cho học sinh ở các cấp học

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Cơ sở lý luận, nhiệm vụ, phương tiện, phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo
- CO2: Sinh viên hiểu được Cơ sở lý luận, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực đối với học sinh phổ thông
- CO3: Sinh viên hiểu được kế hoạch giảng dạy, phương pháp tổ chức đánh giá đối với học sinh phổ thông
- CO4: Sinh viên hiểu được Công tác giáo dục thể chất sinh viên đại học và trung học chuyên nghiệp.
- CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào việc giảng dạy giáo dục thể chất cho học sinh các cấp học
- CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết các nhiệm vụ học tập các môn thực hành TDTT;
- CO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận vào việc hình thành, phát triển ý thức của bản thân và khả năng xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn thể thao
- CO8: Hình thành kỹ năng giảng dạy cho học sinh các cấp học.
- CO9: Nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn TDTT.
- CO10: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Lý luận và phương pháp GDTC trường học và quá trình giảng dạy, huấn luyện TDTT, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về LL&PP GDTC trong trường học.
- CLO2: Hiểu, vận dụng và phân tích được những cơ sở lý luận, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc, phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực đối với học sinh các cấp học.
- CLO3: Hiểu được nhiệm vụ, nội dung, hình thức của giáo dục thể chất trong trường học. Xác định được trách nhiệm của xã hội, của các cấp, các ngành và các đoàn thể đối với công tác giáo dục thể chất trong trường học.
- CLO4: Vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất ở các cấp học.
- CLO5: Thành thạo việc xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các cấp học.

- CLO6: Kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn giảng dạy các môn thể thao trong trường học ở các điều kiện khác nhau và để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp

- CLO7: Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học lý thuyết và thực hành.

- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO9: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO10: Có sáng kiến trong quá trình giảng dạy GDTC.

- CLO11: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường giảng dạy, tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau.

- CLO12: Có năng lực tự lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái quát chung về GDTC trong trường học						
- Nhiệm vụ của giáo dục thể chất trong trường học. - Nội dung cơ bản của công tác giáo dục thể chất trong trường học. - Các hình thức giáo dục thể chất cho học sinh. - Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về GDTC trong trường học. - Trách nhiệm của toàn xã hội đối với giáo dục thể chất học sinh.	3					9
Nội dung 2: Những vấn đề chung, đặc điểm phát triển thể chất của HS tiểu học						
- Đặc điểm tâm lí và sinh lí vận động của học sinh tiểu học - Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người và với học sinh tiểu học. - Phương pháp tập luyện nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất vận động cho học sinh tiểu học.	2					6

Ảnh hưởng và tác dụng của tập luyện TDDT đối với con người và với học sinh tiểu học		1				1.5
Nội dung 3: Phương pháp dạy học môn thể dục ở tiểu học						
- Các phương pháp trực quan. - Phương pháp sử dụng lời nói - Các phương pháp thực hiện bài tập (tập luyện) - Phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy thể dục và lập kế hoạch giảng dạy - Xác định: Kiểm tra đánh giá kết quả dạy học thể dục. - Xác định: Phương pháp sửa chữa động tác sai trong giảng dạy TDDT - Xác định: Phương pháp lên lớp giờ thể dục - Phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy thể dục và lập kế hoạch giảng dạy	3					9
- Xác định: Phương pháp sửa chữa động tác sai trong giảng dạy TDDT - Xác định: Phương pháp lên lớp giờ thể dục		2				3
Phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy thể dục và lập kế hoạch giảng dạy				7		21
Nội dung 4: Cơ sở lý luận của giáo dục thể chất đối với học sinh phổ thông						
- Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh trung học cơ sở. - Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh phổ thông .	2					6
Nội dung 5: Mục đích, nhiệm vụ và cụ thể hoá các nguyên tắc trong giáo dục thể chất đối với học sinh phổ thông						
- Mục đích, nhiệm vụ giáo dục thể chất - Cụ thể hoá những nguyên tắc chung của hệ thống giáo dục thể chất đối với học sinh phổ thông	2					6
Nội dung 6: Đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tổ chất thể lực đối với học sinh phổ thông						
- Một số đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác - Phương pháp giáo dục các tổ chất thể lực	3					9
Phương pháp giáo dục các tổ chất thể lực		1				1,5

Nội dung 7: Giờ học thể dục thể thao, kế hoạch giảng dạy, phương pháp tổ chức và đánh giá						
- Giờ học thể dục thể thao trong trường phổ thông - Kế hoạch giảng dạy. - Phương pháp phân tích, đánh giá giờ học thể dục thể thao - Xây dựng kế hoạch g.dạy. - Soạn giáo án giảng dạy. - Phương pháp phân tích, đánh giá giờ học TDDT	3					9
Phương pháp phân tích, đánh giá giờ học thể dục thể thao		3				4.5
- Xây dựng kế hoạch giảng dạy. - Soạn giáo án giảng dạy. - Tổ chức giảng dạy				8		24
Nội dung 8: GDTC sinh viên đại học và THCN						
- Mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất sinh viên - Hệ thống quản lý điều hành công tác GDTC trong các trường đại học. - Đặc điểm sử dụng phương tiện, phương pháp GDTC cho sinh viên. - Xu hướng đổi mới công tác GDTC và thể thao trong các trường Đại học. - Hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam hiện nay. Vấn đề học sinh, sinh viên trong sự nghiệp đổi mới - Chương trình GDTC trong các trường đại học.	3					9
- Thể thao sinh viên hiện trạng và giải pháp phát triển trong thời gian tới. - Các biện pháp đổi mới công tác GDTC và thể thao trong các trường Đại học		2				3
Tổng	21	9		15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;

- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric1 Nội dung 2,3,4,5,8	CLO 1,2,3	30%
2	Thảo luận	Rubric2 Nội dung 6	CLO 1,2	
3	Thực hành	Rubric3 Nội dung 7	CLO 4,5,6	
4	Thực hành	Rubric4 Nội dung 7	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Vấn đáp	Rubric5 Nội dung 1 - 5	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kỳ			
1	Viết	Rubric6 Ngân hàng đề thi	CLO 1 - 6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra g.kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thor. (2006), *LL & PP GDTC trong trường học*, Nxb TĐTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Phạm Văn Đàn, Hoàng Sỹ Trung, Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Công Thành, Trịnh Việt Dũng, Cao Ngọc Thành. (2021), *LL & PP TDTT trường học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

3. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Đậu Bình Hương (2007), *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

6.24b. Học phần Lý luận & PP GDTC/ Physical education theory and methods

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 292026
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: LL&PP Thể dục thể thao

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Học phần này cung cấp hệ thống những kiến thức chung về thể dục thể thao: Mục đích, nhiệm vụ, hình thức của giáo dục thể chất, nội dung học tập, phân loại sức khỏe, trách nhiệm của sinh viên, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trong các trường đại học, phong trào thể dục thể thao quần chúng và nâng cao thành tích thể thao trong sinh viên, cơ sở khoa học sinh học của giáo dục thể chất. Vệ sinh tập luyện, huấn luyện thể dục thể thao. Kiểm tra và tự kiểm tra y học trong giáo dục thể chất. Thể dục thực dụng và nghề nghiệp, thể dục thể thao trong hệ thống tổ chức lao động khoa học, nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong trường đại học chuyên nghiệp.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về Lý luận & phương pháp GDTC. Qua đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức giảng dạy giáo dục thể chất cho học sinh ở các cấp học, công tác huấn luyện, phong trào TDTT ở các trung tâm, phòng văn hóa thể thao cơ sở.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Mục đích, nhiệm vụ, hình thức của giáo dục thể chất
- CO2: Sinh viên hiểu được Nội dung học tập, phân loại sức khỏe, trách nhiệm của sinh viên; Công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng GDTC trong các trường đại học
- CO3: Sinh viên hiểu Phong trào TDTT quần chúng và nâng cao thành tích thể thao trong sinh viên; Sinh viên hiểu Cơ sở khoa học sinh học của giáo dục thể chất

- CO4: Sinh viên hiểu Vệ sinh tập luyện, Kiểm tra và tự kiểm tra y học trong giáo dục thể chất
- CO5: Sinh viên hiểu Huấn luyện thể dục thể thao
- CO6:: Sinh viên hiểu Thể dục thực dụng và nghề nghiệp, TDTT trong hệ thống tổ chức lao động khoa học, nghiên cứu khoa học TDTT trong trường đại học chuyên nghiệp
- CO7: Biết lập kế hoạch, tổ chức được các hoạt động TDTT trong quần chúng và hoạt động TDTT thành tích cao
- CO8: Vận dụng thành thạo các kiến thức về vệ sinh tập luyện; Phương pháp phát triển các tổ chất vận động; Phương pháp xây dựng kế hoạch, huấn luyện kỹ thuật; các kiến thức về kiểm tra và y học vào quá trình tổ chức, giảng dạy, huấn luyện và công tác NCKH TDTT trong các trường đại học.
- CO9: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết các nhiệm vụ học tập. các môn thực hành TDTT.
- CO10: Sinh viên có hiểu biết chung về TDTT, có khả năng tư duy logic, năng lực tự chủ phục vụ công tác tổ chức, giảng dạy, huấn luyện và công tác NCKH TDTT trong nhà trường các cấp sau này.
- CO11: Sinh viên cần nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, tích cực thực hiện tốt nội dung học tập. Đồng thời hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy và huấn luyện các môn TDTT
- CO12: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Lý luận và phương pháp GDTC và quá trình giảng dạy, huấn luyện TDTT, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về lý luận & PP GDTC
- CLO2: Sinh viên hiểu được những cơ sở lý luận, mục đích, nhiệm vụ của công tác giáo dục thể chất trong trường đại học; cơ sở khoa học sinh học của GDTC.
- CLO3: Sinh viên hiểu được phong trào TDTT quần chúng và nâng cao thành tích thể thao trong sinh viên, Từ đó sinh viên biết lập kế hoạch tổ chức phong trào TDTT quần chúng và hoạt động TDTT thành tích cao.
- CLO4: Sinh viên hiểu được công tác vệ sinh trong tập luyện TDTT, Các yêu cầu vệ sinh đối với sân bãi, dụng cụ TDTT, địa điểm tập luyện thể dục giữa giờ trong sản xuất cũng như Các biện pháp vệ sinh hỗ trợ nhằm phục hồi và nâng cao

khả năng làm việc. SV tự kiểm tra y học và biết cách phòng tránh chấn thương trong TDDT

- CLO5: Có kỹ năng lập kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, tổ chức được các hoạt động TDDT trong quần chúng và hoạt động TDDT thành tích cao

- CLO6: Có kỹ năng vận dụng thành thạo các kiến thức về vệ sinh tập luyện; Phương pháp phát triển các tố chất vận động; Phương pháp xây dựng kế hoạch, huấn luyện kỹ thuật; các kiến thức về kiểm tra và y học vào quá trình tổ chức, giảng dạy, huấn luyện và công tác NCKH TDDT trong các trường đại học

- CLO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết các nhiệm vụ học tập các môn thực hành TDDT

- CLO8: Có khả năng tư duy logic, năng lực tự chủ phục vụ công tác tổ chức, giảng dạy, huấn luyện và công tác NCKH TDDT trong nhà trường các cấp phong trào TDDT cơ sở.

- CLO9: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc..

- CLO10: Có sáng kiến trong quá trình giảng dạy GDTC và các hoạt động phong trào TDDT.

- CLO11: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường giảng dạy, tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau

- CLO12: Có năng lực tự lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. .

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung I: Những vấn đề chung về TDDT						
- Tóm tắt lịch sử phát triển chung về TDDT - Một số khái niệm cơ bản của GDTC - TDDT trong trường đại học ở Việt Nam.	3					9
Nội dung II: Giáo dục thể chất trong các trường đại học						
- Mục đích và nhiệm vụ của GDTC. - Các hình thức GDTC, - Phân loại sức khỏe của sinh viên trong luyện tập - Nội dung học tập.	3					9

- TDDT trong học tập, sinh hoạt và nghỉ ngơi của sinh viên - Những đặc tính cơ bản về tâm – sinh lý trong lao động trí óc của sinh viên. - Phương hướng và sử dụng các phương tiện TDDT trong quá trình đào tạo ở trường.						
- Trách nhiệm của sinh viên. - Thi và kiểm tra, đánh giá chất lượng GDTC		2				6
Nội dung III: Phong trào TDDT quần chúng và nâng cao thành tích thể thao trong sinh viên						
- Hoạt động của chi hội thể thao đại học và chuyên nghiệp ở trường., - Tổ chức và cán bộ nghiệp dư của phong trào TDDT quần chúng trong trường., - Phương hướng sử dụng phương tiện TDDT trong phong trào TDDT quần chúng Lập kế hoạch và các hình thức tổ chức phong trào TDDT quần chúng.	2					6
Lập kế hoạch và các hình thức tổ chức phong trào TDDT quần chúng.		1				1.5
Nội dung IV: Cơ sở khoa học sinh học của giáo dục thể chất						
- Cơ thể con người là hệ sinh học thống nhất. Trao đổi chất và năng lượng. - Cơ thể con người là. Bộ máy vận động - Cơ sở sinh lý của hoạt động thể lực	2					6
Nội dung V: Vệ sinh tập luyện TDDT						
- Vệ sinh và nhiệm vụ của vệ sinh tập luyện. - Vệ sinh cá nhân. - Các yêu cầu vệ sinh đối với sân bãi, dụng cụ TDDT, địa điểm tập luyện thể dục giữa giờ trong sản xuất. - Các biện pháp vệ sinh hỗ trợ nhằm phục hồi và nâng cao khả năng làm việc.	3					9
- Các yêu cầu vệ sinh đối với sân bãi,		2				3

dụng cụ TDDT, địa điểm tập luyện thể dục giữa giờ trong sản xuất. - Các biện pháp vệ sinh hỗ trợ nhằm phục hồi và nâng cao khả năng làm việc.						
Nội dung VI: Huấn luyện thể thao						
- Những khái niệm cơ bản. - Các nhiệm vụ chính của huấn luyện thể thao. - Các phương tiện huấn luyện thể thao, lượng vận động trong tập luyện - Các nguyên tắc huấn luyện. - Phương pháp phát triển các tố chất thể lực. - Phương pháp phát triển năng lực mềm dẻo. - Phương pháp phát triển năng lực phối hợp vận động - Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện. - Phương pháp huấn luyện kỹ thuật. - Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện.	2					6
- Phương pháp huấn luyện kỹ thuật. - Phương pháp xây dựng kế hoạch huấn luyện.		2				3
Nội dung VII: Kiểm tra và tự kiểm tra y học trong quá trình GDTC						
- Tổ chức và nội dung của kiểm tra y học trong nhà trường. - Kiểm tra sự đánh giá và phát triển thể lực. - Kiểm tra chức năng của các hệ cơ quan. - Theo dõi y học – sự phạm. - Tự kiểm tra trong tập luyện TDDT - Đề phòng chấn thương trong TDDT, - Một số trạng thái sinh lý và phản ứng xấu của cơ thể trong tập luyện TDDT - Một số quy định sơ cứu chấn thương.	2					6
- Kiểm tra sự đánh giá và phát triển thể lực.				7		21

- Kiểm tra chức năng của các hệ cơ quan. - Theo dõi y học – sự phạm. - Tự kiểm tra trong tập luyện TDTT						
Nội dung VIII: TDTT thực dụng và nghề nghiệp						
- Thể dục thực dụng và nghề nghiệp trong hệ thống GDTC của sinh viên. - Đặc điểm thể dục thực dụng và nghề nghiệp của sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp.	1					3
- Thể dục thực dụng và nghề nghiệp trong hệ thống GDTC của sinh viên. - Đặc điểm thể dục thực dụng và nghề nghiệp của sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp.		1				1.5
Nội dung IX: TDTT trong tổ chức lao động khoa học						
- Mục đích và nhiệm vụ của TDTT trong hệ thống tổ chức lao động khoa học - Thể dục sản xuất	1					3
- Mục đích và nhiệm vụ của TDTT trong hệ thống tổ chức lao động khoa học - Thể dục sản xuất		1				1.5
Nội dung X: NCKH TDTT trong các trường đại học chuyên nghiệp						
- Những khái niệm chung. - Xác định hướng và đề tài nghiên cứu. - Xây dựng đề cương nghiên cứu, - Tiến hành nghiên cứu đề tài, - Hình thành luận văn khoa học, - Bảo vệ công trình khoa học	2					6
Xây dựng đề cương nghiên cứu				8		24
Tổng	21	9		15		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);

- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Rubric 1 Nội dung II, III, IV, VII, VIII, IX	CLO 1,2,4,6,7	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Nội dung V	CLO 1,4,6,7	
3	Thực hành	Rubric 3 Nội dung VI	CLO 1,3,5,6,7	
4	Thực hành	Rubric 4 Nội dung X	CLO 1,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Vấn đáp	Rubric 5 Nội dung I - V	CLO 1,2,4,6,7	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết	Rubric 6 Ngân hàng đề thi	CLO 1 - 7	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Vũ Đức Thu, Nguyễn Trương Tuấn (1998). *Lý luận và phương pháp GDTC*, Nxb TĐTT

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. PGS.TS.Vũ Chung Thủy, BS. GVC. Bùi Quang Ngọc (2014). *Giáo trình vệ sinh TDTT*, Nxb TDTT, HN.

3. Nguyễn Xuân Sinh (2012), *Giáo trình lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội. .

6.25. Học phần Điền kinh 1/Athletics 1

- Số tín chỉ: 04 (LT 12; TH 48)
- Mã học phần: 193017
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần* Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức và nhảy xa

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn chạy, nhảy xa.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CO2: Người học có được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CO3: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CO4: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.
- CO5: Chủ động, tích cực tham gia học tập trên lớp và tự tập luyện ngoài khóa ngoài giờ lên lớp của học phần.
- CO6: Có năng lực dạy học môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CO7: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa

- CLO2: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CLO3: Người học hiểu và thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CLO4: Người học hiểu và thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa
- CLO5: Người học hiểu rõ, phân tích được phương pháp giảng dạy. Có năng lực dạy học môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.
- CLO6: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.
- CLO7: Người học hiểu được luật thi đấu; cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn chạy. - Nguyên lý kỹ thuật môn chạy. - Kỹ thuật môn chạy cự ly ngắn tiếp sức và trung bình	3					9
Nội dung 2: Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn nhảy xa. - Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa. - Kỹ thuật môn nhảy xa	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa. - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật	6					18

môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.						
Nội dung 4: Chạy cự ly trung bình: - Các động tác bổ trợ - Kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng.				2		6
Nội dung 5: Chạy cự ly trung bình: - Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng. - Học kỹ thuật xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát; Kỹ thuật giai đoạn về đích.				2		6
Nội dung 6: Chạy cự ly trung bình: Hoàn thiện kỹ thuật				2		6
Nội dung 7: Chạy ngắn: - Học kỹ thuật chạy giữa quãng - Học KT xuất phát thấp				2		6
Nội dung 8: Chạy ngắn: - Ôn kỹ thuật chạy giữa quãng, - Ôn kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát. - Học kỹ thuật giai đoạn về đích				2		6
Nội dung 9: Chạy ngắn: Hoàn thiện kỹ thuật				2		6
Nội dung 10: Chạy tiếp sức: - Kỹ thuật trao và nhận tín gậy - Kỹ thuật xuất phát có cầm tín gậy				2		6
Nội dung 11: Chạy tiếp sức: Hoàn thiện kỹ thuật				2		6
Nội dung 12: Kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy				2		6
Nội dung 13: - Kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy.				2		6
Nội dung 14: - Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống đất kỹ thuật nảy xa kiểu ngồi				2		6
Nội dung 15: Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi				2		6

Nội dung 16: Kỹ thuật giai đoạn trên không và tiếp đất kỹ thuật ngã xa ưỡn thân				2		6
Nội dung 17: Hoàn thiện kỹ thuật				2		6
Nội dung 18: Thực hành phương pháp tổ chức giảng dạy môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.				10		30
Nội dung 19: Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy ngắn, tiếp sức, trung bình và nhảy xa.				10		30
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp KTĐG	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Thực hành	Kỹ thuật và cách thức thực hiện các bài tập bổ trợ (rubric 1)	CLO3,	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật của các giai đoạn môn chạy (rubric 2)	CLO2,4	
3	Thực hành	Kỹ thuật của các giai đoạn của môn nhảy xa (rubric 3)	CLO2,4	
4	Thực hành	Phương pháp giảng dạy (rubric 4)	CLO2,4,6	
5	Chuyên cần	Sự hiện diện trên lớp và quá trình tham gia học tập môn học (rubric 5)	CLO9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật, thành tích chạy cự ly trung bình (rubric 6)	CLO1,2,3, 4,7	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Thành tích, kỹ thuật môn chạy cự ly ngắn (rubric 7)	CLO1,2,3, 4,7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và DDCCTHP để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc (01)

[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), *Điền kinh*, Nxb TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

[2]. Ủy ban TDTT (2013), *Luật Điền kinh*, Nxb TDTT.

[3]. Nguyễn Kim Minh (2004), *Giáo trình Điền kinh*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội..

6.26. Học phần Điền kinh 2/Athletics 2

- Số tín chỉ: 02 (LT 6; TH 24)

- Mã học phần: 193022

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: Điền kinh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật môn đẩy tạ; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn đẩy tạ.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn đẩy tạ; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn đẩy tạ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn đẩy tạ; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn đẩy tạ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn đẩy tạ

- CO2: Người học có được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn đẩy tạ
- CO3: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn đẩy tạ
- CO4: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn đẩy tạ
- CO5: Chủ động, tích cực tham gia học tập trên lớp và tự tập luyện ngoài khóa ngoài giờ lên lớp của học phần.
- CO6: Có năng lực dạy học môn đẩy tạ
- CO7: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn đẩy tạ

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn đẩy tạ
- CLO2: Người học và phân tích được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn đẩy tạ
- CLO3: Người học hiểu và thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn đẩy tạ
- CLO4: Người học hiểu và thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn đẩy tạ
- CLO5: Người học hiểu rõ, phân tích được phương pháp giảng dạy. Có năng lực dạy học môn đẩy tạ .
- CLO6: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn đẩy tạ .
- CLO7: Người học hiểu được luật thi đấu; cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn đẩy tạ .
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			TH	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	BT/TH			
Nội dung 1: - Sự hình thành, phát triển môn đẩy tạ.	3					9

- Nguyên lý kỹ thuật môn đẩy tạ. - Kỹ thuật đẩy tạ vai hướng ném.						
Nội dung 2: - Kỹ thuật đẩy tạ lưng hướng ném. - Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn đẩy tạ - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật môn đẩy tạ.	3					9
Nội dung 3: Đẩy tạ vai hướng ném: - Các động tác hỗ trợ - Cách cầm tạ và tư thế chuẩn bị. - Học kỹ thuật giai đoạn ra sức cuối cùng.				2		6
Nội dung 4: Đẩy tạ vai hướng ném: - Ôn các động tác hỗ trợ - Ôn kỹ thuật giai đoạn ra sức cuối cùng. - Học kỹ thuật giai đoạn trượt đà.				2		6
Nội dung 5: Đẩy tạ vai hướng ném: - Ôn kỹ thuật giai đoạn trượt đà và ra sức cuối cùng. - Học kỹ thuật giai đoạn giữ thăng bằng. - Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật.				2		6
Nội dung 6: Đẩy tạ vai hướng ném: Hoàn thiện kỹ thuật.				2		6
Nội dung 7: Đẩy tạ lưng hướng ném: - Học tư thế chuẩn bị. - Học kỹ thuật giai đoạn ra sức cuối cùng.				2		6
Nội dung 8: Đẩy tạ lưng hướng ném: - Ôn kỹ thuật giai đoạn ra sức cuối cùng. - Học kỹ thuật giai đoạn trượt đà.				2		6
Nội dung 9: Đẩy tạ lưng hướng ném: - Ôn kỹ thuật giai đoạn trượt đà và RSCC. - Học kỹ thuật giữ thăng bằng. - Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật.				2		6
Nội dung: 10				2		6

Đẩy tạ lưng hướng ném: Hoàn thiện kỹ thuật.						
Nội dung 11: Thực hành phương pháp tổ chức giảng dạy môn đẩy tạ.				4		12
Nội dung 12: Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn đẩy tạ .				4		12
Tổng	6			24		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Thực hành	Kỹ thuật và cách thức thực hiện các bài tập bổ trợ (rubric 1)	CLO 1,2,3,4,5,6	30%
2	Thực hành	Các kỹ thuật của các giai đoạn (rubric 2)	CLO 2.3.4	
3	Chuyên cần	Sự hiện diện trên lớp và quá trình tham gia học tập môn học (rubric 3)	CLO 9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Các kỹ thuật của các giai đoạn Kỹ thuật và cách thức thực hiện các bài tập bổ trợ (rubric 4)	CLO1,2,3,4, 5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Thành tích, kỹ thuật môn Đẩy tạ (rubric 5)	CLO4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Đại Dương (2006), *Điện kinh*, Nxb TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT (2013), *Luật Điện kinh*, Nxb TDTT.

3. Nguyễn Kim Minh (2004), *Giáo trình Điện kinh*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.

6.27. Học phần Thể dục/ Gymnastics

- Số tín chỉ: 04 (LT 12; TH 48)

- Mã học phần: 193024

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điện Kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, lịch sử thể dục, thuật ngữ thể dục, đội ngũ và đội hình, các bài tập thể dục tay không, bài tập mô phỏng... Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy động tác thể dục, Thể dục cho các đối tượng tập luyện.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn được giáo án, tổ chức lên lớp dạy một giờ học môn thể dục (bài tập thể dục; đội hình đội ngũ; cách báo cáo của người chỉ huy....).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn thể dục và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao

- CO2: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu

- CO3: Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện thể dục

- CO4: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản môn thể dục

- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các kỹ thuật động tác trong đội hình đội ngũ, bài tập mẫu 9 động tác, bài tập liên hoàn 80 nhịp..., phương pháp giảng dạy

- CO6: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác: đội hình đội ngũ, đi đều...

- CO7: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn

- CO8: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy động tác trong môn thể dục

- CO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết

- CO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc, phương pháp trong công tác giảng dạy, tập luyện môn thể dục vào thực tiễn công tác sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn học thể dục

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn học thể dục vào quá trình học tập các môn thể thao.

- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy các môn thể thao trong trường học ở các điều kiện khác nhau

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án giảng dạy môn thể dục

- CLO5: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

- CLO6: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, môn thể dục trong trường học ở các điều kiện khác nhau

- CLO7: Có kỹ năng vận dụng kiến thức của môn học để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp

- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc

- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)				Khác	
	LT	Thảo luận	Bài tập/	Thực hành		
Nội dung 1: Thể dục trong hệ thống GDTC và huấn luyện thể thao, lịch sử thể dục, thuật ngữ thể dục, khái niệm, đặc điểm của thể dục dụng cụ	6					18
Nội dung 2: Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy động tác thể dục, thể dục tự do. Thể dục sức khỏe cho mọi người	6					18
Nội dung 3: Tập hợp hàng dọc, hàng ngang, dóng hàng, điểm số, dàn, dồn hàng, động tác báo cáo của người chỉ huy				3		9
Nội dung 4: Bài tập phát triển chung 9 động tác				3		9
Nội dung 5: Bài tập cách báo cáo của người chỉ huy				3		9
Nội dung 6: Động tác nghiêm, nghỉ, quay phải, quay trái, quay sau. Các tư thế và hoạt động chính trong thể dục cơ bản				3		9
Nội dung 7: Động tác dậm chân tại chỗ, động tác đi thường, động tác đứng lại trong đi đều Ôn tập và kiểm tra bài 9 động tác				3		9
Nội dung 8: Động tác đi đều, động tác đổi chân khi đi sai nhịp, đổi				3		9

hướng khi đi, động tác chạy đều						
Nội dung 9: Động tác đi đều, động tác đổi chân khi đi sai nhịp, đổi hướng khi đi, động tác chạy đều				3		9
Nội dung 10: Biến đổi đội hình từ một hàng ngang (dọc) thành hai hàng ngang (dọc), từ 1 hàng ngang (dọc) thành 3 hàng ngang (dọc), đội hình 9-6-3-0, 4-2-0,...				3		9
Nội dung 11: Bài tập minh họa: bài tập liên hoàn 80 nhịp (1- 40 nhịp)				3		9
Nội dung 12: Bài tập minh họa: bài tập liên hoàn từ nhịp 41- 80 nhịp				3		9
Nội dung 13: Ôn tập minh họa: bài tập liên hoàn 80 nhịp				3		9
Nội dung 14: + Lộn trước(lộn xuôi) + Lộn sau (lộn ngược				3		9
Nội dung 15: Động tác lộn nghiêng chống tay				3		9
Nội dung 16: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học bài tập liên hoàn 80 nhịp				3		9
Tổng	12			48		180

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			

1	Đánh giá nhanh trên lớp.	Câu hỏi (Rubric1)	CLO1,2	30%
2	Thực hành	Thực hiện kỹ thuật động tác báo cáo của người chỉ huy (Rubric2)	CLO3,4	
3	Thực hành	Thực hiện động tác quay các hướng, động tác đi đều (Rubric3)	CLO5,6	
4	Thực hành	Động tác lộn xuôi có đà (Rubric 4)	CLO5,6	
5	Thực hành	Động tác lộn chống nghiêng (Rubric 5)	CLO5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài thể dục phát triển chung 9 động tác (Rubric 6)	CLO7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài thể dục liên hoàn 80 nhịp (Rubric7)	CLO3,4,5,6, 7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Xuân Sinh, (2008), *Thể dục*, Nxb TDTT

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Xuân Sinh(1999), *Thể dục dụng cụ*, Nxb TDTT, Hà Nội
3. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* Nxb TDTT

6.28a.Học phần Cờ vua/ Chess

- Số tín chỉ: 02 (LT 6; BT,TH 24)
- Mã học phần:192048

- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức cơ bản về môn Cờ vua; Lý luận và phương pháp giảng dạy các giai đoạn của ván đấu; Phương pháp tính toán; Các phương tiện hỗ trợ trong Cờ vua; Lý luận và phương pháp giảng dạy, huấn luyện Cờ vua; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng phát triển tư duy logic; luyện trí thông minh; luyện cách nhìn xa, trông rộng, biết phân tích, tổng hợp tình hình khách quan, khoa học; rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, quyết đoán, táo bạo trong xử lý tình huống; Thực hành thành thạo các kỹ - chiến thuật cơ bản đã học vào quá trình giảng dạy và thi đấu môn Cờ vua; Có năng lực tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển; Biết xây dựng kế hoạch và tổ chức giảng dạy môn Cờ Vua.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được Lịch sử phát triển, đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng môn Cờ vua.
- CO2: Sinh viên hiểu được Luật Cờ vua
- CO3: Sinh viên hiểu được Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua
- CO4: Sinh viên hiểu được Phương pháp tính toán; Phương tiện hỗ trợ cơ bản trong giảng dạy và huấn luyện Cờ vua.
- CO5: Sinh viên hiểu được phương pháp giảng dạy - huấn luyện Cờ vua
- CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức về luật trong quá trình tập luyện, thi đấu và công tác tổ chức trọng tài môn Cờ vua.
- CO7: Vận dụng linh hoạt các kiến thức về: khai cuộc, trung cuộc và tàn cuộc; các kỹ - chiến thuật cơ bản đã học vào quá trình giảng dạy và thi đấu môn Cờ vua
- CO8: Thành thạo soạn giáo
- CO9: Có thái độ tích cực thực hiện tốt nội dung học tập; có phẩm chất năng lực để trở thành giáo viên từ bậc tiểu học đến THCS, công chức, viên chức tại trung tâm, phòng văn hóa thể thao cơ sở
- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào quá trình giảng dạy, huấn luyện Cờ vua trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Cờ vua: cơ sở tâm, sinh lý trong hoạt động tập luyện và thi đấu; cơ sở lý luận về quá

trình giảng dạy. Từ đó vận dụng để có những khối lượng và bài tập phù hợp với từng đối tượng giảng dạy, huấn luyện.

- CLO2: Biết vận dụng thành thạo các kiến thức về luật Cờ vua vào trong quá trình tập luyện, tổ chức, thi đấu, giảng dạy và huấn luyện Cờ vua

- CLO3: Biết phân tích, đánh giá thế Cờ; giải bài tập cờ thế, kỹ năng tính toán nhằm hỗ trợ trong quá trình tập luyện, thi đấu, giảng dạy và huấn luyện Cờ vua.

- CLO4: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn giảng dạy môn Cờ vua trong trường học ở các điều kiện khác nhau

- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Giải quyết những vấn đề về diễn biến tâm lý và điều chỉnh trạng thái tâm lý trong thi đấu

- CLO6: Xây dựng thành thạo kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy; tham gia thi đấu, Đảm đương tốt vai trò huấn luyện các đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn cờ vua của nhà trường, địa phương và làm công tác tổ chức trọng tài, công tác phong trào TDTT cơ sở.

- CLO7: Phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các vận động viên trong thi đấu môn Cờ vua

- CLO8: Có khả năng phát triển tư duy logic; luyện trí thông minh; luyện cách nhìn xa, trông rộng, biết phân tích, tổng hợp tình hình khách quan, khoa học; rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, quyết đoán, táo bạo trong xử lý tình huống;

- CLO9: Có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn cờ vua một cách hiệu quả để giáo dục phát triển các tố chất thể lực (nhANH, bền), nâng cao sức khỏe và rèn luyện tâm lý, ý chí bền bỉ, óc sáng tạo, khả năng tư duy cho người tập.

- CLO10: Chủ động tốt trong việc lập kế hoạch cũng như triển khai có hiệu quả trong công tác tổ chức và thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trọng tài môn cờ vua (tổ trưởng trọng tài, trọng tài viên, trọng tài thư ký)

- CLO11: Có năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn Cờ vua

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Những tri thức cơ bản trong Cờ vua. LL&PPGD, HL Cờ vua (LT)						
- Nguồn gốc lịch sử môn Cờ vua - Bàn Cờ và các khu vực trên bàn Cờ - Quân Cờ và vị trí của quân Cờ: - Hoàn thành nước đi, chiếu và chiếu hết, ván cờ hoà	3					9

- Các thuật ngữ, các thông tin quy ước trong cờ vua - Cơ sở tâm sinh lý trong hoạt động tập luyện và thi đấu Cờ vua - Di chuyển các quân, thực hành thi đấu và ghi chép biên bản. - Lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ Vua. - Lý luận và phương pháp huấn luyện Cờ Vua - Giới thiệu một số phần mềm giảng dạy - huấn luyện và thi đấu Cờ Vua. - Giới thiệu một số phần mềm giảng dạy - huấn luyện và thi đấu Cờ Vua.						
Nội dung 2: Kiến thức phục vụ ván đấu trong Cờ vua. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. (LT)						
- Phương pháp tính toán trong Cờ Vua - Các giai đoạn của ván đấu. - Phương pháp phân tích ván đấu. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ Vua. - Hướng dẫn sử dụng phần mềm bốc thăm SwissManager	3					9
Nội dung 3: Những tri thức cơ bản trong Cờ vua. (TH)						
- Thực hành sắp xếp và di chuyển các quân trên bàn cờ - Thực hành đấu tập.				3		9
Nội dung 4: Kiến thức phục vụ ván đấu trong Cờ vua. (TH)						
- Giải bài tập cờ thế - Thực hành đấu tập. - Phân tích đánh giá thế cờ. - Phân tích các dạng khai cuộc				6		18
Nội dung 5: Nghiên cứu khoa học trong Cờ vua (TH)						
- Lựa chọn hướng nghiên cứu. - Xây dựng đề cương nghiên cứu - Cờ vua như một mô hình nghiên cứu khoa học. - Các phương pháp nghiên cứu chuyên môn cờ vua. - Một số định hướng nghiên cứu khoa học trong Cờ Vua				3		9

Nội dung 6: Phương pháp giảng dạy, huấn luyện cờ vua (TH)						
- Xây dựng kế hoạch giảng dạy và huấn luyện Cờ vua - Soạn giáo án. - Tổ chức giảng dạy				9		27
Nội dung 7: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua (TH)						
- Tổ chức bốc thăm - Tổ chức thi đấu và làm trọng tài Cờ vua. - Xây dựng điều lệ giải thi đấu Cờ vua				3		9
Tổng	6			24		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp sử dụng lời nói; (Thuyết trình, giảng giải, phân tích, đánh giá);
- Phương pháp trực quan: (trực quan trực tiếp, trực quan gián tiếp, tham quan các giải thi đấu Cờ vua);
- Phương pháp tập luyện;
- Phương pháp bài tập;
- Phương pháp phân tích ván đấu;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy, tổ chức giải đấu, trọng tài Cờ vua);
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Vấn đáp	Rubric 1. Nội dung 1,2	CLO 1,2,3,4	30%
2	Thực hành	Rubric 2. Nội dung 4	CLO 2,3,8	
3	Thực hành	Rubric 3. Nội dung 6,7	CLO 4,5,6,7,9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Vấn đáp	Rubric 4 Nội dung 1,2,4,5	CLO 1,2,3,4,8,11	20%
III	Thi cuối kì			
1	Thực hành	Rubric 5 Nội dung 4	CLO 2,3,8	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), Đặng Văn Dũng, Đàm Quốc Chính, Bùi Ngọc, Trần Văn Trường, Nguyễn Ngọc Tuấn (2015), *Giáo trình Cờ vua*. nxb TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. UB TDTT (2013), *Luật Cờ vua*. Nxb TDTT

3. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), Trần Văn Trường, Bùi Ngọc, Hoàng Hải, Nguyễn hải Bằng (2008), *Hệ thống bài tập cờ vua* Nxb TDTT.

6.29a. Học phần Bơi ếch/ Frog swimming

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)

- Mã học phần: 193015

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền Kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật bơi ếch, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi ếch.

Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật bơi ếch; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu kỹ thuật bơi ếch; Có khả năng trọng tài môn bơi ếch.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi ếch và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao
- CO2: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu
- CO3: Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện kỹ thuật bơi ếch
- CO4: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản kỹ thuật bơi ếch
- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi ếch
- CO6: Phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ tập luyện và thi đấu kỹ thuật bơi ếch
- CO7: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi ếch, phương pháp giảng dạy
- CO8: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn.
- CO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết
- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bơi ếch
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn Bơi ếch vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao.
- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn Bơi ếch trong trường học ở các điều kiện khác nhau
- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện ở môn Bơi ếch
- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn Bơi ếch và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên

- CLO6: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm
- CLO7: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn Bơi ếch trong trường học ở các điều kiện khác nhau
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Sự hình thành, phát triển, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn bơi lội	3					9
Nội dung 2: Nguyên lý kỹ thuật	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn - Phương pháp tổ chức giảng dạy, trọng tài thi đấu	3					9
Nội dung 4: Kỹ thuật động tác bổ trợ				3		9
Nội dung 5: Kỹ thuật động tác chân trong bơi ếch				3		9
Nội dung 6: Kỹ thuật động tác tay trong bơi ếch				3		9
Nội dung 7: Kỹ thuật động tác thở trong bơi ếch Ôn kỹ thuật động tác quạt tay: tư thế ban đầu, ôm nước, quạt nước, thu tay, duỗi tay				3		9
Nội dung 8: Phối hợp động tác tay chân trong bơi ếch				3		9
Nội dung 9: Ôn tập và kiểm tra Phối hợp động tác tay thở				3		9

trong bơi ếch						
Nội dung 10: Phối hợp động tác tay chân thở trong bơi ếch				3		9
Nội dung 11: Hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch				3		9
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch				3		9
Nội dung 13: Ôn tập và kiểm tra cự ly bơi 50m				3		9
Nội dung 14: - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy môn bơi ếch - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật chân, tay, thở (Rubric 2)	CLO3,4	
3	Thực hành	Phối hợp kỹ thuật động tác tay chân, tay thở (Rubric 3)	CLO5,6	
4	Thực hành	Các kỹ thuật động tác riêng lẻ (Rubric 4)	CLO3,4,6	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra phối hợp kỹ thuật động tác bơi ếch (Rubric 5)	CLO5,6,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bơi cự ly 50m (Rubric 6)	CLO3,4,5,6,7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Ngô Xuân Viện (2015), *Giáo trình Bơi lội*, Nxb TĐTT

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 2 Nguyễn Văn Trạch (1999), *Bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội
- 3 Ủy ban TĐTT (2015), *Luật Bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội

6.29b. Học phần Bơi trườn sấp/ Crawling swimming

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 193010
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền Kinh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật bơi thể thao, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi thể thao

Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật bơi trườn sấp, xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu kỹ thuật bơi trườn sấp; Có khả năng trọng tài môn bơi trườn sấp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao
- CO2: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu
- CO3: Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện kỹ thuật bơi trườn sấp
- CO4: Thực hiện được kỹ thuật cơ bản kỹ thuật bơi trườn sấp
- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi trườn sấp
- CO6: Phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ tập luyện và thi đấu kỹ thuật bơi trườn sấp
- CO7: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi trườn sấp, phương pháp giảng dạy
- CO8: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn.
- CO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết
- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn bơi trườn sấp
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn bơi trườn sấp vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao.
- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn bơi trườn sấp trong trường học ở các điều kiện khác nhau
- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện ở môn bơi trườn sấp
- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn bơi trườn sấp và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên

- CLO6: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm
- CLO7: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn Bơi ếch trong trường học ở các điều kiện khác nhau
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Sự hình thành, phát triển, ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn bơi lội	3					9
Nội dung 2: Nguyên lý kỹ thuật	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn - Phương pháp tổ chức giảng dạy, trọng tài thi đấu	3					9
Nội dung 4: Kỹ thuật động tác bổ trợ				3		9
Nội dung 5: Kỹ thuật động tác chân trong bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 6: Kỹ thuật động tác tay trong bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 7: Kỹ thuật động tác thở trong bơi trườn sấp Ôn kỹ thuật động tác quạt tay: tư thế ban đầu, ôm nước, quạt nước, thu tay, duỗi tay				3		9
Nội dung 8: Phối hợp động tác tay chân trong bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 9: Ôn tập và kiểm tra Phối hợp động tác tay thở trong bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 10: Phối hợp động tác				3		9

tay chân thở trong bơi trườn sấp						
Nội dung 11: Hoàn thiện kỹ thuật bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật bơi trườn sấp				3		9
Nội dung 13: Ôn tập và kiểm tra cự ly bơi 50m				3		9
Nội dung 14: - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy môn bơi trườn sấp - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật chân, tay, thở (Rubric 2)	CLO3,4	
3	Thực hành	Phối hợp kỹ thuật động tác tay chân, tay thở (Rubric 3)	CLO5,6	
4	Thực hành	Các kỹ thuật động tác riêng lẻ (Rubric 4)	CLO3,4,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Thực hành	Kiểm tra phối hợp kỹ thuật động tác bơi trườn sấp (Rubric 5)	CLO5,6,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bơi cự ly 50m (Rubric 6)	CLO3,4,5,6,7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Ngô Xuân Viện (2015), *Giáo trình Bơi lội*, Nxb TĐTT

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 2 Nguyễn Văn Trạch (1999), *Bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội
- 3 Ủy ban TĐTT (2015), *Luật Bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội

6.30. Học phần cầu lông/ Badminton

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 192002
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Vị trí, tác dụng và lịch sử phát triển của môn cầu lông; phương pháp giảng dạy các kỹ thuật cơ bản môn cầu lông; luật thi đấu, phương pháp tổ chức trọng tài, kỹ thuật cơ bản môn cầu lông (Tư thế chuẩn bị, cách cầm cầu, cầm vợt, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu cao, kỹ thuật đánh cầu cao xa trong đánh đơn, kỹ thuật di chuyển, phương pháp soạn giáo án giảng dạy); Các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cầu lông.

Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn cầu lông; xây dựng kế hoạch và tổ chức lớp học; tổ chức một trận đấu cầu lông nội bộ. Biết tổ chức một giải cầu lông; làm trọng tài các trận đấu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Biết lịch sử phát triển, tính năng tác dụng của môn cầu lông. Nắm vững và vận dụng tốt luật cầu lông trong quá trình giảng dạy, tập luyện, huấn luyện, trọng tài.

- CO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức đã học vào giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài.

- CO3: Hiểu biết có hệ thống các kiến thức về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, cách đánh giá kết quả giảng dạy học phần cầu lông; nguyên tắc, phương pháp giảng dạy, nguyên lý kỹ thuật.

- CO4 Thực hành tốt các kỹ thuật cầu lông.

- CO5: Biết và hướng dẫn các bài tập trong quá trình tập luyện.

- CO6: Biết xây dựng điều lệ và tổ chức giải đấu. Làm tốt công tác trọng tài và tổ chức giải đấu

- CO7: Xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy môn và huấn luyện cầu lông.

- CO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CO9: Năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực trau dồi kiến thức, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công tác giảng dạy huấn luyện và cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn cầu lông

CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn cầu lông vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành

CLO3: Có kiến thức hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn cầu lông trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện các môn cầu lông.

CLO5: Thành thạo việc lập kế hoạch và huấn luyện thể thao. Kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài các giải cầu lông.

CLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn cầu lông và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

CLO7: Sinh viên có kỹ năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm

CLO8: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn cầu lông trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

CLO9: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

CLO10: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về môn cầu lông để giải quyết các tình huống cụ thể trong huấn luyện và hoạt động nghề nghiệp.

CLO11: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

CLO12: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

CLO13: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1, Vị trí, tác dụng và lịch sử phát triển của môn cầu lông	3					9
Nội dung 2. Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật cầu lông.	3					9
Nội dung 3: Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông.	3					9
Nội dung 4: Cách cầm vợt, cầm cầu và các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển				6		18
Nội dung 5: Kỹ thuật giao cầu thuận tay				6		18
Nội dung 6: Kỹ thuật giao cầu trái tay				6		18
Nội dung 7: Kỹ thuật đánh cầu cao bên phải				3		18
Nội dung 8: Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái				6		18
Nội dung 9: Kỹ thuật đánh cầu cao xa				6		18

Chiến thuật trong đánh đơn, tổ chức thi đấu.						
Nội dung 10: Soạn giáo án và thực hành tập giảng				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Kỹ thuật giao cầu trái tay,giao cầu thuận tay, đánh cầu cao tay bên phải (Rubric 1)	CLO 1,2	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật giao cầu trái tay (Rubric 2)	CLO 3,4	
3	Thực hành	Kỹ thuật giao cầu thuận tay (Rubric 3)	CLO 4,5	
4	Thực hành	Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (Rubric 4)	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn cầu lông; Các kỹ thuật môn cầu lông; Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật cầu lông; Luật thi đấu và tổ chức trọng tài môn cầu lông. (Rubric 5)	CLO 4,5,6,7	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Kỹ thuật giao cầu trái tay Kỹ thuật giao cầu thuận tay -Thẻ lực: Di chuyển theo chiều rộng của sân (Lần/phút) (Rubric 6)	CLO2,3, 4,5,6,7,8 ,9,10,11	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trường ĐH TDTT Bắc Ninh (2015), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Trần Văn Vinh, Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành (2007), *Giáo trình Cầu lông*, Nxb DHSP.

3. Trinh Văn Bắc, Đào Tiên Dân, Trần Văn Đồng, Lưu Vũ Lương (2018), *Huấn luyện kỹ chiến thuật cho VĐV cầu lông*, Nxb Thể thao & Du lịch.

6.31. Học phần. Bóng bàn, trò chơi vận động/ Table Tennis,

- Số tín chỉ: 04 (LT 12; TH 48)

- Mã học phần: 193025

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền Kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần.

Nội dung học phần: Học phần Bóng bàn, trò chơi vận động bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật vụt bóng nhanh thuận tay và trái tay, kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng, kỹ thuật giật bóng, kỹ thuật gò bóng, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng bàn. Nội dung trò chơi vận động giúp cho sinh viên hiểu sự hình thành và phát triển, ý nghĩa, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, phương pháp giảng dạy, cách soạn giáo án và tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn trò chơi vận động, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn. Chủ động lập kế hoạch cũng như triển khai hiệu quả trong công tác

hướng dẫn phong trào tập luyện môn trò chơi vận động một cách hiệu quả để nâng cao sức khỏe.

Năng lực đạt được: Người học lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng bàn, trò chơi vận động; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng bàn; tổ chức thi đấu giải bóng bàn; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng bàn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu biết các kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng bàn, trò chơi vận động: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, vụt bóng nhanh thuận tay và trái tay, giạt bóng, bạt bóng và luật thi đấu bóng bàn, các trò chơi vận động

- CO2: Sinh viên hiểu được ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng bàn. Nguồn gốc Trò chơi vận động và vận dụng vào giảng dạy, Cơ sở lý thuyết TCVD, Thực hành các loại TCVD, Đánh giá TCVD, Các phương pháp tổ chức TCVD.

- CO3: Sinh viên hiểu và thực hành được các tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng bàn, Kỹ thuật bàn bóng, Kỹ thuật giao bóng và có được những kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá TCVD, Kiểm tra tổ chức thi đấu TCVD.

- CO4: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các kỹ thuật các kỹ thuật di chuyển, vụt bóng nhanh thuận tay và trái tay, giạt bóng, bạt bóng và luật thi đấu bóng bàn. Vận dụng tổ chức về công TCVD trình tự các nội dung, có kỹ năng vận dụng kiến thức về TCVD trong công tác.

- CO5: Sinh viên rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn bóng bàn và có được những kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá TCVD, kiểm tra tổ chức thi đấu TCVD.

- CO6: Sinh viên vận dụng thành thạo được phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn môn bóng bàn và tổ chức đánh giá các tố chất thể lực thông qua các TCVD, kỹ thuật động tác đảm bảo an toàn trong giảng dạy và huấn luyện.

- CO7: Sinh viên có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản trong giảng dạy và tập luyện chuyên môn. Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện thể lực.

- CO8: Sinh viên có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó.

- CO9: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn bóng bàn, TCVD vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong học tập, rèn luyện giáo dục thể chất và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn học.

CLO2: Sinh viên vận dụng thành thạo các kiến thức về môn học vào quá trình học thực hành.

CLO3: Sinh viên có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn thể thao trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

CLO4: Sinh viên thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giảng dạy môn học, lập kế hoạch và huấn luyện thể thao, kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài môn bóng bàn, TCVD.

CLO5: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

CLO6: Biết cách xây dựng kế hoạch và tổ chức hướng dẫn giảng dạy tập luyện làm tiền đề chuẩn bị cho các hoạt động TDDT tăng cường tố chất vận động hỗ trợ cho các môn thể thao khác. Cũng như huấn luyện các môn thể thao dân gian được đưa vào chương trình thi đấu TDDT và phong trào .

CLO7. Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

CLO8. Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về TDDT để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.

CLO9. Đáp ứng công việc tự chủ, phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

CLO10. Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)					Tự học
	LT	TL	BT	TH	Khác	
Nội dung 1: Lịch sử và quá trình phát triển môn Bóng bàn. Nguyên lý kỹ thuật môn Bóng bàn	3					9
Nội dung 2:- Phương pháp giảng dạy kỹ thuật môn Bóng bàn. - Luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng bàn.	3					9
Nội dung 3:- Nguồn gốc và sự phát triển của trò chơi vận động.	3					9

- Một số đặc điểm của trò chơi vận động.						
Nội dung 4:- Phân loại trò chơi vận động. - Ý nghĩa của trò chơi vận động. - Phương pháp tổ chức và giảng dạy trò chơi vận động	3					9
Nội dung 5:- Trò chơi rèn luyện cơ quan hô hấp, phản xạ, sự tập trung chú ý và khả năng định hướng. -Trò chơi Chim bay, Cò bay. Bịt mắt bắt dê...				3		9
Nội dung 6:- Trò chơi thay đổi vị trí. - Chạy tiếp sức và một số trò chơi giáo dục sức mạnh. - Trò chơi Không để bóng chạm đất; Kéo co. Nhảy nâng cao thăng bằng và co kéo trong giáo dục tổ chức vận động.				3		9
Nội dung 7:- Giới thiệu trò chơi Trốn tìm; xếp hàng thứ tự.. - Trò chơi người thừa thứ ba - Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném đẩy.. Trò chơi Ném trúng đích; Ném còn..				3		9
Nội dung 8:- Trò chơi rèn luyện kỹ năng bật, nhảy và phát triển sức mạnh . /+*- Trò chơi Giành cờ; Bảo vệ cờ.				3		9
Nội dung 9: Ôn các trò chơi đã học về giáo dục các tổ chức sức nhanh, mạnh, khéo léo thăng bằng, khiêng vác, leo trèo...						
Nội dung 10: Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ Trò chơi người thừa thứ 3						
Nội dung 11: Trò chơi nhảy dây tập thể; Nhảy dây tiếp sức và một số trò chơi phát triển sức nhanh, mạnh.				3		9
Nội dung 12:- Trò chơi công an bắt gián điệp. - Thực hành tổ chức thi đấu về giáo dục các tổ chức sức nhanh, mạnh, khéo léo thăng bằng, khiêng vác, leo trèo.. - Tổ chức làm trọng tài. Thi đấu.				3		9

Nội dung 13: - Kỹ thuật di chuyển, - Kỹ thuật cầm vợt, làm quen với cảm giác bóng. - Kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay và cách đỡ giao bóng xoáy lên.				3		9
Nội dung 14: - Kỹ thuật vụt bóng nhanh thuận tay. - Kỹ thuật vụt bóng nhanh trái tay.				3		9
Nội dung 15: Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ - Kỹ thuật vụt bóng nhanh thuận tay - Kỹ thuật vụt bóng nhanh trái tay				3		9
Nội dung 16: - Kỹ thuật gò bóng. - Kỹ thuật giạt bóng, bật bóng.				3		9
Nội dung 17: Ôn tập: - Ôn KT vụt nhanh thuận tay và vụt nhanh trái tay, gò bóng. - Kỹ-chiến thuật trong thi đấu đơn và đôi.				3		9
Nội dung 18: Ôn tập: `Ôn KT vụt nhanh thuận tay và vụt nhanh trái tay, gò bóng.				3		9
Nội dung 19: Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.				3		9
Nội dung 20: Ôn tập và kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				3		9
Tổng	12			48		180

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp tập thể (phương pháp đồng loạt)
- Phương pháp phân nhóm (phương pháp chia tổ luyện tập: luyện tập cố định và luyện tập luân phiên)
- Phương pháp tập luyện vòng tròn
- Phương pháp luyện tập cặp đôi (luyện tập nhóm 2 người)
- Phương pháp luyện tập cá nhân (tổ chức cá biệt)
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1-10	30%

2	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 2)	CLO.1-10	
3	Thực hành	Trò chơi kéo co (Rubric 3)	CLO.1,2,5,6.	
4	Thực hành	Kỹ thuật vụt nhanh thuận trái tay (Rubric 4)	CLO.1,2,6,7,8,9	
5	Thực hành	Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay (Rubric 5)	CLO.1,2,6,7,8,9	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Thực hành	Trò chơi người thừa thứ 3 (Rubric 6)	CLO.3,4,6,8,9	20%
III	Thi cuối kì			
1	Thực hành	Kỹ thuật vụt nhanh thuận tay, trái tay (Rubric 7)	CLO.1,2,5,6,7,8,9	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Vũ Thành Sơn (Chủ biên), Nguyễn Danh Hoàng Việt (2007), *Giáo trình Bóng bàn*, Nxb Đại học Sư phạm.
2. Phạm Xuân Thành (Chủ biên), Tham gia biên soạn: Nguyễn Hữu Thái, Đỗ Anh Tuấn, (2014), *Giáo trình Trò chơi vận động*, Nxb TDDT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

3. Nguyễn Danh Hoàng Việt (Chủ biên), Vũ Thành Sơn, Trần Thị Hồng Việt (2009), *Những kiến thức cơ bản về bóng bàn*, Nxb TDDT.
4. Tổng cục TDDT (2011), *Luật thi đấu Bóng bàn*, Nxb TDDT.

6.32. Học phần Bóng chuyên/ Volleyball

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 191036

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay và cao tay trước mặt, kỹ thuật phát thấp tay và bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng chuyền.

Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyền; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng chuyền; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyền.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Khái quát được các kiến thức cơ bản và cần thiết của môn bóng chuyền.
- CO2: Phân tích một số kiến thức chuyên môn sâu như: Kỹ năng, kỹ xảo, chiến thuật, luật thi đấu, các tổ chất vận động trong môn bóng chuyền.
- CO3: Áp dụng các kiến thức chuyên sâu đó trong thực hành kỹ thuật bóng chuyền, dạy học và công tác sau này.
- CO4: Áp dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện được kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền
- CO5: Biết phương pháp rèn luyện thể lực trong quá trình tập luyện
- CO6: Biết phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn bóng chuyền.
- CO7: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với bóng.
- CO8: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật môn học: Tur thế chuẩn bị và di chuyển, chuyền 1, chuyền 2, Phát bóng, đập bóng
- CO9: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền.
- CO10: Có năng lực thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng chuyền.
- CO11: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học lý thuyết cũng như thực hành.

- CO12: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập nhất là trong các giờ học có các kỹ thuật khó như: Đập bóng, chuyền bóng cao tay

- CO13: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền để làm đề tài nghiên cứu khoa học

- CO14: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này. Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyền; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng chuyền; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyền.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn bóng chuyền.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn bóng chuyền vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành

- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện các môn bóng chuyền.

- CLO5: Thành thạo việc lập kế hoạch và huấn luyện thể thao. Kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài các giải bóng chuyền.

- CLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn bóng chuyền và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO7: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm

- CLO8: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO9: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO10: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về môn bóng chuyền để giải quyết các tình huống cụ thể trong huấn luyện và hoạt động nghề nghiệp.

- CLO11: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

- CLO12: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

- CLO13: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền	1					3
Nội dung 2. Các kỹ thuật môn Bóng chuyền	2					6
Nội dung 3. Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật bóng chuyền.	3					9
Nội dung 4. Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền.	3					9
Nội dung 5. Tư thế chuẩn bị và di chuyển				2		6
Nội dung 6. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng)				4		12
Nội dung 7. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay				5		15
Nội dung 8. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt.				3		9
Nội dung 9. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt				3		9
Nội dung 10. Kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4				6		18
Nội dung 11. Giới thiệu kỹ thuật đập bóng trung bình ở vị trí số 3, đập bóng nhanh				3		9
Nội dung 12. Kỹ thuật chắn bóng cá nhân, tập thể				4		12
Nội dung 13. Chiến thuật bóng chuyền, tổ chức thi đấu.				3		9
Nội dung 14. Soạn giáo án và thực hành tập giảng				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá..

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi: Luật, sân bãi, kỹ thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.... (rubric 1)	CLO1,2,3,4,5,6	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật chuyển bóng cao tay trước mặt; Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay trước mặt (rubric 2)	CLO7,8,9,10	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt (rubric 3)	CLO7,8,9,10	
4	Thực hành	Kỹ thuật đập bóng trung bình. (rubric 4)	CLO7,8,9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Lý thuyết	Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật môn Bóng chuyền; Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu và tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền (rubric 5)	CLO1,2,3,4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Đập bóng chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. - Thẻ lực: Bật cao với (cm) và chạy dễ quạt (giây) (rubric 6)	CLO 7,8,9,10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :

- 1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nxb ĐHSPT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- 2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, Nxb, TDTT.

- 3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.33. Học phần Bóng đá, đá cầu/ Football, Shuttlecock

- Số tín chỉ: 04 (LT 12; TH 48)

- Mã học phần: 193026

- Bộ môn quản lý học phần Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

Những bài tập cơ bản, phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá. Ứng dụng vào công tác tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện và các phương pháp huấn luyện.

Lịch sử hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn đá cầu, nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn đá cầu (tư thế chuẩn bị, kỹ thuật tâng cầu, kỹ thuật đỡ cầu, kỹ thuật chuyền cầu, kỹ thuật đỡ và chuyền cầu, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật phối hợp chuyền và đỡ cầu, phương pháp giảng dạy kỹ thuật,

phương pháp giảng dạy và sửa sai kỹ thuật, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn đá cầu.

- Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy chung, kế hoạch bài dạy chi tiết, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học bóng đá, đá cầu; Xây dựng được kế hoạch và có phương pháp tổ chức tập luyện, huấn luyện đội tuyển môn bóng đá, đá cầu; Tổ chức một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu môn bóng đá, đá cầu; Áp dụng các điều khoản của luật vào thực tiễn công tác tổ chức, trọng tài. Ứng dụng được để theo dõi, đánh giá và giám sát trận đấu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được hệ thống các kiến thức cơ bản môn Bóng đá, đá cầu.
- CO2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức đã học vào giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá và đá cầu.
- CO3: Hiểu và thực hành Luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá, đá cầu.
- CO4 Thực hành tốt các kỹ thuật. Biết và hướng dẫn các bài tập trong quá trình tập luyện.
- CO5: Có kỹ năng thực hành tốt làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật.
- CO6: Biết xây dựng điều lệ và tổ chức giải đấu. Làm tốt công tác trọng tài và tổ chức giải đấu
- CO7: Xây dựng kế hoạch giảng dạy chung, kế hoạch bài dạy chi tiết, tổ chức thực hiện giảng dạy và huấn luyện Bóng đá, đá cầu.
- CO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CO9: Năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực trau dồi kiến thức, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công tác giảng dạy huấn luyện và cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu và vận dụng thành thạo Luật Bóng đá (Sân 11 người, sân 5 người), luật đá cầu.
- CLO2: Biết phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu, trọng tài giải bóng đá, đá cầu phong trào.
- CLO3: Vận dụng linh hoạt các kiến thức lý luận về môn Bóng đá, Đá cầu.vào quá trình học tập và huấn luyện. Thực hiện được kỹ năng thực hành môn học môn Bóng đá, Đá cầu, Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy,

huấn luyện trong trường học ở các điều kiện khác nhau. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO4: Xây dựng kế hoạch giảng dạy chung, kế hoạch bài dạy chi tiết, tổ chức thực hiện giảng dạy và huấn luyện Bóng đá, đá cầu.

- CLO5: Có kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen. Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn

- CLO6: Phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh tập luyện chuẩn bị cho giai đoạn thi đấu

- CLO7: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành động tác, bài tập, chiến thuật trong thi đấu

- CLO8: Sinh viên biết phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn Đá cầu.và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO9: Lập kế hoạch, chiến lược phát triển bóng đá, đá cầu cho đội, đơn vị và tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	BT			
Nội dung 1: Giới thiệu môn Bóng đá. Nguồn gốc và lịch sử phát triển của bóng đá. Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Bóng đá Đặc điểm và tác dụng của môn Bóng Đá Kỹ thuật cơ bản và chiến thuật BĐ Luật bóng đá 5, 7, 11 người, Cách thức làm trọng tài BĐ Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng đá. Xây dựng điều lệ giải đấu	6					18
Nội dung 2: Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn đá cầu - Nguyên lý kỹ thuật . - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật - Phương pháp giảng dạy sửa sai kỹ thuật - Luật thi đấu môn Đá cầu.	6					18

- Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu.						
Nội dung 3: Một số kỹ thuật dừng và đỡ Bóng, kỹ thuật tâng bóng 12 điểm chạm Bài tập khởi động Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân				4		12
Nội dung 4: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân Kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân				5		15
Nội dung 5: Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện				3		9
Nội dung 6: Kỹ thuật ném biên, đánh đầu				3		9
Nội dung 7: Các bài tập chiến thuật: tấn công Biên, tấn công trung lộ. Các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực				8		24
Nội dung 8: . Động tác bổ trợ kỹ thuật: - Di chuyển bằng má ngoài bàn chân. - Di chuyển bằng mũi bàn chân. - Di chuyển đá mu phía trước. - Di chuyển đá má trong. - Di chuyển đá má ngoài. - Di chuyển đá gót. - Di chuyển nâng cao đùi. - Di chuyển mở hông. - Di chuyển biến hướng. - Di chuyển 2 bước bật nhảy đánh đầu. - Chạy tốc độ 30m. - Kỹ thuật tâng cầu: (Tâng mu, lòng, má trong, má ngoài, tại chỗ và di chuyển)				6		18
Nội dung 9: Kỹ thuật đỡ cầu: Đỡ cầu bằng mu, đùi, má trong, má ngoài, ngực. - Kỹ thuật chuyền cầu: Chuyền cầu bằng mu bàn chân, má trong, đùi.				6		18
Nội dung 10: Kỹ thuật đỡ và chuyền cầu: Đỡ cầu bằng chân không thuận và chuyền cầu bằng chân thuận và ngược lại, Đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng chân thuận. - Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật tâng cầu.				6		18

Nội dung 11: Kỹ thuật đánh đầu: (Đánh đầu chính diện, bên phải và bên trái.) - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy môn Đá cầu - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu				5		15
Nội dung 12: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và thể lực chuyên môn				2		6
Tổng	12			48		180

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Kỹ thuật dừng và đỡ bóng, tăng bóng 8 điểm chạm (Mu chính diện, lòng, mu ngoài, gối) Rubric 1	CLO 1,2,3	30%
2	Thực hành	Đá bóng xa trong hành lang 15m Rubric 2	CLO 2,3,4	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m Rubric 3	CLO 5,6,7	
4	Thực hành	Các Kỹ thuật phát cầu Rubric 4	CLO 2,3	
5	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu Rubric 5	CLO2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm chạm (Rubric 4)	CLO2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			

	Thực hành	1.Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m 2.Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn 2 x 3m Rubric 6	CLO 2,3,4,5,6,7	50%
--	-----------	---	--------------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. TS. Phạm Quang, (2011) *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội
2. Đặng Ngọc Quang (2003) *Giáo trình Đá cầu*, Nxb DHSP

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

3. Ủy ban TDTT, (2007) *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.
4. Ủy ban thể dục thể thao (2003), *Luật Đá cầu*, NXB TDTT

6.34 Học phần. Quần vợt/ Tennis

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 193002
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả tóm tắt học phần.

Nội dung học phần: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn quần vợt: Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh bóng thuận tay xoáy lên (đeo phải), kỹ thuật đánh bóng trái bằng 2 tay xoáy lên (đeo trái 2 tay), kỹ thuật đánh bóng thấp tay bên phải và bên trái (cắt bóng thấp), kỹ thuật giao bóng, kỹ thuật đập bóng (Smat), kỹ thuật vô lê trên lưới (đánh lưới), kỹ thuật lóp bóng (đánh bóng cao sâu), đấu tập (đơn và đôi), phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn Quần vợt.

Năng lực đạt được: Người học lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn Quần vợt; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển Quần vợt; tổ chức một trận đấu, một giải Quần vợt; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu Quần vợt.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu biết các kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Quần vợt: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật đánh bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật đánh bóng trái bằng 2 tay xoáy lên, kỹ thuật đánh bóng thấp tay bên phải và bên trái, kỹ thuật giao bóng, kỹ thuật đập bóng, kỹ thuật vô lê trên lưới, kỹ thuật lợp bóng và luật thi đấu quần vợt.

- CO2: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn quần vợt, Các kỹ thuật quần vợt.

- CO3: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong quần vợt, Kỹ thuật cơ bản trong quần vợt.

- CO4: Giới thiệu kỹ thuật nâng cao trong quần vợt.

- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các kỹ thuật và luật thi đấu quần vợt.

- CO6: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác bổ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn quần vợt.

- CO7: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản trong giảng dạy và tập luyện chuyên môn. Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện thể lực.

- CO8: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó.

- CO9: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn quần vợt cuộc sống hàng ngày.

- CO10: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong học tập, rèn luyện giáo dục thể chất và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn học quần vợt.

CLO2. Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn học quần vợt vào quá trình học thực hành.

CLO3. Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn thể thao trong trường phổ thông.

CLO4. Thành thạo việc xây dựng kế hoạch giảng dạy chung và kế hoạch bài giảng môn quần vợt, xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển quần vợt, kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài môn quần vợt.

CLO5. Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

CLO6. Có kỹ năng vận dụng kiến thức về Quần vợt để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.

CLO7. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

CLO8. Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

CLO9. Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Lịch sử phát triển môn quần vợt và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện quần vợt.	3					9
Nội dung 2: - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn QV. - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật. - Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn quần vợt.	3					9
Nội dung 3: Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn quần vợt.	3					9
Nội dung 4: - Bài tập bổ trợ kỹ thuật. - Tư thế chuẩn bị - Cách cầm vợt, các bước di chuyển trong Quần vợt - Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải.				3		9
Nội dung 5: - Ôn các kỹ thuật đã học. - Học kỹ thuật đánh bóng bằng 2 tay xoáy lên bên trái.				3		9
Nội dung 6: - Ôn kỹ thuật đánh bóng trái tay xoáy lên - Học kỹ thuật giao bóng.				3		9

Nội dung 7: - Ôn kỹ thuật đánh bóng thuận tay và trái hai tay - Học kỹ thuật vô lê.				3		9
Nội dung 8: Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ				3		9
Nội dung 9: Ôn tập: - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay và trái hai tay. - Kỹ thuật vô lê. - Thi đấu. - Thẻ lực				3		9
Nội dung 10: Học kỹ thuật đập bóng (smat)				3		9
Nội dung 11: Ôn tập: - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay và trái hai tay. - Kỹ thuật đập bóng (smat) - Thi đấu.				3		9
Nội dung 12: - Kỹ - chiến thuật trong thi đấu đôi. - Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài quần vợt.				3		9
Nội dung 13: Ôn tập: - Kỹ - chiến thuật trong thi đấu đơn và đôi. - Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài quần vợt.				3		9
Nội dung 14: Ôn tập: - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay và trái hai tay. - Kỹ thuật giao bóng.				3		9
Nội dung 15: Ôn tập và kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp tập thể (phương pháp đồng loạt)
- Phương pháp phân nhóm (phương pháp chia tổ luyện tập: luyện tập cố định và luyện tập luân phiên)
- Phương pháp tập luyện vòng tròn
- Phương pháp luyện tập cặp đôi (luyện tập nhóm 2 người)

- Phương pháp luyện tập cá nhân (tổ chức cá biệt)
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi, thực hiện bài tập (Rubric 1)	CLO.1-9.	30%
2	Vấn đáp	Câu hỏi (Rubric 2)	CLO.1-9.	
3	Thực hành	Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (Rubric 3)	CLO.1,2,5,7,8	
4	Thực hành	Kỹ thuật đánh bóng bằng 2 tay xoáy lên bên trái (Rubric 4)	CLO.1,2,5,7,8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật giao bóng (Rubric 5)	CLO.1,2,5,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải. - Kỹ thuật đánh bóng bằng 2 tay xoáy lên bên trái. - Kỹ thuật giao bóng (Rubric 6)	CLO.1,2,5,7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm kiểm tra thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập,

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành, Lê Thanh Sang (2002), *Giáo trình quần vợt*, Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Ngô Hải Hưng (2011), *Quần vợt kỹ thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT.

2. Tổng cục TDTT (2009), *Luật thi đấu quần vợt*, NXB TDTT.

6.35a. Học phần Võ Vovinam/ VOVINAM

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)

- Mã học phần: 192026

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Lịch sử hình thành và phát triển môn phái Vovinam- Việt Võ Đạo; Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật, phương pháp giảng dạy; Các kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo, Tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo và các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu; Luật thi đấu;

Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển học sinh các cấp tham gia thi đấu các giải do địa phương và cấp trên tổ chức; Biết soạn giáo án và tổ chức giảng dạy môn Vovinam – Việt Võ Đạo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam và vận dụng được những kiến thức đã học phục vụ cho hoạt động khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao.

- CO2: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu.

- CO3: Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo. Luật thi đấu.

- CO4: Thực hiện được cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo; Thực hiện được kỹ thuật cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo; Rèn luyện thể lực cho người học

- CO5: Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, các phương pháp thi đấu và bài long hổ quyền .

- CO6: Phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

- CO7: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn.

- CO8: Có năng lực huấn luyện thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Võ Vovinam.

- CO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CO10: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn Vovinam để làm đề tài nghiên cứu khoa học; Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn võ Vovinam.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn võ Vovinam vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành

- CLO3: Có khả năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn võ Vovinam trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện ở môn võ Vovinam.

- CLO5: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn võ Vovinam và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO6: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm

- CLO7: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn võ Vovinam trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Chấn thương thể dục thể thao - Phân loại chấn thương thể dục thể thao - Nguyên nhân chấn thương TDDT và nguyên tắc chung đề phòng chấn thương ở một số môn thể thao, đặc biệt đối với môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN - VVD)	3					9
Nội dung 2: - Lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN - VVD) - Nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) - Phương pháp tập luyện môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD). - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Vovinam – Việt võ đạo.	3					9
Nội dung 4: Phần căn bản - Trung bình tấn - Đỉnh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn				3		9
Nội dung 5: Đòn tay, đòn chân 1. Đòn tay. - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm móc 2. Đòn chân.				3		9

- Đá thẳng - Đá vòng cầu (Đá tạt) - Đá cạnh chân						
Nội dung 6: Chiến lược - Đòn chiến lược tấn công cơ bản từ 1- 5 - Đòn chiến lược tấn công từ 6 – 10 - Đòn chiến lược tấn công từ 11 - 15 - Đòn chiến lược tấn công từ 16 - 20				3		9
Nội dung 7: Quyền pháp - Nhập môn quyền				3		9
Nội dung 8: Hoàn thiện bài nhập môn quyền				3	(KT GK)	9
Nội dung 9: Ôn tập và kiểm tra bài nhập môn quyền				3		9
Nội dung 10: Long hổ quyền (từ động tác 1-20)				3		9
Nội dung 11: Long hổ quyền (từ động tác 21-45)				3		9
Nội dung 12: Hoàn thiện bài Long hổ quyền (từ động tác 1-45)				3		9
Nội dung 13: Ôn tập và kiểm tra bài Long hổ quyền				3		9
Nội dung 14: - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy môn Vovinam - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và các đòn chiến lược				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.

- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 2)	CLO3,4	
3	Thực hành	Cước pháp (các đòn đá, đòn đâm căn bản) Rubric 3	CLO5,6	
4	Thực hành	Các đòn chiến lược tấn công (Rubric 4)	CLO3,4,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác trong bài nhập môn quyền (Rubric5)	CLO5,6,7,8	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 6)	CLO3,4,5,6,7,8	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, tập luyện các bài tập theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, Nxb TDTT, HN

[4]. Tổng cục TDTT (2018) “*Luật thi đấu Vovinam - Việt Võ đạo*”, Nxb HĐ.

6.35b. Học phần Võ Taekwondo/ Taekwondo

- Số tín chỉ: 03 (LT9; TH 36)

- Mã học phần: 192006

- Bộ môn quản lý học phần; Bóng – Điền kinh

- Học phần tiên quyết:

2. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Lịch sử hình thành và phát triển môn võ Taekwondo; kỹ thuật, phương pháp giảng dạy; Kỹ thuật cơ bản về nhập môn Taekwondo, ý nghĩa tác dụng tập luyện Taekwondo thi đấu; Luật thi đấu.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên có năng lực, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển học sinh các cấp, tham gia thi đấu các giải do địa phương và cấp trên tổ chức tổ và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, Biết soạn giáo án và tổ chức giảng dạy thực hành môn Taekwondo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu kiến thức về môn Taekwondo, vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành.

- CO2: Sinh viên hiểu được về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu môn Taekwondo.

- CO3 Sinh viên có các kiến thức về phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Taekwondo, phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Taekwondo.

- CO4: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài quyền biết vận dụng kiến thức cơ bản môn Taekwondo để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với môn Taekwondo ở các cấp học phổ thông.

- CO5: Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật động tác đơn lẻ kiến thức cơ bản môn Taekwondo để xây dựng chương trình.

- CO6: Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật kỹ thuật động tác môn Biết soạn giáo án và tổ chức giảng dạy thực hành môn Taekwondo.

- CO7: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của bài quyền, biết soạn giáo án và tổ chức giảng dạy thực hành môn Taekwondo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn võ Taekwondo

CLO2. Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn võ Taekwondo vào quá trình học tập, giảng dạy và huấn luyện các môn thể thao

CLO3. Hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn võ Taekwondo trong trường học ở các trung tâm TDTT.

CLO4. Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án giảng dạy môn võ Taekwondo.

CLO5. Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn võ Taekwondo.

CLO6. Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc theo nhóm

CLO7. Hoàn thành công việc phức tạp và đưa vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn võ Taekwondo trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Giới thiệu và lịch sử phát triển. Quá trình giảng dạy và huấn luyện môn Taekwondo. - Lịch sử phát triển của môn Taekwondo. - Quá trình giảng dạy và huấn luyện môn Taekwondo. - Khái niệm, mục tiêu và mục đích của quá trình giảng dạy và huấn luyện	3					9
Nội dung 2: Kỹ thuật Tấn. Khái niệm. Đặc điểm và vận dụng Nguyên lý kỹ thuật tấn Phân tích kỹ thuật tấn Một số sai lầm thường mắc và cách sửa chữa khi học kỹ thuật tấn Phương pháp huấn luyện kỹ thuật tấn	3					9

Nội dung 3: Luật thi đấu Taekwondo	3					9
Nội dung 4: Phần căn bản Kỹ thuật phòng thủ (đỡ) - Xây dựng khái niệm kỹ thuật phòng thủ (đỡ) - Kỹ thuật đỡ hạ đẳng				3		9
Nội dung 5: Kỹ thuật phòng thủ (đỡ) - Ôn luyện Kỹ thuật đỡ hạ đẳng Thực hành tam thể đối luyện.				3		9
Nội dung Kỹ thuật tấn - Xây dựng khái niệm kỹ thuật và tìm hiểu đặc điểm kỹ thuật tấn - Tấn song song - Tấn ngang (trung bình) - Phát triển thể lực (khéo léo-mềm dẻo, sức nhanh, sức mạnh)				3		9
Nội dung 7: Kiểm tra: Thực hành tam thể đối luyện. kỹ thuật tấn công (đá) - Ôn tập và hoàn thiện kỹ thuật đá tổng trước, đá vòng cầu.				3		9
Nội dung 8: Kỹ thuật đối luyện - Xây dựng khái niệm kỹ thuật đối luyện - Đòn đối luyện số 1,2 ,3 - Phát triển thể lực (khéo léo-mềm dẻo, sức nhanh, sức mạnh)				3		9
Nội dung 9: Ôn tập và kiểm tra - Đòn đối luyện số 1,2 ,3				3		9
Nội dung 10: :Kỹ thuật quyền - Xây dựng khái niệm và phương pháp tập luyện các bài quyền - Bài quyền số 1 - Phát triển thể lực (khéo léo-mềm dẻo, sức mạnh, sức bền)				3		9
Nội dung 11: - Bài quyền số 1 - Phát triển thể lực chuyên môn				3		9
Nội dung 12: - Kỹ thuật quyền - Bài quyền số 2				3		9
Nội dung 13: Ôn tập và kiểm tra số 1.2				3		9

Nội dung 14: - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy môn Taekwondo. - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và 3 đòn đối kháng.				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi Luật Taekwondo (Rubric 1)	CLO 1.-7	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật cơ bản về tấn (Rubric 2)	CLO 2,3.4.5.6.7	
3	Thực hành	Các kỹ thuật cơ bản về đòn tay. (Rubric 3)	CLO. 2,3.4.5.6.7	
4	Thực hành	Các kỹ thuật cơ bản về đòn chân. (Rubric 4)	CLO.2,3.4.5.6.7	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Thực hiện các kỹ thuật cơ bản, đòn tay, đòn chân. Thực hành tam thế đối luyện (Rubric 5)	CLO 2,3.4.5.6.7	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài quyền số 1.2 (Rubric 6)	CLO.2,3.4.5.6.7	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐCCTHP để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Mai Tú Nam (2013), *Giáo trình Taekwondo*, Nxb TDTTHN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Văn Chung (1999), *Giáo trình Taekwondo*, Nxb TDTT.

3. Nguyễn Hùng Sơn (1992), *Kỹ thuật Taekwondo*. Nxb TDTT.

6.36a. Học phần Bóng rổ/ Basketsball

- Số tín chỉ: 03 (LT9; TH 36)

- Mã học phần: 292049

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp và đáp ứng yêu cầu của sinh viên về kiến thức lý thuyết môn học :Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ, Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng rổ phong trào; thực hành cơ bản các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản; Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu phong trào.

- Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức cơ bản và ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào thực tiễn dạy học trong trường học và cơ sở trung tâm thể dục thể thao. Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản môn Bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản của lý thuyết bộ môn và kỹ năng thực hành nội dung kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ.
- CO2: Sinh viên hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ, Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng rổ phong trào;
- CO3: Sinh viên thực hành tốt các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản;
- CO4: Sinh viên nắm được quá trình làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn thực hiện đúng các kỹ thuật môn bóng rổ,
- CO5: Sinh viên Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật bóng rổ
- CO6: Sinh viên nắm được phương pháp tổ chức tập luyện cơ bản, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.
- CO7: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học lý thuyết cũng như thực hành.
- CO8: Sinh viên có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật khó.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được các kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ về lý thuyết, sự hình thành và phát triển, tác dụng môn học, nguyên lý kỹ thuật- chiến thuật, kiến thức về phương pháp giảng dạy, những sai lầm thường mắc trong tập luyện Bóng rổ.
- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn Bóng rổ.vào quá trình học tập. Thực hiện được cơ bản kỹ năng thực hành môn học môn Bóng rổ. đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy ở các điều kiện khác nhau.
- CLO3: Thành thạo các phương pháp giảng dạy cơ bản môn Bóng rổ và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài phong trào môn Bóng rổ.
- CLO4: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác bổ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn Bóng rổ.Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản trong giảng dạy chuyên môn.
- CLO5: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật cơ bản môn Bóng rổ

- CLO6: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng rổ. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- CLO7: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO8: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết. Có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Bóng rổ.

- CLO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy, tập luyện và huấn luyện các môn TDTT. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Vị trí, tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ trên thế giới Nguyên lý kỹ chiến thuật cơ bản môn bóng rổ	3					9
Nội dung 2: + Phương pháp giảng dạy kỹ thuật + Những sai lầm thường mắc	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn Bóng rổ - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng rổ	3					9
Nội dung 4: - Kỹ thuật di chuyển không bóng: - Kỹ thuật di chuyển ngang phải, trái ,trước sau. - Kỹ thuật chạy nghiêng - Kỹ thuật chạy lùi, biến tốc				3		9

- Kỹ thuật di chuyển biến hướng (Động tác giả trong di chuyển không bóng và có bóng) Kiểm tra bài số 1						
Nội dung 5: Kỹ thuật dẫn bóng: -Kỹ thuật dẫn bóng tại chỗ: chính diện, phải, trái, trước sau, qua chân, vòng sau. -Kỹ thuật dẫn bóng đường thẳng một tay, luân phiên hai tay -Kỹ thuật dẫn bóng biến hướng -Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc.				3		9
Nội dung 6: Kỹ thuật chuyền-bắt bóng + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền bóng bằng 2 tay trên đầu + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay				3		9
Nội dung 7: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực. + Kiểm tra bài số 2				3		9
Nội dung 8: - KT di chuyển hai bước ném rổ + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp Kiểm tra giữa kỳ				3		9
Nội dung 9: Phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực thực hiện hai bước lên rổ bằng một tay trên cao bên thuận				3		9
Nội dung 10: Chiến thuật tấn công nhanh				3		9
Nội dung 11: Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2,				3		9

2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân						
Nội dung 12: Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn: - Bật hố cát - Chạy 12 phút. - Đấu 2 đánh hai.3-3,5-5.				3		9
Nội dung 13: - Ôn tập và kiểm tra - Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh + Thi đấu thực hành trọng tài				3		9
Nội dung 14: - Ôn tập và kiểm tra - Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh- Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu – Thực hành trọng tài				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và thể lực chuyên môn				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số 04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1-10	30%

2	Thực hành	(Rubric 2) Kỹ thuật dẫn bóng đường thẳng một tay và luân phiên hai tay.	CLO.2.3.4.6.	
3	Thực hành	(Rubric 3) Kỹ thuật dẫn bóng đường thẳng một tay và luân phiên hai tay.	CLO.2.3.4.6.8	
4	Thực hành	Kỹ thuật cơ bản: Phối hợp Bắt bóng và chuyền bóng (Rubric 4)	CLO.3.4.6.8	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành	(Rubric 5) Kiểm tra kỹ thuật di chuyển dẫn bóng hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao	CLO.1.2.3.4.6.8.	20%
III Thi cuối kì				
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng 20m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng 1 tay trên cao bên thuận và bên nghịch. (Rubric 6)	CLO.1.2.3.4.6.8.10.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

- 1). Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007) *Giáo trình Bóng rổ*, Nxb DHSP.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2). Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, Nxb TDTT.

3). Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019). *Giáo trình Bóng rổ* Nxb ĐH Thái Nguyên

6.36b. Học phần Bóng ném/ Handball

- Số tín chỉ: 03 (LT9; TH 36)

- Mã học phần: 193027

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp và đáp ứng yêu cầu của sinh viên về kiến thức lý thuyết môn học: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng ném, Luật Bóng ném, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng ném phong trào; thực hành cơ bản các kỹ thuật động tác của bóng ném, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản; Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản môn bóng ném, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu phong trào.

- Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức cơ bản và ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào thực tiễn dạy học trong trường học và cơ sở trung tâm thể dục thể thao. Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản môn Bóng ném.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản của lý thuyết bộ môn và kỹ năng thực hành nội dung kỹ thuật cơ bản môn bóng ném.

- CO2: Sinh viên hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng ném, Luật bóng ném, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng ném phong trào;

- CO3: Sinh viên thực hành tốt các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản;

- CO4: Sinh viên nắm được quá trình làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn thực hiện đúng các kỹ thuật môn bóng ném,

- CO5: Sinh viên Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật bóng ném.

- CO6: Sinh viên nắm được phương pháp tổ chức tập luyện cơ bản, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.

- CO7: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học lý thuyết cũng như thực hành.

- CO8: Sinh viên có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật khó.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được các kiến thức cơ bản của môn bóng ném về lý thuyết, sự hình thành và phát triển, tác dụng môn học, nguyên lý kỹ thuật- chiến thuật, kiến thức về phương pháp giảng dạy, những sai lầm thường mắc trong tập luyện bóng ném.

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn bóng ném vào quá trình học tập. Thực hiện được cơ bản kỹ năng thực hành môn học môn bóng ném. đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy ở các điều kiện khác nhau.

- CLO3: Thành thạo các phương pháp giảng dạy cơ bản môn bóng ném và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài phong trào môn bóng ném.

- CLO4: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn bóng ném. Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản trong giảng dạy chuyên môn.

- CLO5: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật cơ bản môn bóng ném

- CLO6: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn bóng ném. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

- CLO7: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO8: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết. Có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Bóng ném.

- CLO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy, tập luyện và huấn luyện các môn TDTT. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Vị trí, tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng ném trên thế giới Nguyên lý kỹ chiến thuật cơ bản môn bóng ném	3					9
Nội dung 2: + Phương pháp giảng dạy kỹ thuật + Những sai lầm thường mắc	3					9
Nội dung 3: Luật thi đấu môn bóng ném - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng ném	3					9
Nội dung 4: - Các tư thế chuẩn bị và di chuyển cơ bản: + Tư thế chuẩn bị trung bình, cao thấp. + Di chuyển bằng bước trượt tiến, lùi. + Di chuyển bước chéo. + Chạy bình thường, tăng, biến tốc, đổi hướng. - Kỹ thuật dẫn bóng tại chỗ và dẫn bóng đường thẳng - Kỹ thuật dẫn bóng bằng tay thuận và đổi tay dẫn bóng. - Kỹ thuật động tác giả thân không bóng đột phá qua người phòng thủ (giả chuyển sang đột phá).				3		9

-Kỹ thuật đột phá dẫn bóng qua người phòng thủ. Kiểm tra bài số 1						
Nội dung 5: - Kỹ thuật nhận bóng: + Nhận bóng đang nằm từ đất. + Nhận bóng đang lăn : tới, ngang, ngực. + Giữ bóng bằng 2 tay, 1 tay.				3		9
Nội dung 6: - Kỹ thuật bắt bóng bằng 2 tay cơ bản: + Tại chỗ bắt bóng bằng 2 tay ngang ngực. + Di chuyển bắt bóng bằng 2 tay trước ngực, dưới thấp.				3		9
Nội dung 7: - Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay trên vai cơ bản: + Tại chỗ chuyền bóng 1 tay trên vai. + Di chuyển chuyền bóng 1 tay trên vai, một tay ngang hông + Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay sang ngang và ra sau, + Kiểm tra bài số 2				3		9
Nội dung 8: - Kỹ thuật ném bóng cầu môn 1 tay trên vai có đà. + Kỹ thuật nhảy xa ném bóng ở vị trí số 7 và 5. + Kỹ thuật quay người ném bóng ở vị trí số 6. Kiểm tra giữa kỳ				3		9
Nội dung 9: - Kỹ thuật ném bóng cầu môn 1 tay trên vai trong di chuyển. -Kỹ thuật nhảy cao ném bóng qua tay chắn khi có và không nghiêng người -Ném bóng dưới thấp trong di				3		9

chuyển từ các vị trí tấn công xa vào gôn. -Phối hợp dẫn, chuyền, nhận và ném bóng.						
Nội dung 10: - Kỹ thuật nhảy cao 1 tay trên vai ném bóng. + Kỹ thuật nhảy xa 1 tay trên vai ném bóng. + Phản công nhanh 1 : 0 (với bóng được phát động lên từ thủ môn) + Phản công nhanh nhóm 2 chống 1.				3		9
Nội dung 11: Chiến thuật phòng thủ khu vực. Chiến thuật phòng thủ kèm người ½ sân + Thi đấu theo các đội hình đủ 7 - 7 và thiếu 6 – 6 + Kỹ thuật chặn VĐV tấn công có và không có bóng. + Kèm người 1 : 1 chống qua người phòng thủ.				3		9
Nội dung 12: Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn: + Các bài tập chạy biến tốc, biến hướng, việt dã. + Các bài tập mang vác đồng đội và vật cản bên ngoài. + Các bài tập nhảy, chạy lò cò, chạy đạp sau. + Các trò chơi vận động với bóng và không bóng. + Các bài tập ném bóng nhồi, bóng cao su.				3		9
Nội dung 13: - Ôn tập và kiểm tra + Ném bóng xa có đà. + Dẫn bóng 30m tốc độ cao				3		9

(theo đường thẳng). + Thi đấu thực hành trọng tài						
Nội dung 14: - Ôn tập và kiểm tra : + Ném bóng xa có đà. + Dẫn bóng 30m tốc độ cao (theo đường thẳng). - Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu -Thực hành trọng tài				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và thể lực chuyên môn - Thể lực: + Chạy 30m luân qua cọc. - Kỹ thuật : + Ném bóng xa có đà. + Dẫn bóng luân qua cọc phối hợp 3 bước bật nhảy ném cầu môn				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp KTĐG	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1-10	30%
2	Thực hành	(Rubric 2) Kỹ thuật bắt bóng bằng 1 tay	CLO.2.3.4.6.	

3	Thực hành	Kỹ thuật bắt bóng bằng 2 tay (Rubric 3)	CLO.2.3.4.6.	
4	Thực hành	(Rubric 4) Dẫn bóng 30m tốc độ cao (theo đường thẳng).	CLO.2.3.4.6.8	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	(Rubric 5) Kiểm tra kỹ thuật dẫn bóng luôn cọc phối hợp 3 bước bật nhảy ném cầu môn	CLO.1.2.3.4.6. 8.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chạy 30m luôn qua cọc. - Ném bóng xa có đà. - Dẫn bóng luôn qua cọc phối hợp 3 bước bật nhảy ném cầu môn (Rubric 6)	CLO.1.2.3.4.6. 8.10.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm kiểm tra thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập,

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1). Nguyễn Hùng Quân(2007) *Giáo trình Bóng ném*, Nxb ĐHSP.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2). Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng ném*, Nxb TDTT.

3). Nguyễn Hùng Quân (2000). *Kỹ chiến thuật bóng ném*, Nxb TDTT

6.37. Học phần Cầu lông chuyên sâu/ Advanced Badminton

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)

- Mã học phần: 192004
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Cầu lông

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn cầu lông; đặc điểm kỹ thuật đánh cầu, quy luật của quả cầu bay trong không gian, Các giai đoạn của động tác đánh cầu, các yếu tố đánh cầu, Những yếu tố cơ bản trọng vận dụng chiến thuật thi đấu cầu lông, sự phát triển của kỹ thuật cầu lông trong thi đấu, Các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy cầu lông, phương pháp huấn luyện và thi đấu. Các kỹ thuật cầu nâng cao (kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái, bên phải, kỹ thuật đập cầu, kỹ thuật bỏ nhỏ, kỹ thuật chặn cầu) phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cầu lông

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn cầu lông; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển cầu lông; tổ chức một trận đấu, một giải cầu lông; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu cầu lông và đạt đẳng cấp 3 môn cầu lông.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được luật cầu lông, các bước cơ bản để tuyển chọn tài năng thể thao, các tests chuyên môn để tuyển chọn VĐV cầu lông, dự báo kết quả tuyển chọn, dự báo thành tích thể thao của VĐV trẻ.

- CO2: Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, hiểu và biết về các dạng bài tập, phương pháp tổ chức tập luyện, huấn luyện, các dạng chiến thuật thi đấu

- CO3: Áp dụng các bài tập đã tập luyện vào thi đấu nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

- CO4: Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn quá trình học tập, tập luyện để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- CO5: Làm tốt công tác hướng dẫn, giảng dạy và tổ chức tập luyện

- CO6: Làm tốt công tác trọng tài và tổ chức giải đấu

- CO7: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CO8: Năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CO9: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực trau dồi kiến thức, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công tác giảng dạy huấn luyện và cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức chuyên sâu về môn cầu lông (Xu hướng phát triển của môn cầu lông trên thế giới)

CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn cầu lông vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao

CLO3: Có kiến thức hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn cầu lông trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện các môn cầu lông.

CLO5: Thành thạo việc lập kế hoạch và huấn luyện thể thao. Kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài các giải cầu lông.

CLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn cầu lông và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

CLO7: Sinh viên có kỹ năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm

CLO 8: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn cầu lông trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

CLO 9: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

CLO10: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về môn cầu lông để giải quyết các tình huống cụ thể trong huấn luyện và hoạt động nghề nghiệp. Có trình độ kỹ thuật cao, thể lực để phối hợp và tổ chức tốt các chiến thuật cầu lông phức tạp và đạt đẳng cấp 3 môn cầu lông.

CLO11: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

CLO12: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

CLO13: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/			
Nội dung 1: Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của cầu lông, đặc điểm kỹ thuật đánh cầu, quy luật của cầu bay trong	3					

không gian, các giai đoạn của động tác đánh cầu, các yếu tố đánh cầu						9
Nội dung 2: Những yếu tố cơ bản khi vận dụng chiến thuật thi đấu cầu lông, khái niệm ý nghĩa về chiến thuật, sự phát triển của chiến thuật cầu lông trong đánh đôi, đánh đơn, huấn luyện chiến thuật, công tác chuẩn bị và thi đấu	3					9
Nội dung 3: Các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy cầu lông, các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện cầu lông, nhiệm vụ và nguyên tắc huấn luyện, luật thi đấu cầu lông.	3					9
Nội dung 4: Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải				3		9
Nội dung 5: Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái				6		18
Nội dung 6: Kỹ thuật đập cầu				9		27
Nội dung 7: Kỹ thuật treo cầu gần lưới				6		18
Nội dung 8: Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu gần lưới				3		9
Nội dung 9: Kỹ thuật chặn cầu sát lưới, chặn cầu bên phải				6		18
Nội dung 10: Soạn giáo án và thực hành tập giảng				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			

1	Thực hành	Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (Rubric 1)	CLO 3,4,5,6	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật đánh cầu cao tay bên trái (Rubric 2)	CLO 3,4,5,6	
3	Thực hành	Kỹ thuật đập cầu bên trái (Rubric 3)	CLO 7,8,9	
4	Thực hành	Kỹ thuật đập cầu bên phải (Rubric 4)	CLO 9,10,11	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy cầu lông, các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện cầu lông, nhiệm vụ và nguyên tắc huấn luyện, luật thi đấu cầu lông. (Rubric 4)	CLO 3,4,5,6,7	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành (Theo lịch thi của nhà trường)	-Kỹ thuật đập cầu vào ô quy định bên phải -Kỹ thuật đập cầu vào ô quy định bên trái -Thẻ lực: Di chuyển theo đường chéo bốn góc sân, tính số lần/ phút (Rubric 5)	CLO 3,4,5,6,7,8,9,10,11	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trường ĐH TDTT Bắc Ninh (2015), *Giáo trình cầu lông*, Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Trần Văn Vinh, Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành (2004), *Giáo trình Cầu lông*, Nxb ĐHSP.

3. Trinh Văn Bắc, Đào Tiến Dân, Trần Văn Đồng, Lưu Vũ Lương (2018), *Huấn luyện kỹ chiến thuật cho VĐV cầu lông*, Nxb Thể thao & Du lịch.

6.38. Học phần Bóng chuyên chuyên sâu/ Advanced Volleyball

- Số tín chỉ: 03 (LT 09; TH 36)
- Mã học phần: 193003
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Bóng chuyên

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Xu hướng phát triển bóng chuyên hiện đại; nguyên lý và các kỹ thuật môn bóng chuyên (kỹ thuật di chuyển trong chiến thuật, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và cao tay trước mặt, kỹ thuật phát thấp tay và bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng đơn và tập thể kỹ thuật đập bóng cơ bản, đập bóng xoay tay, đập bóng nhanh, đập bóng lao); chiến thuật trong thi đấu; huấn luyện thể lực chung và chuyên môn; phương pháp giảng dạy bóng chuyên; tổ chức thi đấu trọng tài các giải bóng chuyên.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyên; lập kế hoạch huấn luyện đội tuyển bóng chuyên; tổ chức một trận đấu, một giải bóng bóng; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyên. Tham gia thi đấu các giải bóng chuyên và đạt đẳng cấp 3 môn bóng chuyên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Tiếp thu được kiến thức chuyên sâu và cần thiết của môn bóng chuyên (Xu hướng phát triển bóng chuyên ở Việt Nam và trên thế giới, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, chiến thuật bóng chuyên hiện đại)

- CO2: Phân tích một số kiến thức chuyên môn sâu như: Kỹ năng, kỹ xảo, chiến thuật, luật thi đấu, các tổ chất vận động trong môn bóng chuyên.

- CO3: Áp dụng các kiến thức chuyên sâu đó trong thực hành kỹ thuật bóng chuyên, dạy học và công tác sau này.

- CO4: Áp dụng kiến thức lý thuyết để thực hiện được kỹ thuật chuyên môn của môn bóng chuyên.

- CO5: Biết phương pháp rèn luyện thể lực trong quá trình tập luyện.

- CO6: Biết phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn bóng chuyên.

- CO7: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với bóng.

- CO8: Thực hành chính xác, thuần thục các kỹ thuật đập, chắn, phát, chuyền bóng từ đó áp dụng trong các chiến thuật thi đấu của môn bóng.

- CO9: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền.

- CO10: Thuần thục các kỹ chiến thuật, thể lực để tham gia thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng chuyền. Đồng thời biết tự rèn luyện và hướng dẫn rèn luyện thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng chuyền.

- CO11: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học lý thuyết cũng như thực hành.

- CO12: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập nhất là trong các giờ học có các kỹ thuật khó như: Đập bóng, chuyền bóng cao tay

- CO13: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền để làm đề tài nghiên cứu khoa học

- CO14: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này. Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyền; lập kế hoạch huấn luyện đội tuyển bóng chuyền; tổ chức một trận đấu, một giải bóng bóng; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyền. Tham gia thi đấu các giải bóng chuyền và đạt đẳng cấp 3 môn bóng chuyền.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức chuyên sâu về môn bóng chuyền (Xu hướng phát triển, chiến thuật nâng cao...).

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn bóng chuyền vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành.

- CLO3: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, giáo án huấn luyện các môn bóng chuyền.

- CLO5: Thành thạo việc lập kế hoạch và huấn luyện thể thao. Kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác trọng tài các giải bóng chuyền.

- CLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn bóng chuyền và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO7: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm

- CLO8: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện các môn bóng chuyền trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO9: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO10: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý luận về môn bóng chuyền để giải quyết các tình huống cụ thể trong huấn luyện và hoạt động nghề nghiệp. Có trình độ kỹ thuật cao, thể lực để phối hợp và tổ chức tốt các chiến thuật bóng chuyền phức tạp và đạt đẳng cấp 3 môn bóng chuyền.

- CLO11: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

- CLO12: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.

- CLO13: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Các kỹ thuật môn Bóng chuyền, xu hướng phát triển bóng chuyền ở Việt Nam và trên thế giới; chiến thuật bóng chuyền	3					9
Nội dung 2. Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật bóng chuyền	3					9
Nội dung 3. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền	3					9
Nội dung 4. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt và nghiêng mình				3		9
Nội dung 5. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt và lật sau đầu				6		18
Nội dung 6. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt, cao tay trước				6		18

mặt, phát bóng bay, nhảy phát bóng						
Nội dung 7. Kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4. Kỹ thuật đập bóng trung bình ở vị trí số 3, đập bóng nhanh.				3		9
Nội dung 8. Kỹ thuật đập bóng xoay tay, xoay thân				6		18
Nội dung 9. Kỹ thuật chắn bóng cá nhân, chắn bóng tập thể				3		9
Nội dung 10. Chiến thuật bóng chuyền (tấn công, phòng thủ), tổ chức thi đấu				6		18
Nội dung 11. Soạn giáo án và thực hành tập giảng				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	PP kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp; chuyên cần	Câu hỏi: Luật, sân bãi, kỹ thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài... (rubric 1)	CLO1,2,3,4, 5,6	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (rubric 2)	CLO7,8,9,10	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt (rubric 3)	CLO7,8,9,10	

4	Thực hành	Kỹ thuật đập bóng trung bình. (rubric 4)	CLO7,8,9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Lý thuyết	Xu hướng phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam, Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật môn Bóng chuyền; Phương pháp giảng dạy các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu và tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền (rubric 5)	CLO1,2,3,4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Đập bóng chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. - Thể lực: Bật cao với (cm) và chạy dễ quạt (giây) (rubric 6)	CLO7,8,9,10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

- 1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nxb ĐHSPT, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, Nxb, TDTT.

3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.39. Học phần: Chuyên sâu Bóng đá/ Advanced football

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)

- Mã học phần: 192005

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: Bóng Đá

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những bài tập chiến thuật, phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy. Ứng dụng vào công tác tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện và các phương pháp huấn luyện. Cách thức tổ chức trận đấu, giải đấu, giám sát trận đấu, giám sát trọng tài

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, phương pháp tập luyện và huấn luyện chuyên sâu.. Biết cách thức tuyển chọn vận động viên trẻ. Áp dụng các điều khoản của luật vào giảng dạy và thực tiễn công tác tổ chức, trọng tài. Ứng dụng được để theo dõi, đánh giá và giám sát trận đấu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu được luật Bóng đá, các bước cơ bản để tuyển chọn tài năng thể thao, các tests chuyên môn để tuyển chọn VĐV Bóng đá, dự báo kết quả tuyển chọn, dự báo thành tích thể thao của VĐV trẻ.

- CO2: Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, hiểu và biết về các dạng bài tập, phương pháp tổ chức tập luyện, huấn luyện, các dạng chiến thuật thi đấu

- CO3: Áp dụng các bài tập đã tập luyện vào thi đấu nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

- CO4: Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn quá trình học tập, tập luyện để thực hiện nhiệm vụ học tập.

- CO5: Làm tốt công tác hướng dẫn, giảng dạy và tổ chức tập luyện

- CO6: Làm tốt công tác trọng tài và tổ chức giải đấu

- CO7: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CO8: Năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CO9: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực trau dồi kiến thức, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công tác giảng dạy huấn luyện và cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Biết các test để tuyển chọn, phương pháp tuyển chọn VĐV
- CLO2: Biết phương pháp tổ chức tập luyện và giảng dạy Bóng đá
- CLO3: Biết tổ chức huấn luyện Bóng đá, chỉ đạo thi đấu
- CLO4: Các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.
- CLO5: Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác
- CLO6: Phương pháp tổ chức huấn luyện, đào tạo VĐV
- CLO7: Biết tổ chức thi đấu, trọng tài các giải bóng đá phong trào.
- CLO8: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành động tác, bài tập, chiến thuật trong thi đấu
- CLO9: Đạt trình độ tương đương VĐV cấp 3.
- CLO10: Lập kế hoạch, chiến lược phát triển bóng đá cho đội, đơn vị và tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	BT			
Nội dung 1: Tuyển chọn tài năng bóng đá	3					9
Nội dung 2: Các tests Tuyển chọn tài năng bóng đá, dự báo thành tích thể thao.	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn Bóng đá. - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá	3					9
Nội dung 4: Ôn luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân				3		9
Nội dung 5: Ôn luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện				3		9
Nội dung 6: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân Kỹ thuật đá bóng mu lai má ngoài bàn chân				3		9
Nội dung 7: Ôn tập đá bóng bằng mu trong bàn chân				3		9
Nội dung 8: Ôn luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân Kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân				3		9

Nội dung 9: Ôn luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân				3		9
Nội dung 10: Các bài tập chiến thuật: tấn công Biên, tấn công trung lộ. Các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực				3		9
Nội dung 11: Ôn tập đá bóng bằng mu trong bàn chân				3		9
Nội dung 12: Các bài tập chiến thuật: tấn công Biên, tấn công trung lộ. Các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực				3		9
Nội dung 13: Ôn luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân Kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân				3		9
Nội dung 14: Kỹ thuật ném biên, đánh đầu				3		9
Nội dung 15: - Các bài tập chiến thuật: tấn công Biên, tấn công trung lộ. Các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng gồm:

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVD
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Thực hành	Kỹ thuật đá bóng bằng lòng	CLO 2,3	30%

		bàn chân vào cầu môn 2 x 3m Rubric 1		
2	Thực hành	Đá bóng điểm rơi từ cự ly 20m vào 5 vòng tròn đồng tâm bán kính 1,2,3,4,5m Rubric 2	CLO 3,4	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m Rubric 3	CLO 2,3,4	
4	Thực hành	Đánh đầu bằng trán giữa trong hành lang 3m Rubric 4	CLO 2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m Rubric 5	CLO3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	1.Ném biên trong hành lang 3m 2.Đá bóng xa trong hành lang góc 20 độ Rubric 6	CLO2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Phạm Quang (2011), *Giáo trình bóng đá*, NXB, TDTT.(Chương: Từ 7 đến 11)

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT, (2007), *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.

3. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiệt Tinh và cộng sự, (2000), *Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C*, Nxb TDTT, Hà Nội

6.40. Học phần Bóng rổ chuyên sâu/ Advanced basketball

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 192004
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: Bóng rổ

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng rổ, Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải Bóng rổ phong trào và các giải đấu chuyên nghiệp; thực hành tốt các kỹ thuật động tác của Bóng rổ, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản và nâng cao; Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật môn Bóng rổ, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, kế hoạch tập luyện cho các đội tuyển học sinh. Tham gia thi đấu các giải Bóng rổ và đạt đẳng cấp 3 VĐV Bóng rổ

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên hiểu sâu và ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào thực tiễn dạy học trong trường học và cơ sở trung tâm thể dục thể thao. Lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy và huấn luyện môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và nâng cao của lý thuyết bộ môn và kỹ năng thực hành nội dung kỹ thuật môn bóng rổ.

- CO2: Sinh viên hiểu được phương pháp tập luyện trong quá trình giảng dạy kỹ thuật, bài tập bổ trợ kỹ thuật chuyên môn, bài tập bổ trợ thể lực chuyên môn, kiến thức liên quan bổ trợ cho môn học, kiến thức tổ chức tuyển chọn và huấn luyện, kiến thức tổ chức thi đấu.

- CO3: Sinh viên Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác bổ trợ kỹ thuật; Các động tác môn bóng rổ.

- CO4: Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn.

- CO5: Có kỹ năng Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật bóng rổ.

- CO6: Có năng lực thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng rổ.

- CO7: - Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học lý thuyết cũng như thực hành.

- CO8: Sinh viên có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật khó.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được các kiến thức cơ bản và nâng cao của môn bóng rổ về lý thuyết, sự hình thành và phát triển, tác dụng môn học, nguyên lý kỹ thuật- chiến thuật, kiến thức về phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và sư phạm

- CLO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn Bóng rổ vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành

- CLO3: Thực hiện được kỹ năng thực hành môn học môn Bóng rổ, đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện môn Bóng rổ trong trường học ở các điều kiện khác nhau. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO4: Thành thạo việc lập kế hoạch và soạn bài giảng, Soạn giáo án, Phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn Bóng rổ

- CLO5: Rèn luyện kỹ năng làm mẫu chính xác các động tác hỗ trợ kỹ thuật; Các động tác làm quen với môn Bóng rổ. Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác cơ bản và các động tác nâng cao trong giảng dạy và huấn luyện chuyên môn.

- CLO6: Phân tích, đánh giá, dự báo thành tích thể thao. Biết cách phân tích, đánh giá và điều chỉnh chiến thuật thi đấu của các VĐV trong thi đấu môn Bóng rổ và xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.

- CLO7: Tổ chức các hoạt động giờ lên lớp, rèn luyện cách thức soạn giáo án và kỹ năng giảng dạy kỹ thuật môn Bóng rổ, có khả năng làm việc, độc lập và làm việc nhóm

- CLO8: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp vào thực tiễn giảng dạy, huấn luyện và thi đấu cũng như tổ chức giải và làm tốt nhiệm vụ trọng tài môn Bóng rổ. ở các điều kiện khác nhau.

- CLO9: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc

trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết. Có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn Bóng rổ.

- CLO10: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy, tập luyện và huấn luyện các môn TDTT. Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO11: Sau khi học xong học phần này thành tích môn học Bóng rổ của sinh viên đạt tương đương thành tích đẳng cấp VDV cấp III.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	BT			
Nội dung 1: - Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ - Những sai lầm thường mắc-biện pháp Khắc phục -Phương pháp giảng dạy- Huấn luyện Bóng rổ	3					9
Nội dung 2: -Tuyển chọn VĐV Bóng rổ -Xây dựng chương trình giảng dạy- Huấn luyện - Thi đấu môn Bóng rổ	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu môn Bóng rổ - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng rổ	3					9
Nội dung 4: I. Kỹ thuật di chuyển không bóng: -Kỹ thuật động tác giả không bóng và có bóng -Kỹ thuật di chuyển biến hướng -Kỹ thuật di chuyển phối hợp chiến thuật Kiểm tra bài số 1				3		9
Nội dung 5: II. Kỹ thuật dẫn bóng: -Kỹ thuật dẫn bóng cơ bản: + Dẫn bóng tốc độ luân phiên hai tay - Kỹ thuật dẫn bóng nâng cao:				3		9

+ Dẫn bóng biến hướng +Dẫn bóng vòng sau +Dẫn bóng qua chân đối tay +Kỹ thuật động tác giả dẫn bóng qua người						
Nội dung 6: III. Kỹ thuật di chuyển chuyên bắt bóng : + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyên bắt bóng thực hiện đột phá ném rỏ + Kỹ thuật chuyên xiết, bật đất, vòng sau +Kỹ thuật động tác giả chuyên rỏ đổi hướng.				3		9
Nội dung 7: IV. Kỹ thuật tại chỗ ném rỏ một tay trên cao (2điểm- 3 điểm) Kỹ thuật tại chỗ bật nhảy ném rỏ góc độ: 45 độ - 90 độ Kỹ thuật bật nhảy ném rỏ tại chỗ và di động				3		9
Nội dung 8: - Hoàn thiện Kỹ thuật tại chỗ ném rỏ một tay trên cao (2điểm- 3 điểm) - Dẫn bóng tốc độ luân phiên hai tay				3		9
Nội dung 9: Ôn tập và kiểm tra Kỹ thuật tại chỗ ném rỏ một tay trên cao (2điểm)				3		9
Nội dung 10: Chiến thuật tấn công nhanh: Hai người , 3 người phối hợp Chiến thuật tấn công khu vực: 2-1-2.				3		9
Nội dung 11: Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân				3		9
Nội dung 12: Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn: + Chạy bền 1500 – 3000m +Nhảy dây, bật hố cát, chống đẩy -Di chuyển chuyên môn -Đấu thể lực 2 đánh 2, 3-3,5-5				3		9
Nội dung 13:				3		9

- Ôn tập và kiểm tra - Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao bên thuận và bên nghịch - Kỹ thuật dẫn bóng luân cộc hai bước bật nhảy ném rổ bằng một tay trên cao - Phương pháp lên lớp thực hành giảng dạy						
Nội dung 14: - Thực hiện phương pháp tổ chức giảng dạy - Thực tập PP tổ chức thi đấu - Thực hành trọng tài				3		9
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học và thể lực chuyên môn				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy được sử dụng gồm:.

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác.
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp tập luyện không có định mức chặt chẽ LVĐ
- Phương pháp hỏi – đáp.
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác.
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3.4 .5.7.	30%
2	Thực hành	Các kỹ thuật cơ bản: Dẫn bóng di động (Rubric 2)	CLO. 2.3.5.7	
3	Thực hành	Các kỹ thuật cơ bản: Phối hợp Bắt bóng và chuyền bóng (Rubric 3)	CLO. 3.5.7.8.	

4	Thực hành	Kỹ thuật ném rổ (Rubric 4)	CLO.5.7.8.	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao (Rubric 5)	CLO.3.5.6.8	20%
III Thi cuối kì				
	Thực hành	- Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao bên thuận và bên nghịch - Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc hai bước bật nhảy ném rổ bằng một tay trên cao. (Rubric 6)	CLO1.2.3.5.6.8.11	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1). Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007) *Giáo trình Bóng rổ*, Nxb DHSP.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- 2). Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, Nxb TDTT.
- 3). Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019). *Giáo trình Bóng rổ* Nxb ĐH Thái Nguyên

6.41a. Học phần vệ sinh, sinh lý Thể dục Thể thao/Sports sanitation and physiology.

- Số tín chỉ: 04 (LT 30; TL,BT 30)
- Mã học phần: 193028
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận & PP GD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu TDTT

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức về:

Phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh cộng đồng, vệ sinh tập luyện, áp dụng vào hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT; Điều chỉnh lượng vận động cho người tập khi gặp những điều kiện khác nhau về sự thay đổi thời tiết (Nắng, mưa, gió.. áp suất...); Phương pháp xây dựng thời gian biểu học tập và tập luyện trong ngày, chu kỳ huấn luyện, những nguyên tắc cơ bản của việc rèn luyện thân thể thông qua học tập, tập luyện TDTT. Nhu cầu và khẩu phần thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng tập luyện khác nhau; Những nguyên tắc cơ bản của vệ sinh TDTT trong công tác huấn luyện và đào tạo VĐV đỉnh cao.

Những vấn đề chung của sinh lý học; hệ điều khiển; hệ trao đổi chất và năng lượng cho hoạt động thể lực; hệ vận chuyển oxi; sinh lý hệ vận động; phân loại và đặc tính sinh lý chung của bài tập thể thao; đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động TDTT; đặc điểm sinh lý của thanh thiếu niên; đặc điểm sinh lý người cao tuổi; đặc điểm sinh lý của phụ nữ trong tập luyện TDTT. Qua đó, nhận thức rõ lợi ích của TDTT đối với việc tăng cường sức khỏe cho người tập nói chung.

Năng lực đạt được:

Sinh viên có năng lực vận dụng kiến thức về vệ sinh, sinh lý TDTT trong sự vận động và các mối quan hệ trong tập luyện và sinh hoạt cá nhân trong thi đấu, tập luyện phù hợp với điều kiện môi trường, lứa tuổi, giới tính, chịu trách nhiệm về kế hoạch tập luyện, bảo hiểm tập luyện trong hoạt động GDTC để nâng cao sức khỏe. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch tập luyện phù hợp với thực tế, từ đó phát huy yếu tố tích cực của người tập trong các điều kiện tập luyện khác nhau.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về vệ sinh trong TDTT. Nguồn gốc bệnh chuyên nhiễm vệ sinh y học TDTT xử lý các kết quả, Cơ sở lý thuyết của vệ sinh y học TDTT, Cơ sở môi trường và khí hậu, Đánh giá dinh dưỡng trong tập luyện. Các phương pháp đánh giá tác động VĐV trong môi trường và phòng bệnh, kiểm tra vệ sinh cá nhân và không khí trong tập luyện, Vệ sinh

nguồn nước trong nhà trường và huấn luyện TDDT. Từ đó vận dụng thành thạo những kiến thức đã học trong hoạt động thể dục thể thao.

- CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng sinh lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu sinh lý TDDT. Cơ sở sinh lý TDDT của hoạt động giảng dạy kỹ thuật vận động, của hoạt động giáo dục thể chất học sinh và của sự hình thành phẩm chất đạo đức học sinh trong quá trình GDTC. Hoạt động thể thao và những đặc điểm sinh lý của những hoạt động thể thao. Cơ sở sinh lý của công tác đào tạo và huấn luyện vận động viên thể thao.

- CO3: Vận dụng được nguyên lý cơ bản, các hình thức đánh giá, các tiêu chuẩn đánh giá, thang độ đánh giá, các phương pháp đánh giá thường dùng. Đánh giá được chức năng sinh lý, tâm lý trong công tác vệ sinh. Tổ chức đánh giá dinh dưỡng và vệ sinh huấn luyện tổ chức thể lực, kỹ thuật động tác đảm bảo an toàn trong giảng dạy và huấn luyện.

- CO4: Vận dụng kiến thức sinh lý TDDT vào việc giải thích các hiện tượng sinh lý con người trong hoạt động TDDT, để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập, hình thành ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn thể thao.

- CO5: Sinh viên hiểu được rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nguyên tắc trong công tác giảng dạy, tập luyện và huấn luyện các môn TDDT

- CO6: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của vệ sinh, sinh lý TDDT để làm đề tài nghiên cứu khoa học và có thể sử dụng các phương pháp, lập test, kiểm tra thể lực của học sinh, sinh viên.

- CO7: Có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức khoa học vào trong giảng dạy, huấn luyện TDDT và trong nghề nghiệp sau này.

- CO8. Hình thành ở sinh viên tư duy logic trong việc xem xét các vấn đề trong thực tiễn hoạt động TDDT, công tác dạy học, giáo dục ở nhà trường về VSTDYT.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về vệ sinh, sinh lý TDDT.

- CLO2: Vận dụng thành thạo kiến thức vệ sinh, sinh lý TDDT vào việc tập luyện và thi đấu, nghiên cứu môi trường xung quanh của hoạt động TDDT và vệ sinh cá nhân.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vệ sinh TDDT để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- CLO4: Giải thích được các hiện tượng sinh lý của con người trong hoạt động TDDT

- CLO5: Giải quyết các tình huống trong tập luyện TDDT và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

- CLO6: Vận dụng kiến thức vệ sinh, sinh lý TDDT vào việc hình thành ý thức cá nhân của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực hoạt động, giảng dạy các môn Thể thao, thi đấu.

- CLO7: Có năng lực dẫn dắt, hướng dẫn hoạt động về công tác vệ sinh TDDT trong tập luyện các môn thể thao một cách có hiệu quả. Đảm đương tốt vai trò hướng dẫn về vệ sinh cá nhân trong tập luyện và thi đấu thể thao.

- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.

- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp

- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh học - Khái niệm chung về các bệnh truyền nhiễm - Nguồn gốc gây bệnh truyền nhiễm - Cách thức truyền bệnh	1					3
Nội dung 2: - Người có khả năng bị nhiễm bệnh - Các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh với bệnh truyền nhiễm	2		3			15
Nội dung 3: - Nhiệt độ không khí - Độ ẩm không khí - Chuyển động của không khí - Áp suất không khí - Thành phần hoá học của không khí - Ô nhiễm không khí - Thời tiết và khí hậu	2		3			15
Nội dung 4:	2					6

- Vệ sinh môi trường nước - Vệ sinh môi trường đất - Vệ sinh trường học						
Nội dung 5: - Thời gian biểu hàng ngày - Vệ sinh giấc ngủ - Thời gian biểu hàng ngày trong thời kỳ chuẩn bị thi đấu - Vệ sinh cá nhân - Vệ sinh trang phục thể thao - Tác hại của thói quen độc hại đối với vận động viên	2		3			15
Nội dung 6: - Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của việc rèn luyện cơ thể - Các biện pháp và phương pháp rèn luyện cơ thể - Rèn luyện cơ thể trong thực tiễn tập luyện TDTT	2					6
Nội dung 7: - Khái niệm về dinh dưỡng - Năng lượng của thức ăn - Chất lượng của thức ăn - Khả năng tiêu hoá của thức ăn - Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm - Áp dụng thực hành các tiêu chuẩn dinh dưỡng - Đặc điểm dinh dưỡng của vận động	1		3			12
Nội dung 8: - Cơ cấu của hệ thống đảm bảo vệ sinh trong huấn luyện thể thao - Các nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu thể thao - Các yếu tố vệ sinh môi trường xã hội cùng điều kiện sống - Công tác đảm bảo vệ sinh trong điều kiện nóng ẩm	1					3
Nội dung 9: - Các biện pháp vệ sinh tăng cường khả năng hoạt động thể lực và thúc	1		3			12

đẩy quá trình hồi phục trong thể thao - Công tác đảm bảo vệ sinh trong tập huấn thể thao						
Nội dung 10: - Công tác đảm bảo vệ sinh tập luyện trong điều kiện vùng cao - Điều chỉnh trọng lượng cơ thể vận động viên	1					3
Nội dung 11: Sơ lược về sự phát triển của sinh lý học, cơ chế và các đặc tính sinh lý cơ bản của tổ chức sống, hoạt tính điện của tổ chức sống, cơ chế dẫn truyền hưng phấn, sự dẫn truyền hưng phấn qua xinap,	1	1				6
Nội dung 12: Sinh lý tế bào, Đại cương về chức năng tế bào, cấu tạo và chức năng của tế bào, Cơ chế dẫn truyền các chất qua màng tế bào		1				3
Nội dung 13: - Sinh lý học đại cương về hệ thần kinh trung ương, tế bào thần kinh, ức chế trong hệ thần kinh trung ương, cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương, đặc điểm hoạt động của trung tâm thần kinh, chức năng của các phần khác nhau của hệ thần kinh trung ương, sự điều khiển của thần kinh đối với hoạt động vận động - Hệ thần kinh thực vật, Hoạt động của thần kinh cấp cao	2					6
		1				3
Nội dung 14: Sinh lý hệ máu; chức năng của máu, hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, nhóm máu, sự đông máu, huyết tương, cân bằng toan kiềm và hệ thống đệm của máu. Sinh lý hệ tuần hoàn. Sinh lý hệ mạch máu.	1					3
Nội dung 15:: Sinh lý hệ hô hấp; đường dẫn khí, bộ phận chứa khí, hiện tượng cơ học của quá trình hô hấp, các khái niệm về hô hấp, máu vận chuyển oxy, vận chuyển co ₂ , điều hoà		2				6

nữ, Khả năng vận động của phụ nữ và chu kỳ kinh nguyệt						
Tổng	30	15	15			180

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp sử dụng lời nói; (Thuyết trình, giảng giải, phân tích, đánh giá);
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp xêmina;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp rèn nghề; (hướng dẫn thực hành, thực hành giảng dạy);
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Bài tập trên lớp	(Rubric 1) Bài tập nhóm: Nội dung: 2-3	CLO 1,2,3,6,7	30%
2	Bài tập trên lớp	(Rubric 2) Bài tập cá nhân Nội dung: 5	CLO 1,2,3,6,7	
3	Vấn đáp	Rubric 3Nội dung 1-10 và Sinh lý tế bào	CLO1,2,4,5,6	
4	Thảo luận	Rubric 4 Đại cương về tế bào	CLO1,2,4,5,6	
5	Thảo luận	Rubric 5 Hệ thần kinh TW	CLO1,2,4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 6 Kỹ năng vận động	CLO 6 7,8,9,	20%
III	Kiểm tra cuối kỳ			
	Viết (Theo lịch thi của nhà trường)	Rubric 7 (từ nội dung 1 đến nội dung 22)	CLO 1-10	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. PGS.TS Lưu Quang Hiệp. BS. Phạm Thị Uyên (2003). *Sinh lý học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT.
2. PGS.TS. Vũ Chung Thủy, BS. GVC. Bùi Quang Ngọc (2014). *Giáo trình vệ sinh TĐTT*, Nxb TĐTT, HN

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

3. Tập thể (2013), *Giáo trình thể dục chữa bệnh*, Nxb TĐTT
4. Vũ Thị Thanh Bình, Đồng Khắc Hưng, Phạm Thị Thiệu, 2005. *Sinh lý học thể dục thể thao*. Nxb Đại học Sư phạm. (Quyển 1)

6.41b. Học phần Y học TĐTT/ Sports medicine

- Số tín chỉ: 04 (LT 30; TL,BT 30)
- Mã học phần: 193029
- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận và PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- **Nội dung học phần gồm:** Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về: Phương pháp, hình thức và nội dung kiểm tra y học TĐTT, sự phát triển thể lực, các yếu tố ảnh hưởng đến thể lực thông qua tập luyện TĐTT; nguyên nhân chấn thương, phương pháp đề phòng. Trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu thể thao; Xây dựng kế hoạch tập luyện theo quy trình kiểm tra y học và tuân thủ các chỉ định của y học; Cách thức tuyển chọn, đánh giá để lựa chọn vận động viên trẻ thông qua các phương pháp kiểm tra và đánh giá thể hình.

- **Năng lực đạt được:** Xử lý kịp thời những dạng chấn thương nhẹ mắc phải trong quá trình tập luyện và thi đấu TĐTT; Xác định trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu thể thao; Xây dựng kế hoạch tập luyện theo quy trình kiểm tra y học và tuân thủ các chỉ định của y học; Cách thức tuyển chọn, đánh giá để lựa chọn vận động viên trẻ thông qua các phương pháp kiểm tra và đánh giá thể hình.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Biết được những nguyên nhân chấn thương, phương pháp đề phòng

- CO2: Xử lý kịp thời những dạng chấn thương mắc phải trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT
- CO3: Biết những trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu thể thao từ đó điều chỉnh lượng vận động phù hợp với những bệnh lý cụ thể.
- CO4: Xây dựng kế hoạch tập luyện theo quy trình kiểm tra y học và tuân thủ các chỉ định của y học
- CO5: Thực hiện tốt các phương pháp cân đo và tính được các chỉ tiêu số học áp dụng vào xác định các chỉ số trên cơ thể người
- CO6: Tuyển chọn sơ bộ được vận động viên cho một số môn thể thao
- CO7: Đánh giá năng lực tập luyện thông qua các chỉ số kiểm tra y học TDTT
- CO8: Dự báo thành tích thể thao thông qua năng lực ban đầu của việc tuyển chọn VĐV dựa trên các chỉ số y sinh học.
- CO9: Có năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao một cách có hiệu quả. Đảm đương tốt vai trò huấn luyện các đội tuyển học sinh các trường..
- CO10: Sinh viên có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CO11: Có sáng kiến trong quá trình giảng dạy GDTC và các hoạt động phong trào thể dục thể thao.
- CO12: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường giảng dạy, tập luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau.
- CO13: Có năng lực tự lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Giúp sinh viên hiểu và biết được những nguyên nhân chấn thương, cách thức xử lý bước đầu

CLO2: Biết các trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu

CLO3: Biết xây dựng quy trình tập luyện

CLO4: Biết thực hiện các phương pháp nhân trắc để tuyển chọn sơ bộ VĐV

CLO5: Biết cách đánh giá năng lực và dự báo thành tích thể thao

CLO6: Biết áp dụng vào daanxdawts phong trào

CLO7: Biết lập kế hoạch, tổ chức tập luyện

CLO8: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành động tác, bài tập, chiến thuật trong thi đấu

CLO9: Xây dựng tiêu chuẩn cho các đối tượng VĐV khác nhau

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	
----------	-----------------------------	--

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	BT			
- Nhiệm vụ của y học TDTT - Nội dung chương trình giảng dạy về y học TDTT	4					12
Nội dung chương trình giảng dạy về y học TDTT Phương pháp học tập Y học TDTT			4			12
- Nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp kiểm tra y học TDTT - Kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển thể chất - Đặc điểm phát triển thể chất VĐV ở một số môn thể thao - Kiểm tra chức năng hệ Tim Mạch - Kiểm tra chức năng hệ hô hấp - Kiểm tra chức năng hệ thần kinh và thần kinh - Đặc điểm trạng thái hệ máu của VĐV - Đặc điểm chức năng hệ nội tiết của VĐV - Đặc điểm chức năng hệ tiêu hóa của VĐV - Kiểm tra y học sự phạm - Tự kiểm tra y học - Kiểm tra y học trong TDTT quần chúng - Doping và công Tác kiểm tra do ping trong hoạt động TDTT (*)	6					18
Thực hành cách đo các chỉ số trên cơ thể người			8			24
Những nội dung đã học					KTĐG	2
- Các nguyên tắc chung của việc điều khiển hoạt động thể lực - Các yếu tố hồi phục vật lý - Xoa bóp hồi phục - Hồi phục dinh dưỡng - Dược phẩm và vitamin - Các chế phẩm Đạm và nước uống	6					18

của VĐV - Khí công - Giới thiệu sơ lược về bài tập dưỡng sinh						
Các yếu tố hồi phục vật lý Xoa bóp hồi phục Thành phần dinh dưỡng của thức ăn			4			12
- Bệnh học cơ sở - Các bệnh thường gặp trong tập luyện và thi đấu TDTT - Chấn thương trong TDTT - Các trạng thái bệnh lý cấp tính	4					12
Hội chứng đau bụng và chuột rút trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT Cách thức điều chỉnh hội chứng đau bụng trong tập luyện thông qua giai đoạn hô hấp lần 2			4			12
Những trạng thái bệnh lý					KTĐG	
- Nguyên lý chung của thể dục chữa bệnh - Thể dục chữa cong vẹo cột sống - Thể dục chữa bệnh tim Mạch - Thể dục chữa bệnh hô hấp - Thể dục chữa bệnh về đường tiêu hóa - Thể dục điều trị chấn thương - Thể dục điều trị tổn thương và các bệnh ở hệ thần kinh - Thể dục chữa bệnh sản khoa	4					12
Thể dục chữa cong vẹo cột sống, dục điều trị tổn thương và các bệnh ở hệ thần kinh			6			18
Thể dục điều trị chấn thương					KTĐG	
- Nguyên lý chung - Tác dụng sinh lý của xoa bóp thể thao - Phương pháp xoa bóp - Mục đích, tác dụng của xoa bóp thể thao	6					18
Tác dụng sinh lý của các động tác			4			24

xoa bóp ở các vùng trên cơ thể Thực hành động tác xoa bóp thể thao						
Tổng	30		30			180

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết)
- Phương pháp hướng dẫn thực hành và thực hành
- Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric1 Các kiến thức lý thuyết về y học TDDT	CLO 1,5,8	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Các kiến thức lý thuyết về y học TDDT	CLO 1,8,9	
3	Thảo luận	Rubric 3 Các kiến thức lý thuyết về y học TDDT	CLO 2,3,5,6,7	
4	Thực hành	Rubric 4 Xoa bóp hồi phục	CLO 2,3,4,5,6	
5	Thực hành	Rubric 5 Hội chứng đau bụng trong tập luyện	CLO 2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Vấn đáp	Rubric 4 Các kiến thức lý thuyết về y học TDDT	CLO 3, 4, 8, 9	20%
Thi cuối kỳ				
1	Viết	Rubric 5 Các kiến thức lý thuyết về y học TDDT	CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS.Lưu Quang Hiệp, ThS.Lê Đức Chương, BS.Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng, (2000). *Y học TDTT*, Nxb TDTT, HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo :

2. Nguyễn Thị Hồng - Lê Quý Phụng, Vũ Chung Thực, Lê Gia Vinh (2005), *Vệ sinh và y học TDTT*, Nxb ĐHSP.

3. Lưu Quang Hiệp (2000), *Vệ sinh TDTT*, Nxb TDTT.

6.42a. Học phần Quản lý Thể dục thể thao/ Sports management

- Số tín chỉ: 02 (LT 15; TL,BT 15)

- Mã học phần: 193012

- Bộ môn quản lý học phần: Lý luận & PPGD GDTC

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Cơ sở khoa học của quản lý TDTT, bản chất, nguyên tắc, phương pháp, mục tiêu và chức năng quản lý; kết cấu quản lý và nguyên lý hiện đại, hệ thống tổ chức quản lý thể dục thể thao ở Việt Nam; công tác cán bộ quản lý và quản lý TDTT (thể thao trường học, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao); các hoạt động quản lý thể dục thể thao (hoạt động thông tin, kiểm tra, tuyên truyền thể dục thể thao).

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý TDTT, xây dựng và triển khai được các hoạt động quản lý thể dục thể thao trong lĩnh vực và cương vị công tác của mình đạt hiệu quả cao như: Lập kế hoạch quản lý TDTT, tuyển chọn cán bộ quản lý, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý, tuyên truyền thể thao, kiểm tra công tác thể thao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cơ sở lý luận của quản lý xã hội và quản lý thể dục thể thao.

- CO2: Sinh viên hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức về quản lý TDTT trong hệ thống tổ chức hoạt động nghề nghiệp. Chức năng quản lý, mục tiêu quản lý, nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý TDTT.

- CO3: Sinh viên biết được hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác thể dục thể thao, hệ thống tổ chức quản lý thể dục thể thao Việt Nam.

- CO4: Tổ chức lao động của người lãnh đạo TDTT.

- CO5: Hoạt động quản lý, chỉ đạo, kiểm tra và tuyên truyền TDTT.

- CO6: Quản lý thể thao thành tích cao, thể thao quần chúng và các tổ chức thể thao quốc tế.

- CO7: Hình thành cho sinh viên những kỹ năng tổ chức quản lý trong lĩnh vực TDTT.

- CO8: Sinh viên vận dụng được kiến thức về quản lý TDTT để giải quyết các nhiệm vụ học tập, công tác quản lý thi đấu và các lĩnh vực công tác TDTT sau này.

- CO9: Sinh viên hiểu được phương thức lao động của cán bộ thể dục thể thao, huấn luyện viên và người lãnh đạo thể dục thể thao.

- CO10: Sinh viên biết phân tích và lập kế hoạch trong hoạt động thể dục thể thao quần chúng, hoạt động chỉ đạo, kiểm tra và tuyên truyền TDTT.

- CO11: Hình thành cho sinh viên tư duy logic trong việc xem xét các vấn đề trong thực tiễn hoạt động quản lý TDTT của người lãnh đạo, quản lý các vấn đề TDTT.

- CO12: Sinh viên có thái độ nghiêm túc, khách quan trong tổ chức quản lý TDTT.

- CO13: Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý TDTT, xây dựng và triển khai được các hoạt động quản lý thể dục thể thao trong lĩnh vực và cương vị công tác của mình đạt hiệu quả cao như: Lập kế hoạch quản lý TDTT, tuyển chọn cán bộ quản lý thể thao xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý, tuyên truyền thể thao, kiểm tra công tác thể thao. vận dụng kiến thức khoa học quản lý TDTT vào trong giảng dạy, huấn luyện thể dục thể thao, trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn quản lý TDTT.

- CLO2: Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận về môn quản lý TDTT vào quá trình học tập và huấn luyện các môn thể thao thực hành.

- CLO3: Sinh viên có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy, hệ thống quản lý TDTT trong trường học ở Việt Nam.

- CLO4: Sinh viên biết vận dụng được những kiến thức về yêu cầu đối với một người quản lý trong lĩnh vực TDDT.
- CLO5: Sinh viên hiểu được công tác hoạt động chỉ đạo, kiểm tra và tuyên truyền tổ chức TDDT của người cán bộ quản lý TDDT.
- CLO6: Sinh viên thành thạo việc lập kế hoạch và huấn luyện thể thao. Kỹ năng tổ chức thi đấu và làm tốt công tác quản lý, đánh giá thi đấu TDDT.
- CLO7: Sinh viên có khả năng làm việc, huấn luyện độc lập và làm việc nhóm.
- CLO8: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý TDDT để giải quyết các nhiệm vụ học tập các môn thực hành TDDT.
- CLO9: Sinh viên hình thành được phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO10: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý TDDT để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện giảng dạy quản lý TDDT.
- CLO11: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.
- CLO12: Luôn nêu cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.
- CLO13: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Cơ sở lý luận của quản lý xã hội và quản lý TDDT; chức năng quản lý	3					9
Nội dung 2. Mục tiêu quản lý; nguyên tắc quản lý; phương pháp quản lý		3				9
Nội dung 3. Hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác TDDT; Hệ thống tổ chức quản lý TDDT Việt Nam	3					9
Nội dung 4. Quản lý cán bộ thể dục thể thao; những yêu cầu đối với cán bộ quản lý trong lĩnh vực TDDT; sử dụng cán bộ quản lý; đánh giá cán bộ quản lý		3				9
Nội dung 5. Ý nghĩa tổ chức lao động	3					9

của người lãnh đạo thể thao; uy tín và tác phong của người lãnh đạo; kế hoạch hoá và phân bố thời gian của người lãnh đạo; tổ chức các công tác chính của người lãnh đạo						
Nội dung 6. Hoạt động quản lý TĐTT; Thông tin trong hoạt động quản lý		3				9
Nội dung 7. Hoạt động phân tích; hoạt động kế hoạch trong TĐTT		3				9
Nội dung 8. Hoạt động chỉ đạo; hoạt động kiểm tra; hoạt động tuyên truyền TĐTT	3					9
Nội dung 9. Quản lý các lĩnh vực TĐTT: Quản lý TĐTT quần chúng; quản lý công tác GDTC trong nhà trường	3					9
Nội dung 10. Quản lý các lĩnh vực TĐTT: Quản lý công tác thể thao thành tích cao; quản lý công tác thi đấu thể thao		3				9
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết); Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thảo luận; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Rubric 1: Nội dung 1-10	CLO.1-10.	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2: Nội dung 2- 4 - 6 - 7 - 10	CLO.1-5.	
3	Vấn đáp	Rubric 3: Nội dung 6-10	CLO.6-10.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4: Nội dung 1-5	CLO.1-5.	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5: Ngân hàng đề thi	CLO.1-10.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm kiểm tra thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

- 1). Nguyễn Cẩm Ninh (Chủ biên), (2015), *Giáo trình quản lý thể dục thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- 2). Phạm Đình Bẩm (2005), *Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội..

- 3). Vũ Đức Thu (2007), *Giáo trình lịch sử và quản lý thể dục thể thao*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

6.42b. Học phần: Lịch sử Thể dục Thể Thao & Olympic/Sports history and Olympic

- Số tín chỉ: 02 (LT 15; TL,BT 15)

- Mã học phần: 193014

- Bộ môn quản lý học phần; LL&PPGD GDTC

- Học phần tiên quyết:

- Học phần kế tiếp:

2. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần Lịch sử thể dục thể thao và Olympic cung cấp hệ thống kiến thức về lịch sử TDTT; các quan điểm; trường phái TDTT; các kì đại hội Olympic từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại cho đến nay; sự nảy sinh và phát triển của phong trào TDTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết vận dụng những kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TDTT nói chung, có cách nhìn đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị của TDTT dân tộc,

nhận thức được sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa trên thế giới. Sinh viên đánh giá được giá trị và những đóng góp của TDTT cổ đại, hiện đại đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu kiến thức, Lịch sử phát triển thể dục thể thao trong nước cũng như trên thế giới, mục tiêu trang bị cho người học về, lịch sử phát triển TDTT.

- CO2: Sinh viên hiểu được về nguồn gốc, từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại, cho đến nay, phong trào TDTT quần chúng, và thành tích thể thao trong sinh viên.

- CO3: Sinh viên có các kiến thức về các Đại Hội Olympic, sự hình thành phát triển TDTT dân tộc ở Việt Nam

- CO4: Tác động của thể dục thể thao về các giai đoạn lịch sử loài người sự phát triển và đổi mới, cùng với sự phát triển khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao có nguồn gốc phát sinh từ lao động..

- CO5: Có kỹ năng thực hiện lập kế hoạch, tổ chức được các hoạt động TDTT trong quần chúng và hoạt động TDTT thành tích cao.

- CO6: Vận dụng thành thạo các kiến thức lịch sử đã học vào tập luyện, nhằm phát triển các tố chất vận động.

- CO7: Năng lực đạt được: Sinh viên biết soạn giáo giảng dạy, huấn luyện, và công tác NCKH TDTT.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về Lịch sử thể dục thể thao và Olympic.

CLO2. Sinh viên hệ thống các kiến thức về quan điểm; trường phái TDTT; các kì đại hội Olympic từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại cho đến nay.

CLO3. Sinh viên hiểu được sự nảy sinh và phát triển của phong trào TDTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945.

CLO4. Sinh viên vận dụng được những kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TDTT nói chung

CLO5. Có cách nhìn đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị của TDTT dân tộc.

CLO6. Nhận thức được sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa trên thế giới.

CLO7. Sinh viên đánh giá được giá trị và những đóng góp của TDTT cổ đại, hiện đại đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Thể dục thể thao thời kỳ cổ đại và trung đại. - TDTT trong xã hội nguyên thủy TDTT ở các quốc gia chiếm hữu nô lệ - Thể dục thể thao ở các quốc gia chiếm hữu nô lệ trong thế giới cổ đại	1	1				6
Nội dung 2: - Thể dục thể thao thời kỳ cận đại. - Thể dục thể thao thời kỳ phong kiến sơ khai. - Thể dục thể thao thời kỳ chủ nghĩa phong kiến phát triển X – XIV.	1	1				6
Nội dung 3: - Thể dục thể thao trong thời kỳ hiện đại giữa hai cuộc đại chiến thế giới. Phong trào TDTT tư sản.	1	1				6
Nội dung 4: - Phong trào Olympic hiện đại. - Sự phát triển TT và việc thành lập các tổ chức TT quốc tế. - Phong trào Olympic giữa 2 cuộc đại chiến Thế giới I&II - Phong trào Olympic quốc tế sau đại chiến Thế giới lần thứ II.	1	1				6
Nội dung 5: Lịch sử phát triển của đại hội TDTT châu Á và Đông Nam Á.	1	1				6
Nội dung 6: Sự hình thành và phát triển sự phát triển của các hoạt động TDTT dân tộc ở Việt Nam.	1	1				6
Nội dung 7: - lịch sử phát triển của đại hội thể thao châu Á và Đông Nam Á. -Thể dục thể thao ở các công sở và trường học. - Bóng đá Việt Nam từ lúc nào.	1	1				6

- Hoạt động thể thao dân dã.						
Nội dung 8: Sự phát triển của TDTT Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám đến năm 1945. - Cách mạng tháng tám thành công và sự ra đời của một nền thể dục thể thao của nhân dân lao động.	1	1				6
Nội dung 9: Thể dục thể thao dân tộc Việt Nam buổi đầu dựng nước thời kỳ bắc thuộc và thời kì phong kiến. Thể dục thể thao dân tộc Việt Nam thời kỳ từ năm 179(TCN) đến năm 938. Thể dục thể thao dân tộc Việt Nam trong thời kỳ phong kiến.	1	1				6
Nội dung 10: - Dân tộc Việt Nam một dân tộc thượng võ-vật-môn thể thao đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. - Trò chơi dân gian – nét văn hóa thể thao trong đời sống nhân dân. -Trò chơi dân gian – nét văn hóa thể thao trong đời sống nhân dân.	1	1				6
Nội dung 11: - Sự phát triển của TDTT Việt Nam thời kỳ 1955-1975. - Thể dục thể thao ở miền bắc XHCN. - Thể dục thể thao ở các vùng giải phóng Miền Nam	1	1				6
Nội dung 12: - Sự phát triển TDTT ở nước ta trong thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng CNXH.	1	1				6
Nội dung 13: - Sự phát triển TDTT ở nước ta sau khi thống nhất đất nước đến năm 2000. - TDTT trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp từ 1976 đến nay.	1	1				6
Nội dung 14: SV tìm hiểu vấn đề: Sự		1				

phát triển TĐTT ở nước ta sau khi thống nhất đất nước đến năm 2000	1					6
Nội dung 15: Tư tưởng chỉ đạo của Đảng Và Nhà nước về công tác TĐTT trong giai đoạn cách mạng mới.	1	1				6
Tổng	15	15				90

5. Phương pháp dạy - học

Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết); Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thảo luận; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric 1 Nội dung 1-11	CLO 1-7.	30%
2	Thảo luận	Rubric 2 Nội dung 1-15	CLO 1-7.	
3	Bài tập	Rubric 3 Nội dung 1-11	CLO 1-7.	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric 4 Nội dung 1-11	CLO 1-7..	20%
Thi cuối kỳ				
1	Viết	Rubric 5 Nội dung 1-15	CLO 1-7.	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. PGS.TS Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên) 2009, *Lịch sử Thể Dục Thể Thao*, Sách giáo khoa dành cho sinh viên ĐH TDTT Nxb Thể Dục Thể Thao Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Mai Văn Muôn 1989, *Trò chơi xưa và nay*. Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Trường Đại học TDTT (2010), *Lịch sử TDTT chương trình môn học* Nxb TDTT, Hà Nội.

6.43. Học phần Kiến tập sư phạm/ Pedagogical practice

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 132005

- Bộ môn quản lý học phần: Khoa Giáo dục Thể chất

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Sinh viên kiến tập sư phạm tại các trường Trung học phổ thông về một số hoạt động: Sinh viên kiến tập ở các trường: dự giờ, soạn giáo án... Bước đầu tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề như: quản lý lớp, tổ chức các hoạt động thể thao như: Trọng tài, tổ chức giải thể thao nhằm chuẩn bị tốt cho công tác thực tập sư phạm ở học kỳ 8.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản: Kỹ năng xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tập giảng, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao, huấn luyện đội tuyển TDTT...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên nắm được thực tế giáo dục phổ thông với vai trò của người giáo viên kiến tập thông qua quan sát trường học, lớp học, các hoạt động của giáo viên và học sinh.

- CO2: Sinh viên nắm vững những thông tin về các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường mầm non, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên Thể dục.

- CO3: Vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học và kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường phổ thông để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản.

- CO4: Qua đợt KTSP, sinh viên có điều kiện học tốt hơn các học phần nghiệp vụ sư phạm và chuẩn bị tốt cho đợt TTSP.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hiểu được nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên Thể dục, của tổ bộ môn ở trường đến kiến tập, thông qua giáo viên hướng dẫn và tổ chuyên môn; tìm hiểu nội dung, chương trình dạy học thể dục và các hoạt động TDDT; dự giờ giảng dạy thể dục ở các khối lớp khác nhau.

CLO2: Hiểu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kế hoạch giảng dạy,... của trường phổ thông; các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý;

CLO3: Dự giờ dạy của giáo viên trường kiến tập; Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp.

CLO4: Cuối đợt kiến tập, sinh viên viết thu hoạch cá nhân nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy.

4. Nội dung học phần

4.1. Kiến tập giảng dạy

a. Tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy của người giáo viên Thể dục, của tổ bộ môn ở trường đến kiến tập, thông qua giáo viên hướng dẫn và tổ chuyên môn; tìm hiểu nội dung, chương trình dạy học thể dục và các hoạt động TDDT; dự giờ giảng dạy thể dục ở các khối lớp khác nhau.

b. Tìm hiểu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kế hoạch giảng dạy,... của trường phổ thông.

c. Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn của các cấp quản lý.

d. Dự giờ dạy của giáo viên trường kiến tập:

- Sinh viên sẽ dự 1, 2 giờ dạy mẫu do giáo viên chuẩn bị, sau đó các sinh viên phải thực hiện đi đủ **12 tiết/SV**;

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ; dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

e. Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp

- Mỗi sinh viên đăng ký để soạn 01 giáo án tương đương 01 tiết dạy, nghiên cứu tài liệu chuyên môn, soạn giáo án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trong nhóm theo giáo án đã được chuẩn bị để nhóm rút kinh nghiệm, góp ý, bổ sung trên cơ sở đó, lựa chọn một sinh viên có khả năng dạy tốt nhất đại diện cho nhóm giới thiệu với giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trên lớp: Sau khi được lựa chọn, giáo án giờ dạy của giáo sinh đại diện của nhóm phải được giáo viên hướng dẫn ký duyệt 02 ngày trước khi lên lớp và thực hiện tập giảng theo quy định của trường kiến tập.

* Cuối đợt kiến tập, sinh viên viết thu hoạch cá nhân nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy.

4.2. Kiến tập chủ nhiệm

a. Tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, thông qua giáo viên lên lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm; tìm hiểu về tình hình hoạt động của nhà trường; tìm hiểu hồ sơ sổ sách của nhóm lớp và các hoạt động thể dục thể thao nội, ngoại khoá trong Nhà trường.

b. Tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách đánh giá học lực, thể lực, hạnh kiểm của trẻ, thông qua lớp dự giờ giờ kiến tập chủ nhiệm. SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ, dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

* Cuối đợt kiến tập chủ nhiệm, sinh viên viết thu hoạch cá nhân nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm để cho điểm phần kiến tập chủ nhiệm.

5. Phương pháp dạy - học

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.1. Điểm nội dung KTSP, gồm các phần

- Kiến tập giảng dạy: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;
- Kiến tập chủ nhiệm: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;

6.2. Công thức tính điểm nội dung KTSP

$$\text{Điểm KTSP} = \frac{KTGD + KTCN}{2} + (\text{hoac-}) \frac{Diemthuong}{Phat}$$

Ban chỉ đạo trường thực tập tổng hợp điểm nội dung KTSP.

+ *Điểm thưởng/phạt*: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm KTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

TT	PP kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Kiến tập giảng dạy	Điểm bài thu hoạch (Rubric 1)	CLO 1,2	30%
2	Giảng dạy	TBC điểm các tiết dự giờ (Rubric 2)	CLO 1,2,3	

3	Kiến tập chủ nhiệm	Điểm bài thu hoạch (Rubric 3)	CLO 3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Giảng dạy	TBC điểm các tiết dự giờ (Rubric 4)	CLO 2,3,4	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Điểm KTSP	$\frac{KTGD + KTCN}{2} + (hoac -) \frac{Diemthuong}{Phat}$	CLO 1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức
- Chấp hành tốt nội qui quy định của Trường đến thực tập.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình /Bộ giáo trình bắt buộc:

1. Trường Đại học Hồng Đức (2000), *Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHD*, ngày 24 tháng 9 năm 2020, *Về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức*.

6.44. Học phần Thực tập sư phạm/ Pedagogical internship

- Số tín chỉ: 05
- Mã học phần: 153130
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa Giáo dục Thể chất
- Điều kiện tiên quyết: Kiến tập sư phạm

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Sinh viên tìm hiểu toàn diện về thực tiễn giáo dục phổ thông: Chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông, giáo viên thể dục phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường phổ thông; làm quen với việc lập kế hoạch, xây dựng, huấn luyện đội tuyển thể thao, tổ chức, trọng tài các giải thể thao; tập soạn giáo án, tập giảng dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Năng lực đạt được: Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp vững chắc của giáo viên thể dục: Kỹ năng xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy môn thể dục; Kỹ năng tổ chức các hoạt động phong trào thể dục thể thao, huấn luyện đội tuyển, tổ chức và trọng tài các môn thể thao, hoạt động nhóm; Kỹ năng chủ nhiệm lớp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp.
- CO2: Tích lũy và rèn luyện kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập môn học thể dục.
- CO3: Sinh viên giảng dạy và biết làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Sinh viên viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường thực tập; SV nghiên cứu nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, phương pháp dạy học và các tài liệu liên quan, phòng bộ môn

CLO2: Giáo án lên lớp phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến và ký duyệt chậm nhất 02 ngày trước khi lên lớp; Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp dạy học; Sau các tiết lên lớp của sinh viên, Giáo viên hướng dẫn tổ chức rút kinh nghiệm để đánh giá giờ dạy, có sinh viên cùng ngành học đi dự giờ tham dự

CLO3: SV lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể đến từng tuần. Bản kế hoạch phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện. Trong kế hoạch cần ghi rõ nội dung công tác cụ thể, những biện pháp giáo dục chính sẽ vận dụng và chỉ tiêu cần đạt trong từng giai đoạn

CLO4: Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp; tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện thể dục thể thao, thăm một số gia đình học sinh; phối hợp với hội phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh

CLO 5: Sinh viên vận dụng kiến thức đã học tham gia các hoạt động tổ chức phong trào thể thao trong toàn trường (tổ chức thi đấu trọng tài các môn thể thao, thành lập và huấn luyện đội tuyển thể thao).

4. Nội dung học phần

Trong thời gian Thực tập sư phạm, sinh viên phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

4.1. Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở trường thực tập

a. Sinh viên viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường thực tập (*theo mẫu*) sau khi nghe trường Thực tập báo cáo về tình hình cơ cấu tổ chức hoạt động, nhiệm vụ năm học của nhà trường; chủ trương, biện pháp đổi mới công tác quản lý dạy- học của ngành; kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên trong trường; tình hình địa phương nơi trường đóng; các hoạt động khác của nhà trường và hoạt động của các đoàn thể cùng tham gia công tác giáo dục...; những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của giáo viên...

b. SV nghiên cứu nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, phương pháp dạy học và các tài liệu liên quan, phòng bộ môn, ... và thiết bị dạy học; nắm tình hình thực hiện chương trình và dạy học bộ môn cụ thể ở trường thực tập.

Nội dung này do Trường Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền đánh giá.

4.2. Thực tập giảng dạy

a. Trong suốt thời gian thực tập giảng dạy mỗi sinh viên được một giáo viên của trường Thực tập hướng dẫn.

b. Số tiết thực tập giảng dạy của một SV trong toàn đợt, được quy định như sau:

Dự giờ 08 tiết, trong đó thực tập giảng dạy 06 tiết hoạt động chung.

c. Giáo án lên lớp phải đạt các yêu cầu sau:

- Phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến và ký duyệt chậm nhất 02 ngày trước khi lên lớp; đã tập giảng trước nhóm và góp ý trước khi lên lớp; không được tập giảng trước trẻ trường Thực tập.

- Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp dạy học; chú ý sử dụng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và các kỹ thuật dạy học khác, ...

- Thực tập với nhiều loại hình: lý thuyết, thực hành, ngoại khóa, ôn tập, chấm bài kiểm tra, chữa bài tập...; tập duyệt toàn bộ các khâu của quá trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, ôn tập, kiểm tra- đánh giá ...

d. Sau các tiết lên lớp của sinh viên, Giáo viên hướng dẫn tổ chức rút kinh nghiệm để đánh giá giờ dạy, có sinh viên cùng ngành học đi dự giờ tham dự.

e. Các tiết lên lớp của sinh viên đều nằm trong kế hoạch đánh giá; sinh viên không được lên lớp ngoài kế hoạch và vượt số tiết đã quy định.

4.3. Thực tập chủ nhiệm

a. Mỗi nhóm sinh viên (từ 2 - 3 người) thực tập chủ nhiệm (TTCN) 6 tiết/một lớp ở trường TT (không tính tuần đầu và tuần cuối, mỗi tuần 1 tiết), dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp đó. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng SV. Mỗi SV, ngoài việc thực hiện công tác được nhóm phân công, tự mình nhận một công tác cụ thể để chủ động tập duyệt làm tốt công tác đó.

b. SV lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể đến từng tuần. Bản kế hoạch phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện. Trong kế hoạch cần ghi rõ nội dung công tác cụ thể, những biện pháp giáo dục chính sẽ vận dụng và chỉ tiêu cần đạt trong từng giai đoạn (*theo mẫu*).

c. Những trọng tâm thực tập chủ nhiệm:

+ Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp; tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện thể dục thể thao, thăm một số gia đình học sinh;

phối hợp với hội phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh. Phân tích các sự kiện từ thực tế giáo dục để rút kinh nghiệm.

+ Thực hiện các chức năng, nghiệp vụ của người GVCN: Nắm vững các quy chế, quy định về nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên; chức năng của GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp; cách cho điểm, xếp loại học lực của học sinh; cách nhận xét, xếp loại hạnh kiểm, ghi sổ điểm, học bạ....

d. Kết hợp với lãnh đạo các đoàn thể của trường Thực tập để tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, ...; việc tổ chức các hoạt động này cũng cần xác định nội dung, xây dựng kế hoạch, biện pháp và phân công tổ chức thực hiện, hướng dẫn, rút kinh nghiệm, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá chất lượng, hiệu quả....

+ Vận dụng kiến thức đã học tham gia các hoạt động tổ chức phong trào thể thao trong toàn trường (tổ chức thi đấu trọng tài các môn thể thao, thành lập và huấn luyện đội tuyển thể thao).

+ Tham gia các hoạt động của trường phổ thông diễn ra trong đợt thực tập.

4.4. Dự các tiết thực tập của giáo viên và SV cùng ngành học

a. SV phải dự đủ số tiết thực tập đủ số tiết theo quy định sau:

Dự giờ: 8 tiết thể dục. Trong đó: Dự giờ dạy mẫu của giáo viên: 1-2 tiết; Số còn lại dự giờ của SV cùng ngành.

b. SV phải nghiên cứu và làm đề cương bài dạy trước khi dự giờ, ghi nhận xét dự giờ vào sổ Thực tập sư phạm. Đây là cơ sở để giáo viên hướng dẫn đánh giá về năng lực giảng dạy của mỗi SV.

c. Sau khi dự giờ, cùng dự họp với giáo viên hướng dẫn để rút kinh nghiệm.

5. Phương pháp dạy - học

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận, thực hành cá nhân, thực hành theo nhóm tại trường đến thực tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

6.1. Điểm thành phần của nội dung thực tập sư phạm

a. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập (THTTGD): Đánh giá việc THTTGD của SV qua bài thu hoạch về nội dung này, theo thang điểm 10.

b. Điểm thực tập giảng dạy

- Đánh giá toàn bộ công tác TTGD, gồm các tiết lên lớp, dự giờ của SV cùng ngành, các hoạt động giảng dạy khác và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định, theo thang điểm 10.

- Trong đánh giá lưu ý đến phần kiến thức cơ bản và đổi mới phương pháp dạy học bộ môn. Nếu sai kiến thức cơ bản hoặc chỉ dùng phương pháp thuyết trình và đọc chép thì giờ giảng đó chỉ ở mức tối đa là trung bình.

- Công thức tính điểm:

Điểm TTGD = Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá.

c. Điểm thực tập chủ nhiệm

Đánh giá từng tuần thực tập, theo thang điểm 10. Đánh giá theo nhóm và khả năng từng SV để tính điểm cho mỗi SV. Được thực hiện hằng tuần, và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định để đánh giá, gồm 3 phần:

- Khả năng làm kế hoạch, tổ chức chỉ đạo.
- Khả năng thực hiện chức năng nghiệp vụ của người giáo viên.
- Hiệu quả của công tác thực tập chủ nhiệm.

Tùy tình hình thực tế, Ban chỉ đạo trường thực tập quy định cách thức và xác định điểm cho mỗi nhóm TTCN trong từng tuần. Để khuyến khích từng SV trong nhóm hoạt động tích cực hơn, điểm của từng SV trong nhóm được xác định trên cơ sở điểm của toàn nhóm đã đạt được và hiệu quả hoạt động của từng SV.

- Công thức tính điểm: **Điểm TTCN = Trung bình cộng điểm các tuần TTSP.**

6. 2. Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm

Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm, gồm:

- Điểm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (THTTGD), hệ số 1.
- Điểm thực tập chủ nhiệm (TTCN), hệ số 1
- Điểm thực tập giảng dạy (TTGD), hệ số 2

6.3. Công thức tính điểm nội dung thực tập sư phạm

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{THTTGD} + \text{TTCN} + (\text{TTGD} \times 2)}{4} + (\text{hoặc-}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

*Điểm thưởng/phạt: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm TTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

TT	PP KTĐG	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (06)			
1	Tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập	Đánh giá việc THTTGD (Rubric 1)	CLO 1,2,3	30%
2	Điểm thực tập giảng dạy	Các tiết lên lớp, dự giờ của SV (Rubric 2)	CLO 1,2,3,4	
3	Thực tập chủ nhiệm	Trung bình cộng điểm các tuần TTSP (Rubric 3)	CLO 2,3,4,5	
4	Điểm thực tập sư	Bài thu hoạch tìm hiểu thực tế	CLO	

	phạm	giáo dục (THTTGD) (Rubric 4)	2,3,4,5	
5	Thực tập chủ nhiệm	Điểm thực tập chủ nhiệm (TTCN) (Rubric 5)	CLO 2,3,4,5	
6	Thực tập giảng dạy	Điểm thực tập giảng dạy (TTGD) (Rubric 6)	CLO 2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Giảng dạy	Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá (Rubric 7)	CLO 1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kỳ (01)			
	Điểm TTSP	$\frac{THTTGD + TTCN + (TTGD \times 2)}{4} + (\text{hoac}) - \frac{Diem\ thuong}{Phat}$	CLO 1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.
- Chấp hành tốt nội qui quy định của Trường đến thực tập.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình /Bộ giáo trình bắt buộc:

1. Trường Đại học Hồng Đức(2000), *Quyết định số 1435/QĐ-ĐHHD*, ngày 24 tháng 9 năm 2020, *Về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức ..*

6.45a. Thể dục aerobic/ Aerobic

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 193021
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Thể dục

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Học phần thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện. Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật Aerobic; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu Aerobic; Có khả năng trọng tài môn Aerobic.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học Thể dục Aerobic trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Sinh viên hiểu về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic, có khả năng phân tích kỹ thuật động tác của các nhóm bài tập.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng và phân tích được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống và công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic. Người học biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập, nghề nghiệp và rèn luyện sức khỏe. Có kỹ năng tập luyện vận dụng kiến thức vào thực tiễn tập luyện môn Thể dục Aerobic trong đời sống ở các điều kiện khác nhau.

- CLO2: Có kỹ năng trong việc tập luyện môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp nhạc và đẹp có tính nghệ thuật.

- CLO3: Có kỹ năng tập luyện và vận dụng kiến thức hiểu biết vào thực tiễn tập luyện, dạy học môn Thể dục Aerobic trong đời sống phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ. Và vận dụng vào nghề nghiệp huấn luyện, giảng dạy và tổ chức thi đấu môn Aerobic.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực. Tạo phong trào tập luyện Aerobic tại cơ sở.

-CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, lan toả được lợi ích của môn Aerobic tới cộng đồng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	LT	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic -Tổ chức thi đấu Aerobic; -Bảy bước cơ bản	3					9
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản	3					9
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)	3					9
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)				3		9
Nội dung 5: Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) -Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)				3		9
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				3		9
Nội dung 7: -Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) -Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				3		9
Nội dung 8: -Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V				3		9
Nội dung 9: -Liên kết 5 tổ hợp từ I – V -Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)				3		9
Nội dung 10: -Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến				3		9

động tác 26)						
Nội dung 11: -Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) -Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII				3		9
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết				3		9
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết				3		9
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết				3		9
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp sử dụng lời nói.
- Phương pháp trực quan và làm mẫu động tác.
- Phương pháp phân đoạn (phân chia động tác).
- Phương pháp tổng hợp và hoàn chỉnh động tác.
- Phương pháp sửa chữa động tác sai.
- Phương pháp hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO 1,2	30%
2	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 2)	CLO1,2,3	
3	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ(tổ hợp I,II) (Rubric 3)	CLO1,2,3,4	
4	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ I đến III (Rubric 4)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic (tổ hợp I đến VII) Rubric 5	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình bắt buộc:

[1] Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDDT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo :

[2] Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDDT HN.

[3] Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDDT

6.45b. Khiêu vũ Thể thao / Dance sport

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 193023
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: Thể dục

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần khiêu vũ thể thao (KVTT) giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn khiêu vũ thể thao, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Khái niệm, lịch sử, đặc điểm phân loại Khiêu vũ thể thao, các thuật ngữ KVTT, Kỹ thuật, Phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu KVTT.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết cách tập luyện môn khiêu vũ thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện. Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật khiêu vũ thể thao; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu khiêu vũ thể thao; Có khả năng trọng tài môn khiêu vũ thể thao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học khiêu vũ thể thao trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Sinh viên hiểu về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài khiêu vũ thể thao, có khả năng phân tích kỹ thuật động tác của các nhóm bài tập.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài khiêu vũ thể thao

- CO4: Vận dụng và phân tích được những kiến thức đã học của khiêu vũ thể thao vào rèn luyện sức khỏe và đời sống và công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn khiêu vũ thể thao. Người học biết vận dụng các kiến thức về môn khiêu vũ thể thao vào quá trình học tập, nghề nghiệp và rèn luyện sức khỏe. Có kỹ năng tập luyện vận dụng kiến thức vào thực tiễn tập luyện môn khiêu vũ thể thao trong đời sống ở các điều kiện khác nhau.

- CLO2: Có kỹ năng trong việc tập luyện môn khiêu vũ thể thao chính xác, đúng nhịp nhạc và đẹp có tính nghệ thuật.

- CLO3: Có kỹ năng tập luyện và vận dụng kiến thức hiểu biết vào thực tiễn tập luyện, dạy học môn khiêu vũ thể thao trong đời sống phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ. Và vận dụng vào nghề nghiệp huấn luyện, giảng dạy và tổ chức thi đấu khiêu vũ thể thao.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực. Tạo phong trào tập luyện khiêu vũ thể thao tại cơ sở.

-CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, lan toả được lợi ích của môn khiêu vũ thể thao tới cộng đồng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại khiêu vũ thể thao. Các danh từ, thuật ngữ cơ bản trong KVTT.	3					9
Nội dung 2: Kỹ thuật khiêu vũ Rumba	3					9
Nội dung 3: Khái quát	3					9
Nội dung 4: Kỹ thuật khiêu vũ Rumba				3		9
Nội dung 5: Kỹ thuật Khiêu vũ Rumba				3		9

(tiếp); Động tác cơ bản						
Nội dung 6: Bước nhảy hình quạt				3		9
Nội dung 7: Alemana				3		9
Nội dung 8: Bước chéo 45 ⁰				3		9
Nội dung 9: Bước quay tròn phải				3		9
Nội dung 10: Bước nhảy mở sang phải				3		9
Nội dung 11: Điệu Hand to hand				3		9
Nội dung 12: Điểm quay				3		9
Nội dung 13: Xoay hông ở tư thế mở				3		9
Nội dung 14: Xoay hông ở tư thế đóng				3		9
Nội dung 15: Ôn các kỹ thuật Khiêu vũ Rumba - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				3		9
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp sử dụng lời nói.
- Phương pháp trực quan và làm mẫu động tác.
- Phương pháp phân đoạn (phân chia động tác).
- Phương pháp tổng hợp và hoàn chỉnh động tác.
- Phương pháp sửa chữa động tác sai.
- Phương pháp hoạt động nhóm thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp\ kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO 1,2	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật Khiêu vũ Rumba (Động tác cơ bản) (Rubric 2)	CLO1,2,3	
3	Thực hành	Kỹ thuật Khiêu vũ Rumba (Điệu Hand to hand) (Rubric 3)	CLO1,2,3,4	
4	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần. (Rubric 4)	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật khiêu vũ Rumba (Điểm quay) (Rubric 5)	CLO1,2,3,4, 5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Kỹ thuật khiêu vũ điệu Rumba các nội dung. (Rubric 6)	CLO1,2,3,4, 5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình bắt buộc:

1. Vũ Thanh Mai-Chủ biên 2011, *Giáo trình khiêu vũ thể thao*; TDDT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo :

2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*; TDDT HN.

3. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDDT

6.46a. Học phần Nhảy cao nằm nghiêng - úp bụng/ High jump by one's side lying and high jump by belly downwarding

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; Th 36)

- Mã học phần: 191081

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: Nhảy xa

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy cao; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy cao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CO2: Người học có được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CO3: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CO4: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng .
- CO5: Chủ động, tích cực tham gia học tập trên lớp và tự tập luyện ngoại khóa ngoài giờ lên lớp của học phần.
- CO6: Có năng lực dạy học môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CO7: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CLO2: Người học và phân tích được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CLO3: Người học hiểu và thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CLO4: Người học hiểu và thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng
- CLO5: Người học hiểu rõ, phân tích được phương pháp giảng dạy. Có năng lực dạy học môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng .
- CLO6: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng .
- CLO7: Người học hiểu được luật thi đấu; cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng .
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			
	Giờ lên lớp (tiết)	TH	Khác	Tự

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			học
Nội dung 1: - Sự hình thành, phát triển môn nhảy cao. - Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy cao. - Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	3					9
Nội dung 2: - Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và úp bụng.	3					9
Nội dung 3: Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao.	3					9
Nội dung 4: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng: Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.				3		9
Nội dung 5: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng: - Ôn kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy.				3		9
Nội dung 6: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng: - Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống đất. - Phối hợp 4 giai đoạn kỹ thuật				3		9
Nội dung 7: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng: Hoàn thiện kỹ thuật				3		9
Nội dung 8: Nhảy cao kiểu úp bụng: Học KT giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy.				3		9
Nội dung 9: Nhảy cao kiểu úp bụng: - Ôn KT giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống đất.				3		9

Nội dung 10: Nhảy cao kiểu úp bụng: - Ôn kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống đất. - Phối hợp 4 giai đoạn kỹ thuật				3		9
Nội dung 11: Nhảy cao kiểu úp bụng: Hoàn thiện kỹ thuật				3		9
Nội dung 12: Thực hành phương pháp tổ chức giảng dạy môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng.				6		18
Nội dung 13: Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao.				6		18
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Lý thuyết chung (rubric 1)	CLO 1,2,3,4	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật và cách thức thực hiện các bài tập bổ trợ (rubric 2)	CLO4	
3	Thực hành	Phương pháp giảng dạy, cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn môn nhảy cao.(rubric 3)	CLO 5,7	
4	Chuyên cần	Sự hiện diện trên lớp và quá trình tham gia học tập môn học (rubric 4)	CLO 9,10	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Các kỹ thuật của các giai đoạn (rubric 5)	CLO 4,6,7	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Thành tích, kỹ thuật môn nhảy cao	CLO 3,4	50%

		(rubric 6)		
--	--	------------	--	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Đại Dương (2006), *Điện kinh*, Nxb TĐTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Ủy ban TĐTT (2013), *Luật Điện kinh*, Nxb TĐTT.
3. Nguyễn Kim Minh (2004), *Giáo trình Điện kinh*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.

6.46b. Học phần Nhảy cao lưng qua xà/High jump with the back cross bars subject

- Số tín chỉ: 03 (LT 9; TH 36)
- Mã học phần: 191082
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điện kinh
- Điều kiện tiên quyết: Nhảy xa

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần: Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy cao lưng qua xà.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn nhảy cao lưng qua xà; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn nhảy cao lưng qua xà xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy cao; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy cao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn nhảy cao lưng qua xà
- CO2: Người học có được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn nhảy cao lưng qua xà
- CO3: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn nhảy cao lưng qua xà
- CO4: Người học có thể thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn nhảy cao lưng qua xà .
- CO5: Chủ động, tích cực tham gia học tập trên lớp và tự tập luyện ngoại khóa ngoài giờ lên lớp của học phần.
- CO6: Có năng lực dạy học môn nhảy cao lưng qua xà
- CO7: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn nhảy cao lưng qua xà

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về lý thuyết chung của môn nhảy cao lưng qua xà
- CLO2: Người học và phân tích được những kiến thức cơ bản về mặt thực hành các kỹ thuật động tác của môn nhảy cao lưng qua xà
- CLO3: Người học hiểu và thể thực hiện hoặc làm mẫu được các động tác hỗ trợ môn nhảy cao lưng qua xà
- CLO4: Người học hiểu và thực hiện hoặc làm mẫu được kỹ thuật của môn nhảy cao lưng qua xà
- CLO5: Người học hiểu rõ, phân tích được phương pháp giảng dạy. Có năng lực dạy học môn nhảy cao lưng qua xà .
- CLO6: Có năng lực làm công tác phong trào tập luyện môn nhảy cao lưng qua xà .
- CLO7: Người học hiểu được luật thi đấu; cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao lưng qua xà .
- CLO8: Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới công việc.
- CLO9: Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp
- CLO10: Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, luôn cập nhật kiến thức mới ứng dụng vào công việc và cuộc sống.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)	Thực	Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	hành		
Nội dung 1: - Sự hình thành, phát triển môn nhảy cao. - Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy cao. - Kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng	3					9
Nội dung 2: - Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật nhảy cao kiểu nằm nghiêng và úp bụng.	3					9
Nội dung 3: - Luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao.	3					9
Nội dung 4: Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.				6		18
Nội dung 5: - Ôn kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy.				6		18
Nội dung 6: - Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy đà kết hợp giậm nhảy. - Học kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống đất.				6		18
Nội dung 7: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng; Hoàn thiện kỹ thuật				6		18
Nội dung 8: Thực hành phương pháp tổ chức giảng dạy môn nhảy cao lưng qua xà.				6		18
Nội dung 9: Thực tập phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao.				6		18
Tổng	9			36		135

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng gồm: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	PP kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Vấn đáp	Lý thuyết chung (rubric 1)	CLO 1,2,3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật và cách thức thực hiện các bài tập bổ trợ (rubric 2)	CLO 4	
3	Thực hành	Phương pháp giảng dạy, cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn môn nhảy cao. (rubric 3)	CLO 5,7	
4	Chuyên cần	Sự hiện diện trên lớp và quá trình tham gia học tập môn học (rubric 4)	CLO10.11	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Các kỹ thuật của các giai đoạn (rubric 5)	CLO 2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Thành tích, kỹ thuật môn nhảy cao (rubric 6)	CLO 2,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Đại Dương (2006), *Điện kinh*, Nxb TĐTT Hà Nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2. Ủy ban TĐTT (2013), *Luật Điện kinh*, Nxb TĐTT.
3. Nguyễn Kim Minh (2004), *Giáo trình Điện kinh*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Liệt kê các TLTK, CTĐT đã tham khảo để XD chương trình. Copy cả file và đường link (nếu có).

- Chương trình ĐH GDTC của trường Đại học TDTT Đà Nẵng.

<http://dsu.edu.vn/>

- Chương trình ĐH GDTC của trường Đại học SP Hà Nội.

<http://daotao.hnue.edu.vn/ChuongTrinhDaoTaoToanTruong.aspx>

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT.

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trường các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh

giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá CTĐT và điều chỉnh CTĐT.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

8.5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm. Trong trường hợp cần thiết phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng.

Việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Đậu Bá Thìn

